

VIỆN HÀN LÂM  
KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM  
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI

---

**HOÀNG THANH DŨNG**

**CÁC TÌNH TIẾT TẶNG NẶNG TRÁCH NHIỆM HÌNH SỰ  
THEO PHÁP LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM  
TỪ THỰC TIỄN TỈNH BÌNH PHƯỚC**

LUẬN VĂN THẠC SỸ LUẬT HỌC

HÀ NỘI, 2017

**VIỆN HÀN LÂM  
KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM  
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI**

---

**HOÀNG THANH DŨNG**

**CÁC TÌNH TIẾT TĂNG NẶNG TRÁCH NHIỆM HÌNH SỰ  
THEO PHÁP LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM  
TỪ THỰC TIỄN TỈNH BÌNH PHƯỚC**

Chuyên ngành: Luật hình sự và Tố tụng hình sự

Mã số: 60.38.01.04

**LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC**

**NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC: GS.TS. VÕ KHÁNH VINH**

HÀ NỘI, 2017

## **LỜI CAM ĐOAN**

*Tôi xin cam đoan luận văn là công trình nghiên cứu của riêng tôi. Các số liệu, kết quả đề cập trong Luận văn là trung thực, có nguồn gốc trích dẫn rõ ràng và chính xác.*

Tác giả luận văn

**HOÀNG THANH DŨNG**

## MỤC LỤC

<b>MỞ ĐẦU</b>	1
<b>Chương 1 Những vấn đề lý luận về các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự trong Luật Hình sự Việt Nam</b>	7
1.1. Khái niệm, đặc điểm của các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự	7
1.2. Phân loại tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự	10
1.3. Ý nghĩa và vai trò của tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự	15
<b>Chương 2 Các quy định của pháp luật hình sự về các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự và thực tiễn áp dụng tại tỉnh Bình Phước</b>	19
2.1. Quy định của pháp luật hình sự Việt Nam về các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự	19
2.2. Thực tiễn áp dụng các quy định của pháp luật hình sự về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự trong giải quyết vụ án hình sự tại tỉnh Bình Phước	37
<b>Chương 3 Các giải pháp bảo đảm áp dụng đúng các quy định của pháp luật hình sự về các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự</b>	62
3.1. Hoàn thiện các quy định của pháp luật hình sự Việt Nam về các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự	62
3.2. Tổng kết thực tiễn và hướng dẫn áp dụng các quy định của pháp luật hình sự về các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự	67
3.3. Nâng cao năng lực của cán bộ Tòa án nhân dân các cấp tỉnh Bình Phước trong hoạt động xét xử vụ án hình sự	70
3.4. Các giải pháp khác	77
<b>KẾT LUẬN</b>	76
<b>DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO</b>	78
<b>PHỤ LỤC</b>	

## DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

BLHS:	Bộ luật hình sự
CAND:	Công an nhân dân
CQĐT:	Cơ quan điều tra
HKTT:	Hộ khẩu thường trú
TAND:	Tòa án nhân dân
TTXH:	Trật tự xã hội
VKSND:	Viện kiểm sát nhân dân
XHCN:	Xã hội chủ nghĩa

## **DANH MỤC CÁC BẢNG BIỂU**

<b>Bảng 2.1:</b>	Kết quả thụ lý vụ án hình sự của Tòa án nhân dân các cấp tỉnh Bình Phước từ năm 2012 đến năm 2016.....	01
<b>Bảng 2.2:</b>	Kết quả giải quyết các vụ án hình sự của Tòa án nhân dân các cấp tỉnh Bình Phước từ năm 2012 đến năm 2016.....	02
<b>Bảng 2.3:</b>	Số bị cáo trong các vụ án hình sự đã được giải quyết của Tòa án nhân dân các cấp tỉnh Bình Phước từ năm 2012 đến năm 2016.....	03
<b>Bảng 2.4:</b>	Thông kê số vụ án bị sửa, hủy của Tòa án nhân dân các cấp tỉnh Bình Phước từ năm 2012 đến năm 2016.....	04

## MỞ ĐẦU

### 1. Tính cấp thiết của đề tài

Bình Phước là một tỉnh thuộc vùng Đông Nam Bộ, có diện tích tự nhiên là 6871,5 km<sup>2</sup>, với dân số khoảng 921.411 người, mật độ dân số bình quân khoảng 135 người/km<sup>2</sup>, phía Đông giáp tỉnh Lâm Đồng và Đồng Nai, phía Tây giáp tỉnh Tây Ninh và Campuchia, phía Nam giáp tỉnh Bình Dương, phía Bắc giáp tỉnh Đắk Nông và Campuchia. Tỉnh Bình Phước gồm 7 huyện và 3 thị xã, cụ thể: Huyện Đồng Phú, Chơn Thành, Hớn Quản, Lộc Ninh, Bù Đốp, Bù Gia Mập, Bù Đăng và thị xã Đồng Xoài, Phước Long, Bình Long.

Những năm qua, Bình Phước có tốc độ tăng trưởng kinh tế bình quân gần 10%/năm, đời sống vật chất và tinh thần của Nhân dân không ngừng được nâng cao, nhưng cũng có nhiều vấn đề đặt ra cần phải giải quyết như: Chênh lệch giàu nghèo tăng, tình hình tội phạm, tệ nạn xã hội có chiều hướng gia tăng, diễn biến phức tạp... Từ năm 2012 đến năm 2016, Tòa án nhân dân các cấp của tỉnh Bình Phước đã xét xử 5.467 vụ án hình sự (VAHS) với 10.907 bị can [28, tr. 1-8]. Rất nhiều VAHS, Tòa án đã áp dụng các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự (TNHS) được quy định trong Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009 (gọi tắt là BLHS năm 1999) để phân hóa TNHS trong những trường hợp tội phạm nguy hiểm hơn và cần phải tăng mức độ giáo dục, cải tạo người phạm tội. Việc áp dụng tình tiết tăng nặng TNHS đúng quy định đã góp phần giải quyết các vụ án hình sự hiệu quả, đảm bảo trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn, tuy nhiên, thực tiễn áp dụng còn một số khó khăn, vướng mắc làm cho kết quả giải quyết các vụ VAHS chưa đạt được hiệu quả cao nhất.

Khoản 1 Điều 48 BLHS năm 1999 quy định các tình tiết tăng nặng TNHS, đó là: “Phạm tội có tổ chức; phạm tội có tính chất chuyên nghiệp; lợi dụng chức vụ, quyền hạn để phạm tội; phạm tội có tính chất côn đồ; phạm tội vì động cơ đê hèn; cố tình thực hiện tội phạm đến cùng; phạm tội nhiều lần, tái phạm, tái phạm nguy hiểm; phạm tội đối với trẻ em, phụ nữ có thai, người già, người ở trong tình trạng không thể tự vệ được hoặc đối với người lệ thuộc mình về mặt vật chất, tinh thần, công tác hoặc các mặt khác; xâm phạm tài sản của Nhà nước; phạm tội gây hậu quả nghiêm trọng,

rất nghiêm trọng hoặc đặc biệt nghiêm trọng; lợi dụng hoàn cảnh chiến tranh, tình trạng khẩn cấp, thiên tai, dịch bệnh hoặc những khó khăn đặc biệt khác của xã hội để phạm tội; dùng thủ đoạn xảo quyệt, tàn ác phạm tội hoặc thủ đoạn, phương tiện có khả năng gây nguy hại cho nhiều người; xúi giục người chưa thành niên phạm tội; có hành động xảo quyệt, hung hãn nhằm trốn tránh, che giấu tội phạm”.

Và Khoản 2 Điều 48 BLHS quy định: “Những tình tiết đã là yếu tố định tội hoặc định khung hình phạt thì không được coi là tình tiết tăng nặng”. Như vậy, việc xác định yếu tố định tội, yếu tố định khung hình phạt có phải là tình tiết tăng nặng TNHS hay không vẫn được chưa được giải thích rõ. Một số tình tiết tăng nặng TNHS còn chưa có quy định cụ thể, rõ ràng và chưa có hướng dẫn áp dụng pháp luật dẫn đến việc áp dụng các tình tiết này của các Tòa án trên địa bàn tỉnh Bình Phước không thống nhất như tình tiết phạm tội đối với ông, bà, cha, mẹ.... Các tình tiết tăng nặng TNHS cũng không được quy định mức độ cụ thể tăng nặng TNHS, dẫn đến việc áp dụng tùy nghi, thiếu chính xác, có thể tạo điều kiện nảy sinh tiêu cực. Hiện nay, trong điều kiện tình hình mới, một số tình tiết phạm tội làm tăng nặng TNHS như lợi dụng danh nghĩa cơ quan, tổ chức để phạm tội... chưa được quy định là tình tiết tăng nặng TNHS làm cho việc phân hóa TNHS chưa triệt để, chưa cá thể hóa được TNHS một cách tối đa.

Để làm sáng tỏ các tình tiết tăng nặng TNHS và thực tiễn áp dụng các tình tiết này khi giải quyết các vụ án hình sự trên địa bàn tỉnh Bình Phước trong thời gian qua (2012 - 2016), từ đó, tìm giải pháp hoàn thiện trên phương diện lập pháp hình sự và giải pháp về mặt thực tiễn nhằm nâng cao hiệu quả áp dụng các tình tiết tăng nặng TNHS trong giải quyết các VAHS, bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn xã hội, góp phần phục vụ phát triển kinh tế, xã hội của tỉnh Bình Phước có ý nghĩa chính trị - xã hội và lý luận - thực tiễn quan trọng.

Vì vậy, tác giả chọn đề tài: ***“Các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo pháp luật hình sự Việt Nam từ thực tiễn tỉnh Bình Phước”*** làm đề tài Luận văn Thạc sĩ Luật học.

## **2. Tình hình nghiên cứu đề tài**



Việc nghiên cứu về các tình tiết tăng nặng TNHS với tư cách là một chế định liên quan đến các chế định khác của pháp luật hình sự như quyết định hình phạt, xác định TNHS trong tội phạm cụ thể hoặc nhóm tội phạm, nhóm người phạm tội... được đề cập trong các công trình như: Luận án tiến sĩ luật học của Dương Tuyết Miên (2003) về Quyết định hình phạt trong Luật Hình sự Việt Nam; Lê Cẩm (2002) về Nhân thân người phạm tội: Một số vấn đề lý luận cơ bản (Mục IV. Vai trò của các tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ thuộc về nhân thân người phạm tội đối với việc cá thể hóa TNHS và hình phạt)...

Về đối tượng nghiên cứu là các tình tiết tăng nặng TNHS và áp dụng các tình tiết này, có công trình như: Luận văn thạc sĩ của Trần Mạnh Toàn (2011) về Các tình tiết tăng nặng TNHS đối với người chưa thành niên phạm tội; Luận văn thạc sĩ của Bùi Văn Lam (2002) về Tình tiết tăng nặng TNHS trong Luật Hình sự Việt Nam; Luận văn thạc sĩ của Phan Hồng Thúy (2010) về Các tình tiết tăng nặng TNHS trong luật hình sự Việt Nam - một số vấn đề lý luận và thực tiễn; Luận văn thạc sĩ của Bùi Quang Vinh về Lợi dụng chức vụ, quyền hạn để phạm tội với tư cách là một tình tiết tăng nặng TNHS trong Luật hình sự Việt Nam; Luận văn thạc sĩ của Nguyễn Thị Phương về Phạm tội vì động cơ đê hèn với tư cách là một tình tiết tăng nặng TNHS trong Luật Hình sự Việt Nam; Thạc sĩ Lê Văn Luật (2007) về Bàn về tình tiết tăng nặng TNHS “Phạm tội đối với trẻ em”... Tuy nhiên, những công trình này nghiên cứu chủ yếu dưới góc độ tình tiết tăng nặng TNHS theo nghĩa hẹp, tức là các tình tiết tăng nặng TNHS chung được quy định trong BLHS Việt Nam năm 1999.

Luận văn thạc sĩ của Bùi Văn Lam nghiên cứu về tình tiết tăng nặng TNHS trong Luật Hình sự Việt Nam theo nghĩa rộng, gồm tình tiết tăng nặng TNHS định tội, tình tiết tăng nặng TNHS định khung và tình tiết tăng nặng TNHS chung. Công trình này nghiên cứu và công bố vào năm 2002, đến nay có một số vấn đề mới phát sinh trong thực tiễn chưa được luận văn này giải quyết. Đặc biệt, hiện tại, chưa có công trình nghiên cứu nào nghiên cứu về thực tiễn áp dụng tình tiết tăng nặng TNHS trong giải quyết vụ án hình sự trên một địa bàn cụ thể là tỉnh Bình Phước.

Như vậy, việc nghiên cứu đề tài “Các tình tiết tăng nặng TNHS trong Luật Hình sự Việt Nam từ thực tiễn tỉnh Bình Phước” không trùng lặp với các công trình đã nghiên cứu trước đây và là một nghiên cứu mới.

### **3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu**

#### **3.1. Mục đích nghiên cứu**

Trên cơ sở làm rõ lý luận về tình tiết tăng nặng TNHS trong Luật Hình sự Việt Nam và thực tiễn áp dụng quy định của pháp luật hình sự về tăng nặng TNHS trong giải quyết VAHS trên địa bàn tỉnh Bình Phước rút ra những vướng mắc, bất cập, từ đó đề xuất các kiến nghị, giải pháp nhằm hoàn thiện quy định của Luật Hình sự về các tình tiết tăng nặng TNHS và nâng cao hiệu quả áp dụng các tình tiết này trong giải quyết VAHS trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

#### **3.2. Nhiệm vụ nghiên cứu**

Để đạt được mục đích trên, luận văn thực hiện các nhiệm vụ sau:

- Làm rõ những vấn đề lý luận cơ bản về tình tiết tăng nặng TNHS gồm khái niệm, đặc điểm của tình tiết tăng nặng TNHS; phân loại tình tiết tăng nặng TNHS; ý nghĩa và vai trò của tình tiết tăng nặng TNHS.

- Phân tích, đánh giá làm sáng tỏ nội dung các quy định về tình tiết tăng nặng TNHS trong BLHS năm 1999; đánh giá và giải thích về tính nguy hiểm cho xã hội tăng lên của các tình tiết này, từ đó chỉ ra những thiếu sót, bất cập của quy định về các tình tiết tăng nặng TNHS, nhất là các quy định chưa rõ ràng, các tình tiết liên quan cần được bổ sung hoặc quy định về việc áp dụng, hướng dẫn áp dụng chưa cụ thể, rõ ràng.

- Đánh giá thực trạng áp dụng tình tiết tăng nặng TNHS trong giải quyết vụ VAHS trên địa bàn tỉnh Bình Phước, rút ra những kết quả đã đạt được, những hạn chế, bất cập và nguyên nhân của những hạn chế, bất cập.

- Đề xuất các kiến nghị, giải pháp nhằm hoàn thiện các quy định của pháp luật hình sự về các tình tiết tăng nặng TNHS và nâng cao hiệu quả áp dụng các tình tiết này trong giải quyết VAHS trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

### **4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu**

#### **4.1. Đối tượng nghiên cứu**

Luận văn nghiên cứu tình tiết tăng nặng TNHS theo nghĩa rộng gồm tình tiết tăng nặng TNHS định tội, tình tiết tăng nặng TNHS định khung và tình tiết tăng nặng TNHS chung. Bởi vì, Khoản 2 Điều 48 BLHS năm 1999 có đề cập đến yếu tố định tội, yếu tố định khung và tình tiết tăng nặng với nguyên tắc loại trừ áp dụng (thứ tự áp dụng) là yếu tố định tội, yếu tố định khung và tình tiết tăng nặng. Như vậy, tình tiết tăng nặng TNHS theo quy định của BLHS năm 1999 bao gồm tình tiết tăng nặng TNHS định tội, tình tiết tăng nặng TNHS định khung và tình tiết tăng nặng TNHS chung.

#### ***4.2. Phạm vi nghiên cứu***

Luận văn nghiên cứu thực tiễn áp dụng quy định của pháp luật hình sự về tình tiết tăng nặng TNHS trong giải quyết VAHS trên địa bàn tỉnh Bình Phước trong giai đoạn từ năm 2012 đến nay.

### **5. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu**

#### ***5.1. Phương pháp luận nghiên cứu***

Luận văn được thực hiện trên cơ sở phương pháp luận của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và những chủ trương, đường lối của Đảng, pháp luật của Nhà nước ta về chính sách, pháp luật hình sự.

#### ***5.2. Phương pháp nghiên cứu***

Quá trình nghiên cứu, luận văn đã sử dụng kết hợp các phương pháp nghiên cứu cụ thể như: phân tích, tổng hợp, so sánh, thống kê... để lý giải các vấn đề lý luận, đánh giá các quy định của pháp luật cũng như các vấn đề thực tiễn áp dụng các quy định của pháp luật hình sự về tình tiết tăng nặng TNHS trong giải quyết VAHS trên địa bàn tỉnh Bình Phước để hoàn thành các mục tiêu, nhiệm vụ nghiên cứu của đề tài.

### **6. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của luận văn**

#### ***6.1. Ý nghĩa lý luận của luận văn***

Kết quả nghiên cứu của luận văn góp phần bổ sung, hoàn thiện lý luận về tình tiết tăng nặng TNHS, giúp cho các nhà nghiên cứu có góc nhìn toàn diện, đầy đủ hơn về tình tiết tăng nặng TNHS và thực tiễn áp dụng quy định của BLHS năm 1999 về tình tiết tăng nặng TNHS.

Luận văn còn là nguồn tài liệu tham khảo phục vụ giảng dạy, nghiên cứu về các vấn đề có liên quan đến tình tiết tăng nặng TNHS và thực tiễn áp dụng quy định của pháp luật hình sự về tình tiết này.

### ***6.2. Ý nghĩa thực tiễn của luận văn***

Kết quả nghiên cứu của luận văn giúp các nhà quản lý, xây dựng pháp luật có cách tiếp cận đầy đủ về tình tiết tăng nặng TNHS trong pháp luật hình sự, từ đó, tiếp tục hoàn thiện pháp luật hình sự, đưa ra và thực hiện các giải pháp để nâng cao hiệu quả áp dụng tình tiết tăng nặng TNHS trong giải quyết các VAHS trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

### **7. Cơ cấu của luận văn**

Ngoài phần Mở đầu, Kết luận và Danh mục tài liệu tham khảo, nội dung của luận văn cấu trúc thành 03 chương:

Chương 1: Những vấn đề lý luận về các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự trong Luật Hình sự Việt Nam

Chương 2: Các quy định của pháp luật hình sự về các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự và thực tiễn áp dụng tại tỉnh Bình Phước

Chương 3: Các giải pháp bảo đảm áp dụng đúng quy định của pháp luật hình sự về các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự

## Chương 1

# NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ CÁC TÌNH TIẾT TĂNG NẶNG TRÁCH NHIỆM HÌNH SỰ THEO PHÁP LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM

### 1.1. Khái niệm, đặc điểm của các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự

#### 1.1.1. Khái niệm tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự

Khoản 1 Điều 8 BLHS năm 1999 quy định: “Tội phạm là hành vi nguy hiểm cho xã hội được quy định trong BLHS do người có năng lực TNHS thực hiện một cách cố ý hoặc vô ý, xâm phạm độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ Tổ quốc, xâm phạm chế độ chính trị, chế độ kinh tế, nền văn hóa, quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội, quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, xâm phạm tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm, tự do, tài sản, các quyền và lợi ích hợp pháp khác của trật tự pháp luật xã hội chủ nghĩa”.

Theo Luật Hình sự Việt Nam, hành vi bị coi là tội phạm được phân biệt với hành vi không phải là tội phạm qua 4 dấu hiệu, đó là: Tính nguy hiểm cho xã hội, tính có lỗi, tính trái pháp luật hình sự và tính phải chịu hình phạt. Về mặt cấu trúc, tội phạm có đặc điểm chung là đều hợp thành bởi những yếu tố nhất định, tồn tại không tách rời nhau, những yếu tố đó là: Khách thể, chủ thể, mặt khách quan và mặt chủ quan của tội phạm. Như vậy, tất cả các tội phạm đều phải thỏa mãn đầy đủ 4 yếu tố cấu thành tội phạm kể trên.

Lựa chọn hình phạt phù hợp cho các trường hợp phạm tội cụ thể là quá trình hoạt động phức tạp, đòi hỏi phải xem xét một cách toàn diện trong sự cân nhắc các tình tiết khác cũng có ý nghĩa ảnh hưởng đến tính nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội. Điều 45 BLHS năm 1999 quy định: “*Khi quyết định hình phạt, Tòa án căn cứ vào quy định của BLHS, cân nhắc tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân người phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ và tăng nặng TNHS*” [20, tr. 69]. Như vậy, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ TNHS có ý nghĩa hết sức quan trọng khi quyết định hình phạt.

Qua nghiên cứu cho thấy, các tình tiết tăng nặng TNHS bao gồm những tình tiết làm tăng tính nguy hiểm cho xã hội của tội phạm hoặc tình tiết làm tăng tính nguy hiểm

của nhân thân người phạm tội, do đó, người phạm tội phải chịu TNHS nặng hơn. Những tình tiết đó mang tính chất khách quan, được các nhà làm luật nhận thức và quy định trong BLHS để đảm bảo tính công bằng, nghiêm minh của pháp luật hình sự.

Tình tiết tăng nặng TNHS là tình tiết làm cho TNHS đối với người phạm tội trong từng trường hợp phạm tội cụ thể cao hơn, thể hiện ở ba mức độ khác nhau: Tội danh nặng hơn; khung hình phạt cao hơn; mức hình phạt nặng hơn. Tội danh nặng hơn được hiểu là tội danh dạng đặc biệt của tội danh cơ bản, tức là cấu thành tội phạm của tội danh nặng hơn là một dạng đặc biệt của cấu thành tội phạm cơ bản mà không có tình tiết này thì hành vi đã cấu thành tội phạm cơ bản. Do đó, một tội phạm thoả mãn cấu thành tội phạm nặng hơn thì coi như mặc nhiên nó đủ yếu tố cấu thành tội phạm cơ bản (nhẹ hơn). Hay nói cách khác, cấu thành tội phạm thuộc tội danh nặng hơn chính là tội phạm tăng nặng TNHS định tội. Việc quy định thành các tội như vậy là vì nhà làm luật cho rằng giữa các trường hợp đó có sự khác nhau về tính chất nguy hiểm cho xã hội của tội phạm. Như vậy, để hành vi cấu thành tội danh riêng nặng hơn, hành vi đó phải bao gồm các yếu tố cấu thành tội phạm chung, tức là nếu không có tình tiết tăng nặng TNHS định tội hành vi cũng đã cấu thành một tội phạm và người phạm tội phải chịu TNHS. Tình tiết tăng nặng chỉ làm cho TNHS nặng hơn theo một tội có chế tài nặng hơn [16, tr. 5].

Mức hình phạt cao hơn ở đây là mức hình phạt cao hơn của một loại hình phạt hoặc loại hình phạt nặng hơn trong một khung hình phạt của một tội phạm cụ thể. Khung hình phạt cao hơn ở đây là khung hình phạt cao hơn trong cùng tội quy định ở một điều luật. Tùy từng trường hợp nhà làm luật quy định khung hình phạt cao hơn trước hoặc sau. Nhưng chỉ những tội quy định cấu thành tội phạm cơ bản có khung hình phạt thấp nhất thì mới có khung hình phạt nặng hơn, mỗi tội có thể có một hoặc nhiều khung hình phạt tăng nặng.

Để đảm bảo yêu cầu phân hóa TNHS tương ứng với các mức tăng nặng TNHS dựa trên mức độ làm tăng tính nguy hiểm cho xã hội của từng tình tiết đối với từng tội phạm nhiều hay ít, BLHS quy định ba loại tình tiết tăng nặng TNHS đó là: Tình tiết tăng nặng TNHS định tội, tình tiết tăng nặng TNHS định khung, tình tiết tăng nặng chung.

Từ những phân tích trên, tình tiết tăng nặng TNHS có thể được hiểu như sau: *Tình tiết tăng nặng TNHS là những tình tiết thuộc yếu tố chủ quan hoặc khách quan của tội phạm, hay tình tiết thuộc nhân thân người phạm tội, mà khi có những tình tiết đó, tính nguy hiểm cho xã hội của người phạm tội hoặc tội phạm tăng lên và do đó TNHS phải tăng lên, thể hiện ở việc tội phạm bị xử lý theo tội danh nặng hơn, khung hình phạt nặng hơn, hoặc mức hình phạt cao hơn.*

### **1.1.2. Đặc điểm của các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự**

- Đặc điểm cơ bản của các tình tiết tăng nặng TNHS là hậu quả pháp lý phải gánh chịu tăng lên ở chỗ thể hiện tính nguy hiểm cho xã hội của tội phạm tăng lên hoặc thể hiện mức độ tăng của việc cần áp dụng biện pháp nghiêm khắc hơn để cải tạo, giáo dục người phạm tội. Việc thể hiện tính nguy hiểm cho xã hội tăng lên thuộc một trong các trường hợp sau:

+ Tính nguy hiểm cho xã hội tăng lên một cách đáng kể, vượt ra khỏi tội phạm cơ bản và đến một tội phạm cùng loại có mức hình phạt cao hơn. Tội phạm cùng loại này là tội phạm có mối quan hệ mật thiết với tội phạm cơ bản, chỉ khác nhau ở cấu thành định tội là có thêm tình tiết tăng nặng TNHS.

+ Tính nguy hiểm cho xã hội tăng lên một cách vừa phải và không vượt ra khỏi giới hạn của tội phạm đó, đến một khung hình phạt cao hơn khung hình phạt định tội. Đây chính là các tình tiết tăng nặng TNHS định khung, làm cho mức nguy hiểm cho xã hội của tội phạm đó vượt ra khỏi khung hình phạt ban đầu và đến một khung hình phạt khác nặng hơn của tội phạm đó.

+ Tính nguy hiểm cho xã hội tăng lên nhưng không vượt quá giới hạn của khung hình phạt đang xem xét. Đây là các tình tiết tăng nặng TNHS chung. Với các tình tiết này, cho dù có một hay nhiều hơn một tình tiết tăng nặng TNHS thì cũng không làm cho tội phạm thay đổi tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội một cách đáng kể, không thể vượt ra khỏi phạm vi khung hình phạt đó. Mức tăng lên của tính nguy hiểm cho xã hội được thể hiện bằng việc người phạm tội sẽ phải gánh chịu hình phạt nặng hơn trong khung hình phạt đó so với trường hợp phạm tội cùng loại nhưng không có tình tiết tăng nặng TNHS.

- Do tính chất của tình tiết tăng nặng TNHS là làm tăng tính nguy hiểm cho xã hội của tội phạm, từ đó tăng mức hình phạt lên cao hơn so với trường hợp thông thường, vì vậy, các tình tiết tăng nặng TNHS được quy định trong pháp luật hình sự một cách cụ thể, rõ ràng và không thể tùy tiện thêm bớt.

- Một tình tiết tăng nặng TNHS chỉ được áp dụng một lần trong một VAHS, chỉ những tình tiết tăng nặng TNHS nào liên quan đến VAHS mới được áp dụng trong VAHS đó và trong cùng một VAHS có đồng phạm, tình tiết tăng nặng TNHS thuộc về riêng một trong các đồng phạm thì chỉ áp dụng tình tiết tăng nặng TNHS đối với họ.

- Các tình tiết tăng nặng do các nhà làm luật nhận định phụ thuộc vào tính chất của tội phạm và yêu cầu đấu tranh phòng, chống tội phạm trong từng thời kỳ. Điều này có nghĩa, tình tiết tăng nặng TNHS trong mỗi thời kỳ là khác nhau, nó phụ thuộc vào sự đánh giá của nhà làm luật.

- Mỗi tình tiết tăng nặng TNHS có mức độ tăng TNHS khác nhau, mà cụ thể nhất là tình tiết tăng nặng TNHS định khung và tình tiết tăng nặng TNHS chung.

- Tình tiết tăng nặng TNHS làm tăng nặng TNHS đối với người phạm tội một cách có giới hạn. Đối với tình tiết tăng nặng TNHS, mặc dù bị chuyển sang tội danh mới nhưng ở tội danh này cũng có khung hình phạt cụ thể, mặc dù nặng hơn trường hợp phạm tội thông thường nhưng cũng không thể vượt ra ngoài khung hình phạt đó. Đối với tình tiết tăng nặng TNHS định khung cũng vậy, mặc dù chuyển khung hình phạt nhưng hình phạt ở khung mới cũng có khung giới hạn, không thể vượt quá khung đó, ngay cả khi có một hoặc nhiều tình tiết tăng nặng TNHS thuộc khung đó mà không có tình tiết tăng nặng TNHS thuộc khung phạm tội khác nặng hơn hoặc tình tiết tăng nặng TNHS định tội. Đối với trường hợp có một hoặc nhiều tình tiết tăng nặng TNHS chung cũng tương tự, khung hình phạt được áp dụng cũng không thể vượt quá giới hạn của khung đó.

## **1.2. Phân loại các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự**

### ***1.2.1. Phân loại căn cứ vào ý nghĩa pháp lý của các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự***

Căn cứ vào tiêu chí này, tình tiết tăng nặng TNHS được phân chia thành các loại sau:



- Tình tiết tăng nặng TNHS định tội.

Tình tiết tăng nặng TNHS định tội là tình tiết làm thay đổi tính chất nguy hiểm cho xã hội của tội phạm theo hướng tăng lên, tức là làm tăng tính nguy hiểm cho xã hội của tội phạm. Do đó, tội phạm phải được xử lý với tội nặng hơn.

Cần lưu ý rằng, đây là tình tiết tăng nặng TNHS định tội chứ không phải là tình tiết định tội, tuy nó đều đóng vai trò là một yếu tố trong cấu thành tội phạm, nhưng đây là yếu tố thuộc cấu thành tội phạm tăng nặng TNHS định tội. Nếu là tình tiết định tội thì khi không có tình tiết đó, hành vi không cấu thành tội phạm. Còn đối với các tình tiết tăng nặng TNHS định tội thì khi không có tình tiết đó (giả định luật không quy định đó là tình tiết tăng nặng) thì hành vi cũng đã cấu thành một tội phạm khác nhẹ hơn. Tình tiết đó chỉ đóng vai trò tăng thêm tính nguy hiểm cho xã hội của tội phạm mà sự tăng thêm đó làm cho tội phạm thay đổi về tính chất, mức độ nguy hiểm.

Trong Luật Hình sự Việt Nam, có những tình tiết tăng nặng TNHS đóng vai trò định tội trong các cấu thành tội phạm cơ bản như: Tình tiết người bị hại là trẻ em trong tội hiếp dâm trẻ em (Điều 112 BLHS), tội cưỡng dâm trẻ em (Điều 114 BLHS). Đây là tình tiết tăng nặng thuộc đối tượng tác động của tội phạm. Nếu Luật không quy định phạm tội đối với trẻ em là tình tiết tăng nặng thì người có hành vi hiếp dâm, cưỡng dâm người khác cũng đã phạm vào tội hiếp dâm, tội cưỡng dâm. Khi nghiên cứu tình tiết tăng nặng này cần phân biệt với tình tiết người bị hại là trẻ em trong một số tội như tội giao cấu với trẻ em (Điều 115 BLHS), tội dâm ô đối với trẻ em (Điều 116 BLHS) là những tình tiết định tội và tình tiết trẻ em chưa đủ 13 tuổi là tình tiết tăng nặng TNHS định khung trong tội hiếp dâm trẻ em. Nói phạm tội đối với trẻ em là tình tiết định tội trong các tội giao cấu với trẻ em, dâm ô đối với trẻ em, bởi vì nếu không có tình tiết đó thì hành vi không cấu thành tội phạm.

Tình tiết vi phạm quy tắc hành chính hoặc quy tắc nghề nghiệp trong tội vô ý làm chết người do vi phạm quy tắc hành chính hoặc quy tắc nghề nghiệp (Điều 99 BLHS) và tội vô ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe người khác do vi phạm quy tắc nghề nghiệp hoặc quy tắc hành chính (Điều 109 BLHS). Cơ sở để quy định các tội danh này nặng hơn tội vô ý làm chết người (Điều 98 BLHS) và tội vô ý

gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe người khác (Điều 108 BLHS), là quy tắc nghề nghiệp, quy tắc hành chính đã được “Luật hóa”, rõ ràng hơn, mọi người có nghĩa vụ phải tuân thủ, làm theo những quy trình nhất định. Do đó, tính chất nó khác với quy tắc xã hội. Vì vậy, trường hợp vô ý làm chết người do vi phạm quy tắc nghề nghiệp, quy tắc hành chính thì mức độ lỗi cao hơn. Tuy nhiên, do cả hai trường hợp đều có lỗi vô ý nên nếu không quy định thành tội riêng ở Điều 99 BLHS thì cả hai trường hợp đều xử lý về tội vô ý làm chết người.

Ngoài ra, trong BLHS còn có một số tình tiết tương tự như tình tiết tăng nặng TNHS định tội, như tình tiết nhằm chống chính quyền nhân dân ở tội khủng bố nhằm chống chính quyền nhân dân (Điều 84 BLHS), tình tiết tài sản là công trình, phương tiện quan trọng về an ninh quốc gia trong tội phá huỷ các công trình, phương tiện quan trọng về an ninh quốc gia (Điều 231 BLHS). Đây là những tình tiết thuộc những tội có dấu hiệu giống và nặng hơn các tội giết người, cố ý gây thương tích và tội huỷ hoại tài sản. Tuy nhiên, theo tác giả do những tội trên không xâm phạm cùng nhóm khách thể nên không thể coi những tình tiết đó là tình tiết tăng nặng TNHS định tội.

- Tình tiết tăng nặng TNHS định khung.

Tình tiết tăng nặng TNHS định khung hình phạt là tình tiết làm tăng mức độ nguy hiểm cho xã hội của tội phạm một cách đáng kể. Do đó, TNHS, hình phạt đối với trường hợp tội phạm có tình tiết đó cũng cao hơn, thể hiện ở chế tài được quy định ở khung cao hơn đối với chế tài của khung hình phạt cơ bản.

Tính nguy hiểm cho xã hội của tội phạm là liên tục không tách rời. Tuy nhiên, để đảm bảo thuận lợi cho cá thể hóa TNHS, tránh tùy tiện, thì hình phạt được chia thành từng khung nhất định. Khoảng cách giữa mức độ cao nhất và mức độ thấp nhất của hình phạt tội đó càng lớn thì càng có nhiều khung hình phạt (nhiều cấu thành tội phạm tăng nặng). Tương ứng, tình tiết tăng nặng nào biểu hiện cho tính nguy hiểm cho xã hội lớn hơn đáng kể so với tình tiết khác thì sẽ ở khung hình phạt cao hơn.

Nhìn chung, chỉ có tình tiết tăng nặng thuộc hậu quả vật chất của tội phạm và các tình tiết khác thuộc mặt khách quan của tội phạm có tính định lượng là phản ánh phạm vi rộng nhất mức độ ảnh hưởng của nó đến tính nguy hiểm cho xã hội của tội phạm. Do đó, tình tiết này có mặt ở hầu hết khung hình phạt tăng nặng. Các tình tiết

tăng nặng TNHS định khung khác chỉ có mặt ở một khung nhất định. Có những tình tiết tăng nặng TNHS định khung được dùng phổ biến ở nhiều nhóm tội, nhiều tội như: “phạm tội có tổ chức”, “phạm tội có tính chất chuyên nghiệp”, “tái phạm nguy hiểm”, “phạm tội gây hậu quả nghiêm trọng, rất nghiêm trọng, đặc biệt nghiêm trọng”... Có những tình tiết chỉ áp dụng cho một nhóm tội như: nhiều người phạm tội đối với một người, làm nạn nhân có thai... trong các tội phạm tình dục. Có tình tiết thì chỉ áp dụng cho một tội riêng biệt như “hành hung để tẩu thoát” ở tội trộm cắp tài sản.

- Các tình tiết tăng nặng TNHS chung.

Tình tiết tăng nặng TNHS chung là những tình tiết thuộc yếu tố chủ quan, khách quan, nhân thân người phạm tội làm cho tính nguy hiểm cho xã hội của tội phạm tăng lên ở mức độ nhất định, so với trường hợp không có tình tiết đó, có tác dụng tăng nặng TNHS đối với người phạm tội trong một khung hình phạt cụ thể của một tội phạm cụ thể. Ý nghĩa pháp lý của những tình tiết này là nhằm đảm bảo cá thể hóa hình phạt được chính xác, triệt để. Mức độ ảnh hưởng của các tình tiết tăng nặng chung đến tính nguy hiểm cho xã hội và do đó đến mức độ tăng nặng TNHS thấp hơn tình tiết tăng nặng TNHS định tội và tình tiết tăng nặng TNHS định khung.

Cách phân loại trên giúp định hướng trong việc nghiên cứu các tình tiết tăng nặng TNHS, xây dựng các tội phạm, các cấu thành tăng nặng phù hợp. Bên cạnh đó, trên cơ sở giá trị pháp lý của từng loại tình tiết giúp người áp dụng định tội, định khung, cá thể hóa hình phạt được xác định.

### ***1.2.2. Phân loại căn cứ vào tính chất của tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự***

Các tình tiết tăng nặng TNHS đều thể hiện việc làm tăng tính nguy hiểm cho xã hội của tội phạm, song do các tình tiết đó đều là biểu hiện sự nguy hiểm hơn của các yếu tố cấu thành tội phạm, của nhân thân người phạm tội, nên giữa các tình tiết có sự khác nhau về tính chất. Căn cứ theo tiêu chí này, các tình tiết tăng nặng TNHS được chia thành các loại sau:

- Tình tiết tăng nặng TNHS thuộc yếu tố chủ quan của tội phạm.

Là những tình tiết phản ánh thái độ tâm lý, diễn biến tâm lý của người phạm tội trước, trong khi phạm tội có vai trò làm tăng tính nguy hiểm cho xã hội của tội

phạm. Tất nhiên, thái độ, diễn biến tâm lý phải liên quan trực tiếp đến việc thực hiện tội phạm. Các tình tiết này gồm có: Phạm tội vì động cơ đê hèn; cố tình thực hiện tội phạm đến cùng.

- Các tình tiết tăng nặng TNHS thuộc nhân thân người phạm tội.

Những tình tiết thuộc về nhân thân người phạm tội là những tình tiết phản ánh các đặc điểm thuộc về con người phạm tội thể hiện tính nguy hiểm ít hay nhiều của người phạm tội. Xét đến đặc điểm thân nhân không có gì trái với nguyên tắc mọi người đều bình đẳng trước pháp luật mà rất cần thiết vì Tòa án xét xử một vụ án cụ thể cũng là xét xử một con người cụ thể. Hình phạt chỉ có thể hợp lý, công bằng, cũng như chỉ có thể phát huy đầy đủ tác dụng, khi nó tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi và với tính chất, mức độ nguy hiểm của bản thân người phạm tội.

Rõ ràng có những đặc điểm thân nhân liên quan hữu cơ với việc thực hiện tội phạm, nói lên mức độ nguy hiểm khác nhau của hành vi cũng như của người phạm tội, làm sáng tỏ mặt khách quan và chủ quan của tội phạm, nguyên nhân và điều kiện phạm tội, khả năng tiếp thu giáo dục, cải tạo của họ... Các tình tiết tăng nặng TNHS thuộc về nhân thân người phạm tội gồm: Phạm tội có tính chất chuyên nghiệp; phạm tội nhiều lần, tái phạm, tái phạm nguy hiểm; có hành động xảo quyệt, hung hãn nhằm trốn tránh, che giấu tội phạm.

- Tình tiết tăng nặng TNHS thuộc yếu tố khách quan của tội phạm.

Là những tình tiết phản ánh dấu hiệu bên ngoài của tội phạm, có ý nghĩa làm tăng mức độ nguy hiểm cho xã hội của tội phạm so với những trường hợp phạm tội tương đương không có những tình tiết này. Những tình tiết này phản ánh tính chất hành vi, công cụ, phương tiện, thủ đoạn, đối tượng phạm tội, hậu quả tội phạm, đó là: Phạm tội có tổ chức; lợi dụng chức vụ, quyền hạn để phạm tội; phạm tội có tính chất côn đồ; phạm tội đối với trẻ em, phụ nữ có thai, người già, người ở trong tình trạng không thể tự vệ được hoặc đối với người lệ thuộc mình về mặt vật chất tinh thần, công tác hoặc các mặt khác; xâm phạm tài sản của Nhà nước; phạm tội gây hậu quả nghiêm trọng, rất nghiêm trọng hoặc đặc biệt nghiêm trọng; lợi dụng hoàn cảnh chiến tranh, tình trạng khẩn cấp, thiên tai, dịch bệnh hoặc những khó khăn đặc biệt khác của xã hội để phạm tội; dùng thủ đoạn xảo quyệt, tàn ác phạm tội, hoặc thủ đoạn, phương tiện có khả năng

gây hại cho nhiều người; xúi giục người chưa thành niên phạm tội.

### **1.3. Ý nghĩa và vai trò của các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự**

#### **1.3.1. Ý nghĩa của các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự**

- Ý nghĩa về mặt pháp lý.

Các tình tiết tăng nặng TNHS là những tình tiết làm tăng mức độ nguy hiểm cho xã hội của tội phạm đã được thực hiện, do vậy chúng có ý nghĩa làm tăng TNHS và hình phạt đối với người đã thực hiện tội phạm cụ thể đó. Về mặt này, chúng có ý nghĩa rất quan trọng trong việc cá thể hóa hình phạt ở chỗ cho phép đánh giá mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội đã thực hiện, là một trong những cơ sở cho việc xác định mức độ TNHS đối với người phạm tội.

Các tình tiết tăng nặng TNHS không có giá trị tăng nặng như nhau trong mỗi tội phạm cụ thể. Có những tình tiết có ý nghĩa tăng nặng lớn, nhưng có tình tiết chỉ có ý nghĩa tăng nặng phần nào TNHS đối với người phạm tội. Do vậy, việc hiểu và vận dụng đúng đắn các tình tiết tăng nặng trong việc xác định TNHS chỉ có thể quy định một cách khái quát mức hình phạt thấp nhất và cao nhất trong một khung hình phạt đối với một tội phạm. Vì trong thực tế mỗi tội phạm xảy ra rất khác nhau về nguyên nhân, hoàn cảnh, mức độ thực hiện tội phạm, mức độ gây thiệt hại, về thân nhân người phạm tội. Những tình tiết riêng biệt đó đóng một vai trò rất quan trọng trong việc đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội đã xảy ra và người phạm tội nên cũng ảnh hưởng đến TNHS. Do đó, việc cân nhắc các tình tiết tăng nặng TNHS khi quyết định hình phạt đối với người phạm tội là thực hiện nguyên tắc cá thể hóa hình phạt, đảm bảo sự công bằng giữa các công dân trước pháp luật.

Việc quy định các tình tiết tăng nặng trong BLHS và vận dụng đúng các tình tiết tăng nặng trong việc xác định TNHS đối với người phạm tội có ý nghĩa rất lớn trong việc thực hiện mục đích của hình phạt là cải tạo, giáo dục người phạm tội. Nhìn vào đường lối xử lý của Nhà nước ta đối với người phạm tội có thể thấy Luật Hình sự luôn tạo ra mọi cơ hội cho người phạm tội quay trở về với cuộc sống lương thiện. Trong pháp luật thi hành án hình sự, đối với các trường hợp phạm tội có tình tiết tăng nặng khác nhau trong quá trình chấp hành hình phạt (hình phạt tù) thì phải có biện pháp cải tạo, giáo dục phù hợp để người bị kết án sớm trở thành công dân có ích cho xã hội.

- Ý nghĩa về mặt chính trị.

Các tình tiết tăng nặng TNHS thể hiện cụ thể đường lối, chính sách hình sự của Đảng và Nhà nước. Khoản 2 Điều 3 BLHS năm 1999 thể hiện rõ đường lối xử lý nghiêm trị kết hợp với khoan hồng đối với người phạm tội: "*Nghiêm trị người chủ mưu, cầm đầu, chỉ huy, ngoan cố chống đối, lưu manh, côn đồ, tái phạm nguy hiểm, lợi dụng chức vụ, quyền hạn để phạm tội, người phạm tội dùng thủ đoạn xảo quyệt, có tổ chức, có tính chất chuyên nghiệp, cố ý gây hậu quả nghiêm trọng. Khoan hồng đối với người tự thú thành khẩn khai báo, tố giác người đồng phạm, lập công chuộc tội, ăn năn hối cải, tự nguyện sửa chữa hoặc bồi thường thiệt hại đã gây ra*" [20, tr. 48].

Việc quy định các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ TNHS trong BLHS thể hiện chính sách xử lý có phân hóa trong khi xác định TNHS và hình phạt đối với người phạm tội, giáo dục khuyến khích họ tích cực sửa chữa, cải tạo họ trở thành người lương thiện. Việc quy định các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ TNHS trong BLHS còn có tác dụng thống nhất việc vận dụng đường lối xét xử trong cả nước góp phần hạn chế việc vận dụng tùy tiện các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ, bảo đảm nguyên tắc pháp chế XHCN trong lĩnh vực hình sự.

Mặt khác, thông qua việc quy định các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ TNHS và việc vận dụng nó trong việc xác định TNHS đối với phạm tội, Nhà nước làm cho mọi công dân thấy rõ những trường hợp nào cần xử nặng, những trường hợp nào cần khoan hồng, điều này có tác động tích cực trong việc đấu tranh phòng và chống tội phạm.

### ***1.3.2. Vai trò của tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự***

Các tình tiết tăng nặng là những tình tiết làm tăng mức độ nguy hiểm cho xã hội của tội phạm đã được thực hiện, do đó, các tình tiết này làm tăng TNHS và hình phạt đối với người đã thực hiện tội phạm cụ thể đó. Từ đó, các tình tiết này có vai trò rất quan trọng trong việc cá thể hóa hình phạt ở chỗ cho phép đánh giá mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội đã thực hiện, là một trong những cơ sở cho việc xác định mức độ TNHS đối với người phạm tội.

Mức độ ảnh hưởng của mỗi một tình tiết tăng nặng TNHS đối với các loại tội phạm khác nhau cũng khác nhau. Có tình tiết làm thay đổi tính chất nguy hiểm cho xã hội của tội phạm nhưng cũng có tình tiết chỉ làm thay đổi mức độ nguy hiểm cho

xã hội của tội phạm. Tình tiết tăng nặng TNHS định tội giúp xác định tội phạm đúng với bản chất của loại tội và tương ứng, sẽ có hình phạt thích đáng. Tình tiết tăng nặng TNHS định khung giúp xác định khung hình phạt đúng với tính chất và mức độ phạm tội của người phạm tội.

Trong khung hình phạt này, tình tiết tăng nặng TNHS chung giúp xác định hình phạt cụ thể của tội phạm cụ thể, tuy nhiên, từng tình tiết tăng nặng TNHS có mức độ thay đổi TNHS theo hướng tăng lên của tội phạm khác nhau. Sự đánh giá mức độ thay đổi này, pháp luật hình sự không quy định khoảng biên thiên mà do người áp dụng pháp luật tự đánh giá và xác định phù hợp với từng trường hợp. Các tình tiết tăng nặng TNHS tồn tại trong pháp luật hình sự, được pháp luật hình sự ghi nhận và là chuẩn mực để đánh giá các dấu hiệu cụ thể trong vụ án hình sự có phù hợp với tình tiết này hay không, để làm cơ sở xác định mức TNHS cụ thể và hình phạt cụ thể.

Bản chất của tình tiết tăng nặng TNHS là làm tăng thêm TNHS đối với người phạm tội, điều này cũng đồng nghĩa với nội dung chính của TNHS là hình phạt sẽ tăng thêm đối với người phạm tội có tình tiết này so với người phạm tội không có tình tiết tăng nặng TNHS. Các tình tiết tăng nặng TNHS tồn tại trong pháp luật hình sự, được pháp luật hình sự ghi nhận là chuẩn mực để đánh giá các dấu hiệu cụ thể trong VAHS có phù hợp với tình tiết này không để làm cơ sở xác định mức TNHS cụ thể và hình phạt cụ thể.

### **Kết luận Chương 1**

Tình tiết tăng nặng TNHS là yếu tố, dấu hiệu mà nhà làm luật quy định theo đó, trong VAHS xuất hiện các yếu tố, dấu hiệu này sẽ làm tăng tính nguy hiểm cho xã hội của tội phạm hoặc cần thiết để nâng mức độ TNHS đối với người phạm tội để cải tạo, giáo dục họ thể hiện ở việc tội phạm bị xử lý theo tội danh nặng hơn so với tội danh cơ bản cùng loại, khung hình phạt nặng hơn so với khung hình phạt cơ bản của cùng tội danh hoặc mức hình phạt cao hơn so với trường hợp không có tình tiết tăng nặng TNHS trong cùng khung hình phạt. Hay có thể nói, tình tiết tăng nặng TNHS là dấu hiệu, yếu tố làm cho TNHS của người phạm tội tăng lên so với trường hợp thông thường ở trong cùng một loại tội. Về mức độ tăng nặng, tình tiết tăng

nặng TNHS làm cho TNHS của người phạm tội trong từng trường hợp phạm tội cụ thể cao hơn trường hợp cơ bản, thông thường, thể hiện ở 3 mức độ khác nhau: Tội danh nặng hơn, khung hình phạt cao hơn hoặc mức hình phạt cao hơn so với tội phạm thông thường ở khung hình phạt đó.

Những nội dung của Chương 1 sẽ là cơ sở quan trọng để làm rõ nội dung của các tình tiết tăng nặng TNHS được quy định trong Luật Hình sự Việt Nam và thực tiễn áp dụng các tình tiết tăng nặng TNHS trong giải quyết VAHS trên địa bàn tỉnh Bình Phước ở Chương 2 của luận văn.



## Chương 2

# CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HÌNH SỰ VỀ CÁC TÌNH TIẾT TĂNG NẶNG TRÁCH NHIỆM HÌNH SỰ VÀ THỰC TIỄN ÁP DỤNG TẠI TỈNH BÌNH PHƯỚC

### 2.1. Quy định của pháp luật hình sự Việt Nam về các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự

#### 2.1.1. Quy định về các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự trước khi ban hành Bộ Luật hình sự năm 1999

- Các tình tiết tăng nặng TNHS của pháp luật thời phong kiến trong Bộ luật Hồng Đức.

Bộ luật Hồng Đức là BLHS Việt Nam thế kỷ XV đã được các nhà nghiên cứu đánh giá là Bộ luật có vị trí đặc biệt trong lịch sử pháp luật Việt Nam, thể hiện một nền pháp luật đạt đến đỉnh cao trong truyền thống pháp luật phong kiến Việt Nam. Bộ luật này đã đề cập đến một số nội dung về tình tiết tăng nặng TNHS, như: Các căn cứ chung cho việc tăng, giảm hình phạt được quy định tại các Điều 8, 47, 48, muốn xét tăng, giảm hình phạt cho người phạm tội phải căn cứ vào tính chất lỗi (vô ý hay cố ý) của hành vi phạm tội và tính chất cụ thể của vụ án. Căn cứ phổ biến của việc tăng hình phạt là: Nhân thân người phạm tội, mối quan hệ giữa người phạm tội và nạn nhân... thể hiện ở các Điều 429, 570, 588. Như vậy, Bộ luật Hồng Đức chưa xây dựng được một điều riêng quy định về các tình tiết tăng nặng TNHS mà quy định một số tình tiết rải rác ở các điều, chưa có tính khái quát, tính hệ thống.

- Các tình tiết tăng nặng TNHS trước khi pháp điển hóa.

Ngay sau khi Cách mạng tháng Tám thành công, Nhà nước Việt Nam dân chủ cộng hoà đã quan tâm đặc biệt đến công tác lập pháp, trong đó có pháp luật hình sự, nhằm góp phần bảo vệ trật tự, trị an xã hội, bảo vệ chính quyền nhân dân. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã ra nhiều sắc lệnh làm cơ sở để truy tố, xét xử các loại tội phạm, nhất là tội phản cách mạng. Nghiên cứu "Pháp lệnh trừng trị các tội phản cách mạng" (30/10/1967). "Pháp lệnh trừng trị các tội xâm phạm tài sản XHCN", "Pháp lệnh trừng trị các tội xâm phạm tài sản riêng của công dân" (21/10/1970) và

các bản tổng kết thực tiễn xét xử hàng năm của TAND tối cao cho thấy hệ thống pháp luật hình sự đã tương đối đầy đủ.

Các quy định tuy còn nằm ở nhiều văn bản khác nhau nhưng đã thể hiện tính có hệ thống, tính khoa học. Ngoài các tình tiết tăng nặng TNHS định khung, còn có những tình tiết tăng nặng chung (Điều 18 - Pháp lệnh trừng trị các tội xâm phạm tài sản công dân, Điều 19 - Pháp lệnh trừng trị các tội phản cách mạng). Tuy nhiên, do các tình tiết tăng nặng được quy định ở nhiều văn bản pháp luật khác nhau nên việc vận dụng rất khó khăn và thiếu thống nhất. Theo bản tổng kết thực tiễn vận dụng các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trong công tác xét xử về hình sự của Tòa án nhân dân tối cao (năm 1976) thì tình tiết tăng nặng được phân thành 3 nhóm: Những tình tiết tăng nặng thuộc về phương diện khách quan của tội phạm như: cộng phạm; xúi giục; lôi kéo người chưa thành niên phạm tội; lợi dụng thiên tai, dịch họa, hoàn cảnh chiến tranh, nơi có chiến sự, lợi dụng lũ lụt, hoả hoạn, lợi dụng tình hình trật tự trị an diễn biến phức tạp...; những tình tiết tăng nặng thuộc phương diện chủ quan của tội phạm như: Phạm tội vì động cơ đê hèn, phạm tội với động cơ hường lạc; có quyết tâm xâm phạm tội cao; có lỗi vô ý nặng; những tình tiết tăng nặng thuộc nhân thân người phạm tội như: người phạm tội là lưu manh chuyên nghiệp, lưu manh côn đồ, lưu manh cao bồi càn quấy; tái phạm; người phạm tội là phần tử xấu...

Qua nghiên cứu các quy định trên có thể thấy các tình tiết tăng nặng TNHS trong giai đoạn này đã được quy định có hệ thống và chặt chẽ, phản ánh một cách khá toàn diện tính nguy hiểm cho xã hội của tội phạm, phù hợp với tình hình kinh tế, xã hội của đất nước trong giai đoạn đó. Việc quy định những tình tiết này hết sức cần thiết, bảo đảm việc cá thể hóa TNHS được triệt để hơn, đảm bảo công bằng, đảm bảo đạt được mục đích hình phạt.

Ngoài những tình tiết thuộc bản chất chung của tội phạm thì Luật hình sự giai đoạn này cũng quy định những tình tiết tăng nặng đối với tội phạm ảnh hưởng, cản trở công cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước, công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội, xâm phạm nền chuyên chính vô sản, xâm phạm quan hệ sở hữu XHCN với các tình tiết như: xâm phạm tài sản XHCN, tội phạm phục vụ giúp đỡ cho việc kinh doanh, bóc lột, đầu cơ, làm thiệt hại trực tiếp đến công cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước.

- Quy định về tình tiết tăng nặng trách nhiệm trong Bộ luật hình sự năm 1985 và cho đến trước khi ban hành Bộ luật hình sự năm 1999.

Ngày 27/6/1985, Quốc hội khóa VII nước cộng hòa XHCN Việt Nam thông qua BLHS đầu tiên trong lịch sử lập pháp. Đây là BLHS đầu tiên nhưng thực sự chỉ là kết quả của quá trình hệ thống hóa (có sửa đổi, bổ sung) các văn bản pháp luật trước đó. Do vậy, các tình tiết tăng nặng TNHS trong BLHS năm 1985 cũng không có sự thay đổi nhiều so với trước đó. Một số tình tiết tăng nặng trước đó đã được lược bỏ để phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh mới; một số tình tiết mới được bổ sung.

Theo khoản 1 Điều 39 BLHS năm 1985, các tình tiết tăng nặng TNHS chung bao gồm:

- a) Phạm tội có tổ chức, xúi giục người chưa thành niên phạm tội;
- b) Lợi dụng hoàn cảnh chiến tranh, hoàn cảnh thiên tai hoặc những khó khăn đặc biệt khác của xã hội để phạm tội;
- c) Lợi dụng chức vụ cao để phạm tội;
- d) Phạm tội trong thời gian đang chấp hành hình phạt;
- đ) Dùng thủ đoạn xảo quyệt, tàn ác trong khi phạm tội hoặc thủ đoạn có khả năng gây nguy hại cho nhiều người;
- e) Phạm tội đối với trẻ em, phụ nữ có thai, người già, người ở trong tình trạng không thể tự vệ được hoặc đối với người lệ thuộc mình về mặt vật chất công tác hay mặt khác;
- g) Phạm tội vì động cơ đê hèn, cố tình thực hiện tội phạm đến cùng;
- h) Phạm tội gây hậu quả nghiêm trọng;
- i) Phạm tội nhiều lần, tái phạm, tái phạm nguy hiểm;
- k) Sau khi phạm tội đã có những hành động xảo quyệt, hung hãn, nhằm trốn tránh, che giấu tội phạm".

BLHS năm 1985 đã qua 4 lần sửa đổi, bổ sung và các tình tiết tăng nặng TNHS cũng có nhiều điều chỉnh quan trọng như: Bổ sung tình tiết tăng nặng chung "lợi dụng chức vụ cao để phạm tội"; coi đối tượng tác động của tội phạm là trẻ em, người chưa thành niên là tình tiết tăng nặng TNHS định tội trong các tội xâm phạm tình dục quy định ở 2 tội là "Tội hiếp dâm trẻ em" (Điều 112a BLHS), "Tội cưỡng

dâm người chưa thành niên” (Điều 113a BLHS); nhiều tội trước đây chỉ có 3 khung hình phạt nay thành 4 khung hình phạt; quy định thêm loại tình tiết tăng nặng TNHS định khung đặc biệt chỉ có ở loại tội có hai khung hình phạt tăng nặng trở lên. Nội dung của tình tiết tăng nặng TNHS định khung này là: Nếu tội phạm có nhiều tình tiết (tăng nặng) ở một khung thì sẽ bị xử lý theo khung hình phạt nặng hơn [21, tr. 34-35].

**2.1.2. Quy định về các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo Bộ luật hình sự hiện hành (Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009)**

- Tình tiết tăng nặng TNHS định khung.

Tình tiết tăng nặng khung hình phạt là loại tình tiết rất phổ biến trong Luật Hình sự. Loại tình tiết này có vai trò “giới hạn” tội phạm trong một khung hình phạt nhất định. Vai trò giới hạn của loại tình tiết này thể hiện ở việc dù tội phạm có một hay nhiều tình tiết tăng nặng TNHS định khung thì cũng chỉ bị xử lý theo khung hình phạt đó, không được xử phạt người phạm tội mức án cao hơn mức cao nhất của khung hình phạt đó (nhưng lại được xử phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt).

Qua xem xét, thấy rằng các tình tiết tăng nặng TNHS định khung có thể thuộc yếu tố khách quan, yếu tố chủ quan hoặc yếu tố nhân thân người phạm tội. Có tình tiết tăng nặng TNHS định khung có mặt ở nhiều nhóm tội khác nhau, có tình tiết tăng nặng TNHS định khung chỉ có ở một nhóm tội nhất định, có tình tiết tăng nặng chỉ có ở từng loại tội nhất định. Có những tình tiết tăng nặng có cả ở tội vô ý và tội cố ý, có những tình tiết tăng nặng chỉ có ở tội cố ý.

Việc quy định các tình tiết tăng nặng TNHS định khung không được đồng nhất giữa tình tiết là hậu quả với các tình tiết khác. Quy định các tình tiết tăng nặng TNHS định khung phải làm sao phản ánh được đầy đủ tính nguy hiểm cho xã hội của tội phạm trong mọi trường hợp. Việc quy định các tình tiết tăng nặng TNHS định khung như ở Điều 104 BLHS (Tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe người khác) là khoa học, hợp lý. Tức là dấu hiệu hậu quả ở khoản 1 nhưng có các tình tiết tăng nặng thuộc các dấu hiệu khác thì sẽ bị xử lý theo khoản 2, dấu hiệu hậu quả ở khoản 2 nhưng có tình tiết tăng nặng định khung thì xử lý theo khoản 3 (ở tội này, các tình tiết tăng nặng đồng thời cũng đóng vai trò là tình tiết định tội). Còn lại hầu hết các tội khác có 2 khung tăng nặng trở lên, việc quy định

các tình tiết tăng nặng TNHS định khung trong điều luật còn chưa hợp lý.

Ví dụ: Ở tội trộm cắp tài sản, nếu tài sản chiếm đoạt dưới 50 triệu đồng (định lượng ở khoản 1) nhưng thuộc một trong các tình tiết như phạm tội có tổ chức, phạm tội có tính chất chuyên nghiệp, tái phạm nguy hiểm, hành hung để tẩu thoát... thì bị xử lý theo khoản 2 Điều 138 BLHS. Nhưng nếu tài sản chiếm đoạt dưới 200 triệu đồng (định lượng ở khoản 2) và có tình tiết tăng nặng là phạm tội có tổ chức, phạm tội có tính chất chuyên nghiệp... thì vẫn bị xử lý theo khoản 2; tài sản dưới 500 triệu đồng và có các tình tiết tăng nặng trên thì vẫn bị xử lý theo khoản 3. Như vậy, các tình tiết tăng nặng trên đã không được tính đến trong những trường hợp này. Bởi vì, khoản 2 Điều 48 BLHS quy định: *"Những tình tiết đã là yếu tố định tội hoặc định khung hình phạt thì không được coi là tình tiết tăng nặng"* [20, tr. 71]. Và cũng không thể đã xử lý tội phạm theo khung hình phạt nặng hơn, lại còn áp dụng cả tình tiết tăng nặng TNHS định khung ở khung hình phạt nhẹ hơn được. Không chỉ liên quan đến hậu quả mà còn nhiều trường hợp khác tương tự.

Trong số các tình tiết tăng nặng TNHS thuộc nhân thân người phạm tội thì các tình tiết: tái phạm nguy hiểm, phạm tội có tính chất chuyên nghiệp, phạm tội nhiều lần được quy định là tình tiết tăng nặng TNHS định khung khá phổ biến.

+ Phạm tội nhiều lần theo các quan điểm hiện nay là có hai lần phạm tội trở lên mà mỗi lần thực hiện tội phạm đã đủ yếu tố cấu thành tội phạm. Những hành vi đó phải cùng loại. Phạm tội nhiều lần được quy định là tình tiết tăng nặng TNHS định khung ở một số tội như: bắt giữ người trái pháp luật (Điều 123 BLHS), các tội xâm phạm tình dục như hiếp dâm, cưỡng dâm... (từ Điều 111 đến Điều 116 BLHS), các tội phạm về ma túy (từ Điều 193 đến Điều 201 BLHS), các tội về tham nhũng (từ Điều 278 đến Điều 284 BLHS)...

Cần phân biệt sự khác nhau giữa phạm tội nhiều lần trong các tội có cấu thành tội phạm vật chất có dấu hiệu định lượng ở khung hình phạt với phạm tội nhiều lần trong các tội có cấu thành tội phạm hình thức. Trong các tội có cấu thành tội phạm hình thức, thì phạm tội nhiều lần đương nhiên nguy hiểm hơn rất nhiều so với phạm tội một lần vì hậu quả không phải là yếu tố bắt buộc trong cấu thành tội phạm. Ví dụ: hiếp dâm nhiều lần rõ ràng là nguy hiểm hơn rất nhiều hiếp dâm một lần... Như vậy, có nghĩa

rằng, đối với tội phạm có cấu thành hình thức thì phạm tội nhiều lần làm tăng tính nguy hiểm cho xã hội của tội phạm đó lên rất nhiều. Do vậy, việc quy định tình tiết “phạm tội nhiều lần” là tình tiết tăng nặng TNHS định khung của loại tội này là hợp lý.

Riêng đối với tội phạm có cấu thành vật chất, có dấu hiệu định lượng trong các khung hình phạt thì việc phạm tội nhiều lần cũng đã đóng vai trò nhất định đối với định lượng, định khung tăng nặng. Tức là, do phạm tội nhiều lần mà hậu quả lớn hơn. Ví dụ: Một lần nhận hối lộ 2 triệu đồng thì bị xử lý theo khoản 1 Điều 279 BLHS, nhưng nếu hai lần nhận hối lộ, mỗi lần 2 triệu đồng thì đã bị xử lý theo khoản 2 Điều 279 BLHS, tức là do phạm tội nhiều lần mà bị xử lý theo khung hình phạt nặng hơn. Bên cạnh đó, phạm tội nhiều lần tức là sau mỗi lần phạm tội chưa bị xử lý, chưa được cải tạo, giáo dục nên có thể coi những trường hợp này nhân thân không xấu bằng tái phạm cùng tội hoặc cùng loại tội. Hơn nữa, việc quy định tình tiết tăng nặng trên cơ sở định lượng tội phạm như hiện nay đã mặc nhiên coi định lượng tội phạm là dấu hiệu để khẳng định khung hình phạt.

Trong thực tiễn có không ít trường hợp do phạm tội nhiều lần là hậu quả vật chất của tội phạm đã vượt lên trở thành tình tiết định khung tăng nặng. Nếu trong trường hợp này vừa coi phạm tội nhiều lần là tình tiết định khung tăng nặng vừa coi tình tiết số lượng lớn (hậu quả nghiêm trọng...) cũng là tình tiết định khung thì vô hình chung một tình tiết đã được đánh giá để tăng nặng hai lần.

+ Tái phạm là trường hợp đã bị kết án, chưa được xoá án tích mà lại phạm tội do cố ý hoặc phạm tội rất nghiêm trọng, tội đặc biệt nghiêm trọng (Điều 49 BLHS).

Như đã phân tích ở trên, tái phạm nguy hiểm thể hiện nhân thân người phạm tội xấu hơn tái phạm. Nhưng các Điều 192, Điều 206, Điều 207 BLHS chỉ quy định tái phạm cùng loại tội là tình tiết tăng nặng TNHS định khung mà lại không quy định tái phạm nguy hiểm là tình tiết tăng nặng TNHS định khung, theo tác giả là bất hợp lý. Mặc dù tái phạm nguy hiểm là một dạng đặc biệt của tái phạm. Vì vậy, có thể hiểu trong trường hợp này tái phạm nguy hiểm cũng là tình tiết định khung cũng không có gì sai. Tuy nhiên, về kỹ thuật lập pháp việc quy định tái phạm thường (không phải cùng tội) là tình tiết tăng nặng TNHS định khung ở "Tội xâm phạm bí mật hoặc an toàn thư tín, điện thoại, điện tín của người khác" Điều 125 BLHS là

chưa chính xác. Bởi vì ngay tại điểm g khoản 1 Điều 48 BLHS, người làm luật cũng quy định tái phạm, tái phạm nguy hiểm là tình tiết tăng nặng chung.

Tái phạm cùng tội (hoặc cùng loại tội) nguy hiểm hơn rất nhiều so với tái phạm thông thường. Vì vậy, tình tiết này chỉ được quy định là tình tiết tăng nặng TNHS định khung trong phạm vi các tội trên là còn quá hẹp. Tái phạm tội này là trường hợp tái phạm lại chính tội trước đó. Như vậy, có thể coi tái phạm cùng tội (hoặc có thể cùng loại tội) là hình thức đặc biệt của phạm tội nhiều lần và nguy hiểm hơn phạm tội nhiều lần. Bởi vì sau khi bị kết án, được giáo dục, cải tạo nhưng vẫn tiếp tục phạm tội đó. Do đó, tái phạm cùng tội cũng nguy hiểm không kém tái phạm nguy hiểm. Qua đó, chúng ta có thể thấy ở những tội quy định phạm tội nhiều lần tái phạm cùng tội cũng là tình tiết tăng nặng TNHS định khung là chưa phù hợp.

+ Tình tiết phạm tội gây hậu quả nghiêm trọng, rất nghiêm trọng hoặc đặc biệt nghiêm trọng đã được cụ thể hóa và chưa cụ thể hóa là tình tiết tăng nặng TNHS định khung được quy định rất phổ biến trong BLHS. Hậu quả ở đây có thể là hậu quả về vật chất hoặc phi vật chất và không thuộc khách thể chính của tội phạm. Vì vậy, nó rất đa dạng nên không thể quy định cụ thể trong luật được mà cần phải giải thích bằng các văn bản dưới luật. Thông tư liên tịch số 02 ngày 25/12/2001 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Công an, Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành chương "Các tội xâm phạm sở hữu trong BLHS năm 1999 [32, tr. 1-9]. Chỉ lưu ý là những hậu quả đã được cụ thể hóa trong điều luật là tình tiết, định tội, tình tiết định khung thì không được coi là hậu quả nghiêm trọng, rất nghiêm trọng, đặc biệt nghiêm trọng để áp dụng các tình tiết này nữa.

- Tình tiết tăng nặng TNHS định tội.

Về tình tiết tăng nặng TNHS định tội chủ yếu vẫn giữ nguyên như BLHS 1985. Trong BLHS năm 1999 phạm tội đối với trẻ em được quy định là tình tiết tăng nặng TNHS định tội ở hai tội hiếp dâm trẻ em và cưỡng dâm trẻ em (Điều 112, Điều 114 BLHS). Đây là hai tội được tách ra từ Điều 112 (Tội hiếp dâm) và Điều 113 (Tội cưỡng dâm) BLHS 1985 (khi chưa sửa đổi). Theo quy định của điều luật thì trẻ em là người dưới 16 tuổi. Phạm tội với người càng ít tuổi thì tính nguy hiểm cho xã hội càng cao. Vì vậy, độ tuổi người bị hại trong tội phạm cũng được coi là

tình tiết tăng nặng TNHS định tội. Tình tiết tăng nặng này thuộc đối tượng tác động của tội phạm (tức là trong mặt khách quan của tội phạm). Do đó, việc buộc tội phải căn cứ vào dấu hiệu khách quan. Tức là người phạm tội dù biết hay không biết người bị hại dưới 16 tuổi thì đều phải chịu TNHS về tội này.

- Tình tiết tăng nặng tăng nặng TNHS chung.

Các tình tiết tăng nặng TNHS chung được quy định ở khoản 1 Điều 48 BLHS năm 1999 [20, tr. 71-72].

+ Phạm tội có tổ chức.

Là tình tiết tăng nặng được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 48 BLHS, phạm tội có tổ chức là hình thức đồng phạm có sự cấu kết chặt chẽ giữa những người thực hiện tội phạm, giữa những người phạm tội có sự cấu kết chặt chẽ, bàn bạc kế hoạch phân công nhiệm vụ thực hiện tội phạm dưới sự điều khiển của một hoặc một số người cầm đầu [23, tr. 280]. Trường hợp nhiều người cùng nhau thực hiện rất nhiều lần phạm tội cùng một loại một cách có hệ thống thì cũng phải coi là phạm tội có tổ chức. Vì vậy, cả người cầm đầu và người thực hành, người giúp sức đều phải chịu TNHS theo tình tiết tăng nặng "phạm tội có tổ chức".

Khoản 3 Điều 20 BLHS quy định: “Phạm tội có tổ chức là hình thức đồng phạm có sự cấu kết chặt chẽ giữa những người cùng thực hiện tội phạm” [20, tr. 56-57].

Tại điểm 3 mục I Nghị quyết số 02/HĐTP ngày 16/11/1988 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao đã hướng dẫn về các dạng biểu hiện của sự cấu kết chặt chẽ giữa những người cùng thực hiện tội phạm để coi trường hợp phạm tội cụ thể nào đó là phạm tội có tổ chức như sau:

“a. Những người đồng phạm đã tham gia vào một tổ chức phạm tội như: Đảng phái, hội, đoàn phản động, băng, ổ trộm, cướp... có những tên chỉ huy, cầm đầu. Tuy nhiên, cũng có khi tổ chức phạm tội không có những tên chỉ huy, cầm đầu mà chỉ là sự tập hợp những tên chuyên phạm tội đã thống nhất cùng nhau hoạt động phạm tội...

b. Những người đồng phạm đã cùng nhau phạm tội nhiều lần theo một kế hoạch đã thống nhất trước...

c. Những người đồng phạm chỉ thực hiện tội phạm một lần, nhưng đã tổ chức thực hiện tội phạm theo một kế hoạch được tính toán kỹ càng, chu đáo, có chuẩn bị



phương tiện hoạt động và có khi còn chuẩn bị cả kế hoạch che giấu tội phạm...”.

Như vậy, thực tiễn xét xử đã thừa nhận một trong những biểu hiện của phạm tội có tổ chức là những người đồng phạm cùng nhau phạm tội nhiều lần theo một kế hoạch đã thống nhất trước. Tình tiết “phạm tội có tổ chức” và tình tiết “phạm tội nhiều lần” mặc dù có thể có sự đan xen lẫn nhau nhưng chúng có ý nghĩa độc lập. Tình tiết “phạm tội nhiều lần” chỉ cần thoả mãn dấu hiệu phạm tội từ hai lần trở lên về cùng một loại tội và trong các lần phạm tội có ít nhất từ hai lần phạm tội mà người phạm tội chưa được miễn TNHS, chưa bị truy cứu TNHS và chưa hết thời hiệu truy cứu TNHS. Do vậy, nếu như trường hợp những người đồng phạm phạm tội nhiều lần nhưng không theo một kế hoạch đã thống nhất trước thì chỉ áp dụng tình tiết tăng nặng “phạm tội nhiều lần” đối với họ, còn trường hợp những người đồng phạm đã cùng nhau phạm tội nhiều lần theo một kế hoạch thống nhất trước thì phải áp dụng cả hai tình tiết tăng nặng “phạm tội nhiều lần” và “phạm tội có tổ chức” đối với những người phạm tội.

+ Phạm tội có tính chất chuyên nghiệp.

Phạm tội có tính chất chuyên nghiệp là người phạm tội lấy việc phạm tội là nguồn sống chính cho mình.

Khi áp dụng tình tiết tăng nặng này cần dựa vào hướng dẫn tại mục 5 Nghị quyết số 01/2006/NQ- HĐTP đó là có ý phạm tội từ năm lần trở lên về cùng một tội phạm không phân biệt đó bị truy cứu TNHS, nếu chưa hết thời hiệu truy cứu TNHS hoặc chưa được xoá án tích, đồng thời người phạm tội đều lấy các lần phạm tội làm nghề sinh sống và lấy kết quả của việc phạm tội làm nguồn sống chính. Khi áp dụng tình tiết này, cần lưu ý khái niệm chuyên nghiệp ở đây không đồng nghĩa với khái niệm nghề nghiệp của một người, vì không thể coi phạm tội là một nghề kiếm sống, tính chất chuyên nghiệp của hành vi phạm tội thể hiện ở chỗ tội phạm đó được lặp đi lặp lại nhiều lần mà người phạm tội coi việc phạm tội đó là phương tiện để kiếm sống. Tuy nhiên, không phải hành vi phạm tội nào cứ lặp đi lặp lại nhiều lần đều coi là có tính chất chuyên nghiệp, chỉ những hành vi phạm tội khi người vi phạm nhằm mục đích kiếm sống thì mới có tính chất chuyên nghiệp [23, tr. 283-284].

+ Lợi dụng chức vụ, quyền hạn để phạm tội.

Người có chức vụ, quyền hạn là người do bổ nhiệm, do bầu cử, do hợp đồng

hoặc do một hình thức khác, có hưởng lương hoặc không hưởng lương, được giao thực hiện một công vụ nhất định và có quyền hạn nhất định trong khi thực hiện công vụ. Lợi dụng chức vụ, quyền hạn để phạm tội là tội phạm xảy ra do người có chức vụ, quyền hạn thực hiện và hành vi phạm tội đó có liên quan trực tiếp đến chức vụ, quyền hạn của họ, nếu họ không có chức vụ, quyền hạn đó thì khó có thể thực hiện việc phạm tội; chức vụ, quyền hạn là điều kiện thuận lợi để người phạm tội thực hiện tội phạm một cách dễ dàng. Tuy nhiên, người phạm tội có lợi dụng chức vụ, quyền hạn để phạm tội thì mới bị coi là có tình tiết tăng nặng. Nếu tội phạm do họ thực hiện không có liên quan gì đến chức vụ, quyền hạn của họ thì dù họ có chức vụ, quyền hạn gì đi chăng nữa cũng không bị coi là có tình tiết tăng nặng này [23, tr. 285-286].

+ Phạm tội có tính chất côn đồ.

Phạm tội có tính chất côn đồ là trường hợp khi phạm tội người phạm tội đã rõ ràng coi thường các quy tắc trong cuộc sống, có những hành vi ngang ngược, càn quấy, bất chấp sự can ngăn của người khác, chỉ vì những duyên cớ nhỏ nhặt nhưng cũng cố tình gây sự để phạm tội. Tính chất côn đồ của hành vi phạm tội phụ thuộc vào cả hai yếu tố: Nhân thân người phạm tội và không gian, thời gian, địa điểm nơi xảy ra tội phạm. Khi xem xét nhân thân người phạm tội không chỉ xem xét quá khứ của họ mà phải xem xét cả tính cách, thái độ xử sự của họ trong cuộc sống hàng ngày và xem xét một cách toàn diện về nhân thân, thời gian, địa điểm, hành vi cụ thể mà người phạm tội thực hiện...

Theo BLHS năm 1999 thì tình tiết này vẫn là tình tiết định khung đối với các tội: tội cố ý gây thương tích, tội giết người... và nó được bổ sung là một tình tiết tăng nặng TNHS khi quyết định hình phạt đối với một số tội xâm phạm đến danh dự, nhân phẩm của con người như: Tội bức tử (Điều 100), tội đe dọa giết người (Điều 103), tội cưỡng đoạt tài sản (Điều 135)... hoặc một số tội xâm phạm trật tự công cộng, trật tự quản lý hành chính như tội đua xe trái phép (Điều 207), tội gây rối trật tự công cộng (Điều 245)... Tình tiết phạm tội có tính chất côn đồ cũng là tình tiết định tội, hoặc định khung tăng nặng của một số tội như tội giết người (điểm n khoản 1 điều 93 BLHS), tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác (điểm i khoản 1, 2, 3 điều 104 BLHS)... Do đó, khi quyết định hình phạt

đối với người phạm tội này thuộc trường hợp có tính chất côn đồ thì cần chú ý không coi tình tiết này là tình tiết tăng nặng TNHS nữa [23, tr. 287-289].

+ Phạm tội vì động cơ đê hèn.

Phạm tội vì động cơ đê hèn là trường hợp người phạm tội thực hiện tội phạm với động cơ rất xấu xa, thấp hèn, đáng khinh bỉ, không kể gì đến danh dự, nhân phẩm, tư cách của một con người. Động cơ phạm tội mang tính hèn nhát, bội bạc, phản trắc, ích kỷ. Phạm tội vì động cơ đê hèn chủ yếu xảy ra đối với các tội xâm phạm tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm, danh dự của con người và các tội xâm phạm đến các quyền tự do, dân chủ của công dân.

Việc xác định động cơ đê hèn của người phạm tội phải gắn với hành vi tội phạm mà người đó thực hiện. Tính chất đê hèn không phải ở hành vi phạm tội mà ở động cơ phạm tội thuộc mặt chủ quan của cấu thành nên rất khó xác định. Do đó, khi người phạm tội không khai thật động cơ phạm tội của mình thì cần xem xét, đánh giá tất cả các tình tiết khách quan của vụ án, mối quan hệ gia đình và xã hội giữa người phạm tội với người bị hại và những người thân của người bị hại... Trên cơ sở đó mà xác định người thực hiện hành vi phạm tội thực hiện hành vi tội phạm có vì động cơ đê hèn hay không [23, tr. 289-290].

+ Cố tình thực hiện tội phạm đến cùng.

Cố tình thực hiện tội phạm đến cùng là quyết tâm thực hiện ý định phạm tội của mình, mặc dù có sự can ngăn của người khác hoặc có những cản trở khác trong quá trình thực hiện tội phạm, thể hiện sự quyết tâm phạm tội cao, thực hiện bằng được tội phạm. Cố tình thực hiện tội phạm đến cùng là thể hiện quyết tâm phạm tội của người phạm tội, nên không phụ thuộc vào việc người phạm tội có đạt được mục đích phạm tội hay không. Có trường hợp, người phạm tội có quyết tâm thực hiện tội phạm nhưng lại không phải là cố tình thực hiện tội phạm đến cùng, vì trong quá trình thực hiện tội phạm, họ không bị sự cản trở nào, hoặc sự cản trở là không đáng kể. Mức độ tăng nặng TNHS của tình tiết này phụ thuộc vào quyết tâm thực hiện tội phạm và những cản trở mà người phạm tội gặp phải [23, tr. 292-291].

+ Phạm tội nhiều lần.

Phạm tội nhiều lần là phạm tội từ hai lần trở lên và mỗi lần thực hiện hành vi

đã cấu thành một tội phạm độc lập nhưng tất cả các tội phạm đó đều bị xét xử trong cùng một bản án. Phạm tội nhiều lần là người phạm tội có nhiều lần thực hiện hành vi phạm tội, nhưng hành vi đó chỉ cấu thành một tội, xâm phạm cùng một khách thể trực tiếp và chưa được đưa ra truy tố, xét xử. Nếu nhiều lần phạm tội mà mỗi lần đó lại cấu thành tội phạm khác nhau thì không phải là phạm tội nhiều lần mà là phạm nhiều tội. Phạm nhiều tội không phải là tình tiết tăng nặng TNHS, vì khi quyết định hình phạt, Tòa án tổng hợp hình phạt đối với từng tội và quyết định một hình phạt chung, nếu coi trường hợp phạm nhiều tội cũng như là phạm tội nhiều lần thì tội phạm nào người phạm tội cũng bị tăng nặng, như vậy là làm bất lợi cho người phạm tội hai lần về cùng một hành vi phạm tội.

Mức độ tăng nặng TNHS của tình tiết này phụ thuộc vào số lần phạm tội của bị cáo truy tố, xét xử và mức độ nghiêm trọng của tội phạm mà mỗi lần bị cáo thực hiện. BLHS năm 1999 quy định tình tiết “phạm tội nhiều lần” là tình tiết tăng nặng TNHS tại Điều 48 BLHS và tại khoản 2 các Điều 104, 111, 112, 113, 114, 115, 116, 119, 121, 123, 125, 131, 153, 162, 170, 171, 173, 176, 193, 194, 195, 196, 197, 198, 201, 228, 251, 254, 256, 257, 266, 278, 279, 280, 281, 282, 283, 284, 289, 290, 291 BLHS năm 1999.

+ Tái phạm.

Tái phạm là trường hợp đã bị kết án, chưa được xoá án tích mà lại phạm tội do cố ý hoặc phạm tội rất nghiêm trọng, tội đặc biệt nghiêm trọng do vô ý (Khoản 1 điều 49 BLHS). Tái phạm theo BLHS năm 1999 có đặc điểm sau:

Tội phạm đã bị kết án là một tội phạm bất kỳ được quy định trong BLHS, không nhất thiết phải là tội cùng loại, cùng tính chất với tội đang bị xét xử, không phân biệt tội đó là tội ít nghiêm trọng, tội nghiêm trọng, tội rất nghiêm trọng, tội đặc biệt nghiêm trọng, tội đó được thực hiện do vô ý hay cố ý.

Tội phạm mà người phạm tội trước đó đã bị kết án, không phân biệt họ bị áp dụng hình phạt gì trong hệ thống hình phạt, kể cả trường hợp họ được miễn hình phạt, vì miễn hình phạt cũng là bị kết án về một tội phạm nào đó nhưng vì họ có nhiều tình tiết giảm nhẹ, đáng được khoan hồng đặc biệt, nhưng chưa đến mức được miễn TNHS. Chưa được xoá án tích là chưa đủ những điều kiện theo quy định từ Điều 63 đến Điều 67 Chương IX BLHS về xoá án tích.

Tội mới mà người phạm tội thực hiện phải là tội do cố ý (không phân biệt tội ít nghiêm trọng, tội nghiêm trọng, tội rất nghiêm trọng hay tội đặc biệt nghiêm trọng) hoặc tội rất nghiêm trọng, tội đặc biệt nghiêm trọng do vô ý. Nếu án đã tuyên đối với người phạm tội khi chưa đủ 16 tuổi thì không tính để xác định tái phạm hoặc tái phạm nguy hiểm (khoản 6 Điều 69 BLHS năm 1999) [23, tr. 296-298].

+ Tái phạm nguy hiểm.

Tái phạm nguy hiểm là trường hợp đã bị kết án về tội rất nghiêm trọng, tội đặc biệt nghiêm trọng do cố ý, chưa được xoá án tích mà lại phạm tội rất nghiêm trọng, tội đặc biệt nghiêm trọng do cố ý, hoặc tái phạm, chưa được xoá án tích mà lại phạm tội do cố ý (điểm a, b khoản 2 Điều 49 BLHS năm 1999). Tái phạm nguy hiểm có những đặc điểm sau: Đã hai lần phạm tội đều là tội rất nghiêm trọng hoặc tội đặc biệt nghiêm trọng, hoặc một trong hai lần đó là tội rất nghiêm trọng hoặc tội đặc biệt nghiêm trọng do cố ý, trong đó có một lần đã bị kết án; đã tái phạm, chưa được xoá án tích mà lại phạm tội do cố ý, không phân biệt đó là tội ít nghiêm trọng, tội nghiêm trọng, tội rất nghiêm trọng hay tội đặc biệt nghiêm trọng.

+ Phạm tội đối với trẻ em.

Phạm tội đối với trẻ em là trường hợp người phạm tội xâm phạm trực tiếp đến tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm, danh dự và các quyền khác mà trẻ em có theo quy định của pháp luật. Theo Điều 1 Luật Trẻ em năm 2016 thì trẻ em là người dưới 16 tuổi.

Tình tiết “phạm tội đối với trẻ em” không chỉ là tình tiết tăng nặng TNHS mà trong nhiều trường hợp nó là yếu tố định tội hoặc khung hình phạt. Vì vậy, khi BLHS đã quy định tình tiết này là yếu tố định tội hoặc khung hình phạt thì không được coi là tình tiết tăng nặng TNHS khi quyết định hình phạt. Khi áp dụng tình tiết này cần chú ý một số điểm sau:

\* Việc xác định tuổi đối với người được xác định là trẻ em là một yêu cầu bắt buộc của các cơ quan tiến hành tố tụng.

\* Phạm tội đối với trẻ em không phải là tình tiết thuộc ý thức chủ quan của người phạm tội mà là tình tiết khách quan, do đó không cần người phạm tội phải nhận thức hoặc buộc họ phải nhận thức được đối tượng mà mình xâm phạm là trẻ em thì mới coi là tình tiết tăng nặng, mà chỉ cần xác định người mà người phạm tội xâm phạm là

trẻ em thì người phạm tội đã bị coi là phạm tội đối với trẻ em [23, tr. 302].

+ Phạm tội đối với phụ nữ có thai.

Phạm tội đối với phụ nữ có thai là trường hợp người phạm tội xâm phạm trực tiếp đến tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm và các quyền khác của người phụ nữ đang có thai. Phạm tội đối với phụ nữ có thai không phải là tình tiết thuộc ý thức chủ quan của người phạm tội, nên không yêu cầu người phạm tội phải biết người mà mình đang xâm phạm đang có thai thì mới coi là tình tiết tăng nặng, trường hợp này khác với trường hợp “giết phụ nữ mà biết là có thai” quy định tại điểm b khoản 1 Điều 93 BLHS năm 1999. Phạm tội đối với phụ nữ có thai có trường hợp là yếu tố định khung hình phạt như tại điểm d khoản 1, 2, 3 Điều 104 BLHS năm 1999 về tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác, nhưng chủ yếu là tình tiết tăng nặng. Khi áp dụng tình tiết tăng nặng này cần chú ý một số điểm sau:

\* Người phụ nữ đang có thai, không kể cái thai đó ở tháng thứ mấy.

\* Việc xác định người phụ nữ đang có thai hay không nhất thiết phải do giám định viên hoặc bác sĩ chuyên khoa.

\* Chỉ áp dụng tình tiết này đối với các tội xâm phạm đến người phụ nữ có thai khi hành vi của người phạm tội trực tiếp hoặc gián tiếp xâm phạm đến sự phát triển bình thường của thai nhi [23, tr. 304].

+ Phạm tội đối với người già.

Phạm tội đối với người già là trường hợp người phạm tội xâm phạm trực tiếp đến tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm, danh dự và các quyền khác của người già. Người già là người phải đạt đến độ tuổi nhất định. Nếu phạm tội đối với người chưa đến độ tuổi đó thì không coi là phạm tội đối với người già. Tình tiết phạm tội đối với người già cũng không phải là tình tiết thuộc ý thức chủ quan của người phạm tội, do đó cũng không cần thiết phải yêu cầu người phạm tội biết người mà mình xâm phạm là người già thì họ mới bị coi là phạm tội đối với người già, chỉ cần căn cứ vào tuổi của người bị xâm phạm để xác định người phạm tội có phạm tội đối với người già hay không.

+ Phạm tội đối với người ở trong tình trạng không thể tự vệ được.

Là trường hợp người phạm tội xâm phạm trực tiếp đến tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm, danh dự và các quyền khác của người đang ở trong tình trạng không thể

tự vệ được. Người ở trong tình trạng không thể tự vệ được là người do bản thân họ bị hạn chế về khả năng nhận thức hoặc khả năng điều khiển hành vi do bẩm sinh hoặc do những điều kiện khách quan đem lại như người bị tâm thần, bại liệt, bị mù, bị điếc, bị tàn tật... Khi xác định người phạm tội có phải chịu tình tiết này không, Tòa án cần căn cứ vào từng trường hợp cụ thể, chứ không phải căn cứ vào khả năng không thể tự vệ được của nạn nhân mà đã vội kết luận là bị cáo phạm tội trong trường hợp tăng nặng này. Tình trạng không thể tự vệ được của nạn nhân phải xảy ra lúc người phạm tội thực hiện tội phạm, không kể người phạm tội có ý thức lợi dụng tình trạng không thể tự vệ được của nạn nhân để phạm tội hay không. Mức độ tăng nặng TNHS của tình tiết này phụ thuộc vào khả năng tự vệ của nạn nhân nhiều hay ít. Nếu khả năng tự vệ hoàn toàn bị mất thì mức độ tăng nặng nhiều hơn trường hợp nạn nhân còn ít khả năng tự vệ nhưng vẫn không tự vệ được [23, tr. 306-307].

+ Phạm tội đối với người lệ thuộc mình về mặt vật chất, công tác hay các mặt khác.

Là trường hợp người phạm tội xâm phạm trực tiếp đến tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm, danh dự và các quyền khác của người bị lệ thuộc mình về mặt vật chất, công tác hay các mặt khác. Dấu hiệu đặc trưng của tình tiết này là mối quan hệ lệ thuộc giữa người phạm tội với người bị hại, trong đó người bị hại là người bị lệ thuộc vào người phạm tội. Sự lệ thuộc này có thể là lệ thuộc về mặt vật chất như con đối với bố mẹ, người làm công đối với ông chủ..., cũng có thể lệ thuộc về mặt công tác như nhân viên với thủ trưởng hoặc lệ thuộc các mặt khác như học sinh với thầy giáo, thầy thuốc với bệnh nhân... Sự lệ thuộc này phải có tính chất rõ nét, có sự ràng buộc giữa người phạm tội với người bị hại, nếu không có sự ràng buộc thì không thuộc trường hợp này. Mức độ tăng nặng TNHS của tình tiết này phụ thuộc vào mối quan hệ lệ thuộc giữa nạn nhân với bị cáo và vào nghĩa vụ của bị cáo đối với nạn nhân. Nếu mối quan hệ càng sâu sắc, nghĩa vụ của bị cáo đối với nạn nhân càng lớn thì mức tăng nặng càng nhiều và ngược lại [23, tr. 307-308].

+ Xâm phạm tài sản của Nhà nước.

Xâm phạm tài sản của Nhà nước là trường hợp người phạm tội đã gây thiệt hại đến tài sản của Nhà nước. Xâm phạm tài sản của Nhà nước chủ yếu áp dụng đối với

những trường hợp phạm tội có tính chất chiếm đoạt. Tuy nhiên cũng có một số trường hợp áp dụng đối với cả hành vi không có tính chất chiếm đoạt như chiếm giữ trái phép tài sản, sử dụng trái phép tài sản, hủy hoại hoặc cố ý làm hư hỏng tài sản... Mức độ tăng nặng của tình tiết này phụ thuộc vào tính chất và giá trị tài sản của Nhà nước bị xâm phạm, giá trị tài sản càng lớn thì mức độ tăng nặng càng nhiều và ngược lại.

+ Phạm tội gây hậu quả nghiêm trọng.

Hậu quả của tội phạm là những thiệt hại do hành vi nguy hiểm cho xã hội gây ra. Hậu quả nghiêm trọng là những thiệt hại do tội phạm gây ra lớn hơn so với mức bình thường. Khi xác định hậu quả của tội phạm như thế nào là mức bình thường phải căn cứ vào cấu thành tội phạm cụ thể. Hậu quả của tội phạm không chỉ là những thiệt hại về vật chất mà còn có những thiệt hại phi vật chất. Vì vậy, có trường hợp tuy thiệt hại về vật chất chưa phải là nghiêm trọng nhưng xét về các mặt khác thì vẫn có thể coi là phạm tội gây hậu quả nghiêm trọng. Tóm lại, khi xác định hậu quả có nghiêm trọng hay không phải căn cứ vào những thiệt hại do hành vi phạm tội gây nên trong một khung hình phạt cụ thể và không chỉ căn cứ vào những hậu quả về vật chất mà phải xét đến những hậu quả về mặt tinh thần, về các mặt khác của xã hội.

+ Phạm tội gây hậu quả rất nghiêm trọng hoặc đặc biệt nghiêm trọng.

Phạm tội gây hậu quả rất nghiêm trọng là những thiệt hại do tội phạm gây ra rất lớn, lớn hơn so với mức độ gây ra hậu quả nghiêm trọng. Việc xác định hậu quả như thế nào là rất nghiêm trọng phải căn cứ hành vi phạm tội cụ thể, nếu xâm phạm đến tính mạng, sức khỏe thì phải căn cứ vào thiệt hại về tính mạng, sức khỏe, nếu xâm phạm đến tài sản thì phải căn cứ vào thiệt hại về tài sản, cũng như những thiệt hại khác không phải là vật chất. Hậu quả rất nghiêm trọng còn phụ thuộc vào tội phạm được thực hiện do lỗi cố ý hay vô ý.

Hậu quả đặc biệt nghiêm trọng là những thiệt hại do tội phạm gây ra đặc biệt lớn, lớn hơn so với mức gây hậu quả rất nghiêm trọng. Việc xác định hậu quả đặc biệt nghiêm trọng cũng phải căn cứ vào thiệt hại do hành vi phạm tội gây ra trong từng vụ án cụ thể, căn cứ vào lỗi của người phạm tội, vào tính chất của hành vi phạm tội và mức độ thiệt hại do hành vi phạm tội gây ra. Đối với những thiệt hại phi vật chất, được coi là hậu quả đặc biệt nghiêm trọng khi hành vi phạm tội đã xâm



phạm đến nhiều mặt của đời sống xã hội, làm ảnh hưởng rất nghiêm trọng đến chính sách của Đảng và Nhà nước trên phạm vi rộng lớn, ảnh hưởng rất nghiêm trọng đến sản xuất, lưu thông trên phạm vi rộng, ảnh hưởng đến lòng tin của nhân dân đối với chính sách, đường lối của Đảng, Nhà nước mà không thể khắc phục ngay được.

+ Lợi dụng hoàn cảnh chiến tranh để phạm tội.

Là trường hợp người phạm tội đã lợi dụng hoàn cảnh có chiến tranh để thực hiện tội phạm. Việc thực hiện tội phạm do lợi dụng hoàn cảnh chiến tranh có thể được thuận lợi hơn, khó bị phát hiện hoặc có thể đạt được mục đích lớn hơn. Người phạm tội phải thực sự lợi dụng hoàn cảnh chiến tranh để phạm tội thì mới được coi là tình tiết tăng nặng. Nếu họ phạm tội trong lúc đang có chiến sự nhưng không có ý thức lợi dụng hoàn cảnh đó thì cũng không thuộc trường hợp này. Mức độ tăng nặng TNHS của tình tiết này phụ thuộc vào mức độ lợi dụng nhiều hay ít vào hoàn cảnh chiến tranh xảy ra lúc gây án [23, tr. 315].

+ Lợi dụng tình trạng khẩn cấp để phạm tội.

Lợi dụng tình trạng khẩn cấp để phạm tội là trường hợp người phạm tội đã lợi dụng tình trạng khẩn cấp trong đời sống xã hội để thực hiện hành vi phạm tội. Tình trạng khẩn cấp là tình trạng cấp bách của xã hội và của cá nhân mỗi người, khi ở trong tình trạng đó mọi người đều tập trung vào việc giải quyết, cứu chữa kịp thời, nhanh chóng thoát ra khỏi tình trạng này. Khi xác định người phạm tội có lợi dụng tình trạng khẩn cấp để thực hiện hành vi phạm tội hay không, phải xem họ thực hiện hành vi phạm tội trong điều kiện, hoàn cảnh nào và điều kiện, hoàn cảnh đó có thực sự là tình trạng khẩn cấp hay không, đồng thời, xác định người phạm tội phải lợi dụng trạng khẩn cấp đó để thực hiện tội phạm thì mới coi là “lợi dụng tình trạng khẩn cấp để phạm tội” [23, tr. 316-317].

+ Lợi dụng hoàn cảnh thiên tai để phạm tội.

Lợi dụng hoàn cảnh thiên tai để phạm tội là trường hợp người phạm tội đã lợi dụng thiên tai để thực hiện tội phạm. Thiên tai là những tai họa do thiên nhiên gây ra, thiên tai bao giờ cũng gây ra những khó khăn cho xã hội như bão lụt, động đất... Người phạm tội phải thật sự lợi dụng những khó khăn do thiên tai gây nên để phạm tội thì mới bị coi là tình tiết tăng nặng. Mức độ tăng nặng của tình tiết này

phụ thuộc vào mức độ khó khăn nhiều hay ít do thiên tai gây ra và ý thức lợi dụng của người phạm tội đối với khó khăn đó [23, tr. 318-319].

+ Lợi dụng dịch bệnh để phạm tội.

Lợi dụng dịch bệnh để phạm tội là trường hợp người phạm tội đã lợi dụng những khó khăn do dịch bệnh gây nên để thực hiện tội phạm. Người phạm tội lợi dụng dịch bệnh để phạm tội chủ yếu đối với các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế, các tội phạm về môi trường, cá biệt có trường hợp người phạm tội lợi dụng dịch bệnh để xâm phạm đến tính mạng, sức khỏe của người khác như tội lây truyền HIV cho người khác, tội cố ý lây truyền HIV cho người khác. Mức độ tăng nặng của tình tiết này phụ thuộc vào tính chất và mức độ của hành vi lợi dụng dịch bệnh để thực hiện hành vi phạm tội của người phạm tội.

+ Lợi dụng hoàn cảnh khó khăn đặc biệt khác của xã hội để phạm tội.

Khó khăn đặc biệt, thể hiện ở mức độ và phạm vi gây thiệt hại đến người và tài sản. Việc khắc phục đòi hỏi phải tập trung sức người, sức của và phải kịp thời, cấp bách như tai nạn máy bay, tàu biển, tàu hỏa gây chết nhiều người, hư hại nhiều tài sản; những khó khăn đặc biệt do công tác quản lý nhà nước, quản lý xã hội gây nên mà nhà làm luật chưa dự tính được. Người phạm tội phải có ý thức lợi dụng những khó khăn đặc biệt của xã hội để phạm tội thì mới coi là tình tiết tăng nặng. Nếu không có sự lợi dụng thì không thuộc tình tiết tăng nặng này.

+ Dùng thủ đoạn xảo quyệt, tàn ác phạm tội.

Dùng thủ đoạn xảo quyệt trong khi phạm tội là người phạm tội có những mảnh khóc, cách thức gian dối, thâm hiểm làm cho người bị hại hoặc những người khác khó lường thấy được để đề phòng. Dùng thủ đoạn tàn ác trong khi phạm tội là người phạm tội có những mảnh khóc, cách thức độc ác một cách tàn nhẫn, hoặc gây tác hại cho hàng loạt người không chút thương xót.

+ Dùng thủ đoạn, phương tiện có khả năng gây nguy hại cho nhiều người. Thủ đoạn, phương tiện mà người phạm tội thực hiện chỉ cần có khả năng gây nguy hại cho nhiều người đã bị coi là tình tiết tăng nặng TNHS rồi, không cần sự nguy hại đó thực sự xảy ra hay không.

+ Xúi giục người chưa thành niên phạm tội.

Xúi giục người chưa thành niên phạm tội là hành vi của một người đã kích động, dụ dỗ, thúc đẩy người dưới 18 tuổi thực hiện tội phạm. Người xúi giục có thể tham gia trong một vụ án có tổ chức hoặc chỉ phạm tội riêng lẻ. Mức độ tăng nặng của tình tiết này phụ thuộc vào số người bị xúi giục và độ tuổi của người bị xúi giục.

+ Có hành động xảo quyệt, hung hãn nhằm trốn tránh, che giấu tội phạm. Hành động xảo quyệt là những việc làm gian dối một cách thâm hiểm, khó mà lường thấy được. Hành động hung hãn là người phạm tội có hành vi rất dữ tợn, phá phách, đánh, giết người để tẩu thoát. Hành động xảo quyệt hoặc hung hãn của bị cáo là nhằm mục đích trốn tránh, che giấu tội phạm, cản trở hoạt động của cơ quan điều tra, truy tố, xét xử, làm cho tội phạm mà bị cáo thực hiện khó bị phát hiện hoặc có nguy cơ khó bị phát hiện [23, tr. 323-324].

## **2.2. Thực tiễn áp dụng các quy định của pháp luật hình sự về các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự trong giải quyết vụ án hình sự tại tỉnh Bình Phước**

### **2.2.1. Khái quát tình hình xét xử các vụ án hình sự của Tòa án nhân dân các cấp tại tỉnh Bình Phước**

Từ năm 2012 đến năm 2016, Tòa án nhân dân các cấp tại tỉnh Bình Phước đã thụ lý 7.660 VAHS với tổng số bị cáo là 15.487 người, trung bình 1.532 vụ/năm và 3.097 bị cáo/năm, trong đó, Tòa án nhân dân cấp tỉnh thụ lý 1.582 vụ (chiếm tỷ lệ 20,7%) với 2.642 bị cáo, trung bình 316 vụ/năm và 528 bị cáo/năm, Tòa án nhân dân cấp huyện thụ lý 6.078 vụ (chiếm tỷ lệ 79,3%) với 12.845 bị cáo, trung bình 1.216 vụ/năm và 2.569 bị cáo/năm, mỗi Tòa án nhân dân thị xã, huyện thụ lý trung bình khoảng 60,8 vụ/năm và 257 bị cáo/năm [Bảng 2.1 - Phụ lục], trong đó, chủ yếu là Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước, Tòa án nhân dân thị xã Đồng Xoài, Bình Long, Phước Long, Tòa án nhân dân các huyện Chơn Thành, Bù Đăng thụ lý số VAHS cao hơn các huyện còn lại. Số VAHS và số bị cáo do Tòa án nhân dân các cấp tại tỉnh Bình Phước đã thụ lý hàng năm có xu hướng giảm. Tuy nhiên, mỗi Tòa án cấp huyện, hàng năm xét xử trung bình 257 bị cáo/năm so với 60,8 vụ án/năm là rất cao, thể hiện tính chất, mức độ hành vi phạm tội ngày càng nguy hiểm, phức tạp, nhiều vụ án có đồng phạm, tổ chức với sự tham gia của nhiều đối tượng.

Tòa án nhân dân các cấp tại tỉnh Bình Phước đã giải quyết 7.298 VAHS (chiếm tỷ lệ 95,3% tổng số vụ án thụ lý) với 14.656 bị cáo (chiếm tỷ lệ 94,6% tổng số bị cáo thụ lý), trung bình giải quyết được 1.460 vụ/năm và 2.931 bị cáo/năm. Trong đó, Tòa án nhân dân tỉnh đã giải quyết 1.519 vụ (chiếm tỷ lệ 20,8% tổng số VAHS đã giải quyết) với 2.489 bị cáo (chiếm tỷ lệ 17,0% tổng số bị cáo của các vụ án hình sự đã giải quyết); Tòa án nhân dân cấp huyện đã giải quyết 5.779 vụ (chiếm tỷ lệ 79,2% tổng số VAHS đã giải quyết) với 12.167 bị cáo (chiếm tỷ lệ 83,0% tổng số bị cáo của các vụ án hình sự đã giải quyết) [Bảng 2.2, 2.3]. Nhìn chung, số VAHS được giải quyết chiếm tỷ lệ cao, có xu hướng gia tăng qua các năm. Trong 5 năm (2012 - 2016), Tòa án nhân dân các cấp tại tỉnh Bình Phước đã xét xử 5.467 VAHS (chiếm tỷ lệ 74,9% số vụ án được giải quyết) với 10.907 bị cáo (chiếm tỷ lệ 74,4% tổng số bị cáo của các VAHS đã giải quyết) [Bảng 2.2, 2.3]. Như vậy, số lượng VAHS và số bị cáo được xét xử trong tổng số VAHS được giải quyết chiếm tỷ lệ khoảng gần 75%, số vụ án còn lại được đình chỉ hoặc trả hồ sơ để điều tra lại, điều tra bổ sung.

Trong 5 năm (2012 - 2016), tổng số VAHS bị hủy của Tòa án nhân dân các cấp tại tỉnh Bình Phước là 105 vụ, tổng số VAHS bị sửa là 390 vụ, trong đó, án bị hủy do lỗi chủ quan của Thẩm phán là 105 vụ, chiếm tỷ lệ 1,4% tổng số VAHS được giải quyết, án bị sửa do lỗi chủ quan của Thẩm phán là 220 vụ, chiếm tỷ lệ 3,0% tổng số VAHS được giải quyết [Bảng 2.4]. Như vậy, tỷ lệ án bị hủy, sửa nguyên nhân do lỗi chủ quan của Thẩm phán chiếm tỷ lệ 4,4% tổng số VAHS được giải quyết, điều này phản ánh năng lực, trình độ chuyên môn, kiến thức của Thẩm phán phải được nâng lên để đáp ứng yêu cầu công tác xét xử nói chung, trong đó có việc áp dụng các tình tiết tăng nặng TNHS.

### ***2.2.2. Thực trạng áp dụng các quy định của pháp luật hình sự về các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự tại tỉnh Bình Phước***

#### ***2.2.2.1. Những kết quả đạt được***

Thời gian qua, Tòa án nhân dân các cấp tại tỉnh Bình Phước đã làm tốt công tác xét xử các VAHS, về cơ bản là áp dụng đúng loại tội phạm, khung hình phạt và các hình phạt được tuyên tương xứng với hành vi phạm tội; chất lượng giải quyết,

xét xử các VAHS của Tòa án các cấp được nâng cao, đảm bảo chỉ tiêu xét xử; đa số các vụ án được đưa ra xét xử kịp thời, đúng hạn luật định; các bản án, quyết định của Tòa án được gửi cho người tham gia tố tụng và các cơ quan hữu quan theo đúng quy định; tỷ lệ các bản án bị hủy do lỗi chủ quan của Thẩm phán hàng năm đều giảm... Qua nghiên cứu công tác xét xử của Tòa án nhân dân hai cấp trên địa bàn tỉnh Bình Phước, hiệu quả của công tác này về việc áp dụng tình tiết tăng nặng TNHS được thể hiện ở các phương diện sau:

*Thứ nhất*, về tình tiết tăng nặng TNHS định tội, chủ yếu áp dụng đối với các tội phạm có tình tiết tăng nặng TNHS định tội liên quan đến trẻ em như: Tội hiếp dâm trẻ em, tội cưỡng dâm trẻ em... Việc áp dụng tình tiết tăng nặng TNHS định tội này đã được áp dụng chính xác, không để xảy ra sai sót phải hủy án, trả hồ sơ để điều tra bổ sung do việc áp dụng sai tình tiết tăng nặng TNHS định tội này. Mặt khác hình phạt đối với tội phạm này được tuyên tương đối nghiêm khắc bởi xu hướng gia tăng loại tội phạm này qua các năm.

*Thứ hai*, tình tiết tăng nặng TNHS định khung được áp dụng tương đối chính xác, chỉ xảy ra sai sót ở một số ít vụ án vừa do lỗi chủ quan, vừa do lỗi khách quan; việc áp dụng đã đánh giá đúng tính chất, mức độ nguy hiểm của tội phạm và hình phạt được tuyên thuộc khung được áp dụng.

*Thứ ba*, tình tiết tăng nặng TNHS chung được áp dụng phổ biến ở các VAHS đã được xét xử trên địa bàn tỉnh, các VAHS được xét xử từ năm 2012 đến nay đều áp dụng một hoặc một số tình tiết tăng nặng TNHS chung. Việc áp dụng các tình tiết này cơ bản đã thể hiện đúng mức độ nguy hiểm cho xã hội của tội phạm, là căn cứ quan trọng để quyết định hình phạt đối với người phạm tội.

Như vậy, áp dụng quy định của pháp luật hình sự về các tình tiết tăng nặng TNHS trong công tác xét xử VAHS của Tòa án nhân dân hai cấp trên địa bàn tỉnh Bình Phước cơ bản chính xác, góp phần rất lớn trong công tác phòng ngừa và đấu tranh chống tội phạm, cũng như trừng phạt, cải tạo và giáo dục người phạm tội, giữ vững an ninh, trật tự, an toàn xã hội.

*2.2.2.2. Những hạn chế, bất cập khi áp dụng các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự trong xét xử vụ án hình sự tại tỉnh Bình Phước và nguyên nhân*

Qua nghiên cứu thực tiễn xét xử các VAHS của Tòa án nhân dân các cấp tại tỉnh Bình Phước, thực trạng áp dụng các quy định của pháp luật về các tình tiết tăng nặng TNHS còn những tồn tại, bất cập như sau:

- Việc phân biệt tình tiết “đã bị kết án... chưa được xoá án tích mà còn vi phạm” là tình tiết định tội của một số tội phạm với tình tiết “tái phạm” hoặc “tái phạm nguy hiểm” là tình tiết định khung hình phạt tăng nặng hoặc tình tiết tăng nặng TNHS trong một số vụ án còn chưa chính xác.

Một số điều luật quy định tình tiết “đã bị kết án... chưa được xoá án tích” cùng với các tình tiết khác là tình tiết định tội của tội phạm. Ví dụ, trong một số tội có tính chất chiếm đoạt tài sản, cùng với việc quy định tình tiết chiếm đoạt tài sản có giá trị từ 2.000.000 đồng trở lên, nhà làm luật còn quy định hành vi chiếm đoạt tài sản dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc trường hợp “đã bị kết án về tội chiếm đoạt tài sản, chưa được xoá án tích mà còn vi phạm” là dấu hiệu định tội (các Điều 137, 138 và Điều 139 của BLHS năm 1999). Tuy nhiên, việc áp dụng tình tiết này trong thực tế còn có nhiều cách hiểu khác nhau.

Ví dụ: Bản án số 23/2011/HSST ngày 28/6/2011 của Tòa án nhân dân thị xã Đồng Xoài xét xử bị cáo Phạm Duy Lăng, sinh năm 1978 về tội trộm cắp tài sản theo Điểm c Khoản 2 Điều 138 BLHS.

Nội dung vụ án: Phạm Duy Lăng là đối tượng nghiện ma túy, làm nghề xe ôm. Ngày 14/02/2011, Lăng rủ Trần Minh Hoàng đi trộm cắp tài sản. Bọn chúng đột nhập vào nhà anh Nguyễn Hữu Trí lấy được 01 chiếc điện thoại di động Nokia, đang trên đường tẩu thoát thì bị lực lượng Công an tuần tra phát hiện, bắt quả tang. Tại Cơ quan điều tra, Lăng và Hoàng thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như đã nêu trên. Tài sản trộm cắp là một chiếc điện thoại trị giá 1.800.000 đồng. Hoàng chưa có tiền án, tiền sự nên chỉ bị xử phạt vi phạm hành chính.

Về nhân thân, bị cáo Lăng đã có 03 tiền án: Năm 1995 trộm cắp tài sản (trị giá 650.000 đồng) bị Tòa án nhân dân huyện Chơn Thành, Bình Phước xử phạt 09 tháng tù. Năm 1997, trộm cắp tài sản (trị giá 450.000 đồng) bị Tòa án nhân dân Bù Đăng, Bình Phước xử phạt 15 tháng tù (tái phạm). Năm 1999, trộm cắp tài sản trị giá 7.500.000 đồng (xe máy), bị Tòa án nhân dân thị xã Đồng Xoài, Bình Phước xử

phạt 30 tháng tù (tái phạm nguy hiểm).

Tòa án nhân dân thị xã Đồng Xoài, Bình Phước áp dụng Điểm c Khoản 2 Điều 138 BLHS, điểm p khoản 1 điều 46 BLHS xử phạt bị cáo Lãng 36 tháng tù giam. Trong trường hợp này, nếu không có tình tiết “đã bị kết án về tội chiếm đoạt tài sản, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm” thì hành vi chiếm đoạt tài sản dưới 2.000.000 đồng chỉ là hành vi vi phạm mà chưa phải hành vi tội phạm (trường hợp của Hoàng). Do vậy, có hai quan điểm để xử lý vụ án trên:

*Một là*, về quan điểm không áp dụng tình tiết định khung hình phạt “tái phạm nguy hiểm”.

Đối với trường hợp này tác giả nhận thấy nếu gộp ba tiền án thành một thì có điểm hợp lý nhất định. Lần trộm cắp tài sản trị giá 360.000 đồng phải kết hợp với đặc điểm xấu về nhân thân “đã bị kết án về tội chiếm đoạt tài sản” thì hành vi lần này mới cấu thành tội “trộm cắp tài sản” theo Điều 138 BLHS. Bị cáo Lãng đã có ba tiền án về tội trộm cắp tài sản (là tội có tính chất chiếm đoạt tài sản), chưa được xóa án tích. Nhưng hiện nay chưa có hướng dẫn về trường hợp có nhiều tiền án, chưa được xóa án tích mà lại trộm cắp tài sản trị giá dưới 2.000.000 đồng (hoặc thực hiện các hành vi khác như công nhiên, lừa đảo, lạm dụng tín nhiệm... chiếm đoạt tài sản, đánh bạc...) với giá trị tài sản dưới mức khởi điểm định tội quy định trong cấu thành cơ bản của từng tội đó. Do chưa có hướng dẫn nên cần áp dụng theo hướng có lợi cho người phạm tội. Dù Lãng đã có ba tiền án về tội thì cũng chưa được coi là “Đã bị kết án về tội chiếm đoạt...”. Tình tiết này đã được dùng để định tội thì không được một lần nữa dùng làm tình tiết định khung hình phạt tăng nặng.

Tuy nhiên, quan điểm này có những bất hợp lý và mâu thuẫn sau:

+ Đã đánh đồng trường hợp có một tiền án với trường hợp có nhiều tiền án (chưa được xóa án tích), vì vậy không đánh giá được nhân thân xấu và ý thức cải tạo kém của người đã có nhiều tiền án mà lại tiếp tục cố ý phạm tội như nhà làm luật mong muốn khi quy định về tái phạm, tái phạm nguy hiểm.

+ So sánh với trường hợp sau đây, chúng ta sẽ thấy rõ sự bất hợp lý và mâu thuẫn: T đã có một tiền án về tội “trộm cắp tài sản”, bị xử phạt 6 tháng tù và một tiền án về tội “hủy hoại tài sản” theo Điều 143 BLHS, bị xử phạt 12 tháng tù (lần

phạm tội này là tái phạm). Cả hai tiền án này chưa được xóa án tích, T lại phạm tội trộm cắp tài sản trị giá 1.000.000 đồng, không gây hậu quả nghiêm trọng.

Trong cấu thành tội trộm cắp tài sản chỉ quy định dấu hiệu định tội “đã bị kết án về tội chiếm đoạt tài sản, chưa được xóa án tích”, mà không quy định: Đã bị kết án về các tội khác (như tội hủy hoại tài sản; sử dụng trái phép tài sản; chứa chấp, tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có...). Như vậy, lần này T trộm cắp tài sản, chúng ta chỉ có thể lấy một tiền án về tội trộm cắp tài sản để định tội với T, mà không thể gộp hai tiền án trước đây để quy vào “Đã bị kết án về tội chiếm đoạt tài sản.” để định tội được. Vậy còn một tiền án về tội “Hủy hoại tài sản” chưa được dùng định tội, nên rõ ràng là được dùng để tính tái phạm, tái phạm nguy hiểm. Do lần trước, T đã tái phạm nên lần trộm cắp tài sản có giá trị 1.000.000 đồng với lỗi cố ý là thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm (theo điểm b khoản 2 Điều 49 BLHS).

Qua so sánh hai trường hợp trên cho thấy: Bị cáo Lãng có nhân thân xấu, nguy hiểm hơn T, các lần Lãng bị kết án đều với mức hình phạt tù cao hơn T; hơn nữa, Lãng đã tái phạm, tái phạm nguy hiểm (T chưa tái phạm nguy hiểm); những tội phạm mà Lãng và T thực hiện là nặng ngang nhau, tương tự nhau về tính chất, cùng với nỗi cố ý. Nhưng trường hợp của T trộm cắp 1.000.000 đồng lại coi là tái phạm nguy hiểm, trường hợp của Lãng trộm cắp 1.800.000 đồng lại chỉ coi là bình thường. Rõ ràng, sự mâu thuẫn, không công bằng này bắt đầu từ sự đánh đồng trường hợp người bị kết án một lần với trường hợp đã bị kết án nhiều lần, chưa được xóa án tích. Điều này sẽ không còn nữa, nếu chúng ta lấy một tiền án của Lãng để định tội, hai tiền án còn lại dùng để xác định tái phạm, tái phạm nguy hiểm.

*Hai là*, về quan điểm áp dụng tình tiết định khung hình phạt tăng nặng “tái phạm nguy hiểm”.

Những người không theo quan điểm này cho rằng, áp dụng tình tiết “Tái phạm nguy hiểm” là vi phạm quy định ở khoản 2 Điều 48 BLHS, vì tình tiết “Đã bị kết án về tội chiếm đoạt tài sản, chưa được xóa án tích” đã được dùng làm yếu tố định tội, nên không được một lần nữa dùng làm tình tiết định khung hình phạt tăng nặng TNHS. Chúng ta thấy rằng, do có cách nhìn đánh đồng trường hợp người có nhiều tiền án với trường hợp người có một tiền án và coi tái phạm, tái phạm nguy



hiểm chỉ đơn giản là đã bị kết án (không thấy sự khác nhau về chất của các trường hợp này: Đã bị kết án một lần ít nguy hiểm hơn người đã tái phạm, tái phạm nguy hiểm; tái phạm nguy hiểm thì phải coi là nguy hiểm hơn tái phạm. Ngay cả trong trường hợp mới có một tiền án thì sự nguy hiểm của từng trường hợp là khác nhau, tiền án về tội cố ý khác tiền án về tội vô ý; tiền án về tội rất nghiêm trọng, đặc biệt nghiêm trọng khác tiền án về tội ít nghiêm trọng, nghiêm trọng....), nên những người theo quan điểm này mới kết luận có sự áp dụng trùng lặp đó.

Còn những người có quan điểm áp dụng tình tiết “tái phạm nguy hiểm” đã có cách nhìn khác, tách bạch các tiền án của Lãng đúng như sự tồn tại khách quan của chúng, mà không gộp ba tiền án của Lãng thành một để quy định vào “Đã bị kết án...”. Cách nhìn nhận này là khách quan, công bằng và hợp lý hơn. Rõ ràng ba tiền án và một tiền án là khác nhau về lượng. Sự khác nhau về lượng đó đã thể hiện sự khác nhau về chất, nên không thể coi như nhau - chỉ đơn thuần là đã bị kết án. Lần thứ hai phạm tội và đã bị kết án, Lãng đã là tái phạm, lần thứ ba phạm tội và bị kết án thì Lãng đã là tái phạm nguy hiểm. Người đã có tới ba tiền án, đã tái phạm, tái phạm nguy hiểm phải được nhìn nhận là nguy hiểm hơn người chỉ có một tiền án. Đây cũng là quan điểm chỉ đạo khi xây dựng các quy định về tái phạm, tái phạm nguy hiểm (Điều 49 BLHS). Do Lãng đã có ba tiền án, chưa được xóa án tích, đã tái phạm, tái phạm nguy hiểm, nên khi lấy bất kỳ một tiền án nào để định tội, thì hành vi trộm cắp tài sản 1.800.000 đồng đã cấu thành tội phạm. Hai tiền án khác sẽ có giá trị xác định tái phạm, tái phạm nguy hiểm và căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 49 BLHS, cho thấy lần phạm tội này, Lãng luôn thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm. Đây là tình tiết định khung hình phạt tăng nặng tại điểm c khoản 2 Điều 138 BLHS. Tại điểm g Điều 49 BLHS năm 1999 cũng có quy định về tình tiết tăng nặng TNHS “Tái phạm nguy hiểm”. Như vậy, trong vụ án đã nêu, tình tiết này vừa được quy định là yếu tố định tội trong tội trộm cắp tài sản, vừa là tình tiết tăng nặng TNHS, thì ưu tiên áp dụng là tình tiết định khung hình phạt tăng nặng.

Mặt khác, khoản 2 Điều 48 BLHS chỉ quy định: “Những tình tiết đã là yếu tố định tội hoặc định khung hình phạt thì không được coi là tình tiết tăng nặng” [12, tr. 71]. Hiện nay, trong BLHS và các văn bản hướng dẫn thi hành BLHS không có quy

định: Những tình tiết đã là yếu tố định tội thì không được coi là yếu tố định khung hình phạt. Đồng thời cũng không có quy định cụ thể, rõ ràng nào là được áp dụng một tình tiết vừa để định tội, vừa để định khung hình phạt.

Từ sự phân tích trên cho thấy, quan điểm áp dụng tình tiết định khung hình phạt “Tái phạm nguy hiểm” hợp lý, công bằng hơn, đánh giá vào nhân thân xấu của người phạm tội, không vi phạm quy định tại khoản 2 Điều 48 BLHS.

- Trường hợp "phạm tội nhiều lần" nhưng lại có thêm một hoặc nhiều đồng phạm tham gia đang có những vướng mắc về việc áp dụng các tình tiết tăng nặng này trong một số VAHS.

Ví dụ 1: Bản án số 57/2014/HSST ngày 29/12/2014 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước xét xử các bị cáo Lê Nhật Tâm, cùng với 5 đồng phạm khác là Nguyễn Văn Dũng, Trần Văn Khá, Đặng Thị Phương Ngân, Hồ Thị Lan Phương và Hoàng Trọng Quyền đã bàn bạc kế hoạch và câu kết với nhau sử dụng hai súng ngắn K54, hai lê súng AK và một côn gỗ thực hiện trót lọt 6 vụ cướp tài sản trên địa bàn tỉnh Bình Phước. Ngày 11/4/2013, khi đang thực hiện hành vi cướp tài sản thì Lê Nhật Tâm và các đồng phạm trên đã bị lực lượng Cảnh sát giao thông làm nhiệm vụ phát hiện phối hợp với các lực lượng khác bắt giữ. Hành vi cướp tài sản của Tâm và các đồng phạm đã bị khởi tố điều tra, truy tố, xét xử về tội “cướp tài sản” theo các điểm a, d khoản 2 Điều 133 Bộ luật Hình sự, tuyên phạt bị cáo Tâm 12 năm tù, các bị cáo còn lại từ 4 đến 9 năm tù.

Với vụ án trên vấn đề đặt ra ở đây là khi xét xử Tâm và các đồng phạm của Tâm về tội "cướp tài sản" thì Tâm và các đồng phạm có bị áp dụng tình tiết tăng nặng phạm tội nhiều lần hay không?

Quan điểm thứ nhất cho rằng: Trường hợp này, Tâm và các đồng phạm của Tâm không bị áp dụng tình tiết tăng nặng phạm tội nhiều lần theo điểm g khoản 1 Điều 48 BLHS. Bởi lẽ: Theo Nghị quyết số 02/HĐTP ngày 16/11/1988 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn bổ sung Nghị quyết số 02/HĐTP ngày 05/01/1986 đã hướng dẫn như sau: Phạm tội có tổ chức là hình thức đồng phạm có sự câu kết chặt chẽ giữa những người cùng thực hiện tội phạm và một trong những dạng được coi là phạm tội có tổ chức đó là: Những người đồng

phạm đã cùng nhau phạm tội nhiều lần theo một kế hoạch đã thống nhất trước. Đối chiếu với hướng dẫn này, tuy Tâm và các đồng phạm đã nhiều lần thực hiện hành vi cướp tài sản và mỗi lần thực hiện hành vi cướp tài sản của Tâm và các đồng phạm đã đủ yếu tố cấu thành tội "cướp tài sản", nhưng vì Tâm và các đồng phạm đã bị truy tố theo hai điểm a, d khoản 2 Điều 133 BLHS là hai tình tiết định khung tăng nặng trong đó điểm a là phạm tội có tổ chức, cho nên sẽ không áp dụng tình tiết tăng nặng phạm tội có tổ chức ở điểm a khoản 1 Điều 48 BLHS. Mặt khác, phạm tội có tổ chức đã bao trùm cả phạm tội nhiều lần nên cũng không áp dụng thêm tình tiết tăng nặng phạm tội nhiều lần theo điểm g khoản 1 Điều 48 BLHS nữa.

Quan điểm khác và cũng là quan điểm của tác giả cho rằng: Trong trường hợp trên, Tâm và các đồng phạm của Tâm phải chịu cả hai tình tiết là tình tiết định khung tăng nặng phạm tội có tổ chức theo điểm a khoản 2 Điều 133 BLHS và tình tiết tăng nặng phạm tội nhiều lần theo điểm g khoản 1 Điều 48 BLHS. Vì: Trong vụ án trên thì Tâm và các đồng phạm đã có hành vi bàn bạc, cấu kết phân công nhau thực hiện hành vi cướp tài sản, do vậy, Tâm và các đồng phạm đã bị truy tố về tội "cướp tài sản" theo điểm a khoản 2 Điều 133 BLHS nên trong trường hợp này sẽ không áp dụng tình tiết tăng nặng phạm tội có tổ chức theo điểm a khoản 1 Điều 48 BLHS nữa là đúng. Nhưng Tâm và các đồng phạm đã rất nhiều lần (7 lần) thực hiện hành phạm tội mà mỗi lần cướp tài sản đều đã cấu thành tội phạm độc lập cho nên Tâm và các đồng phạm còn phải chịu thêm tình tiết tăng nặng phạm tội nhiều lần theo điểm g khoản 1 Điều 48 BLHS.

Trở lại vụ án của Tâm và đồng phạm theo ví dụ trên thì nếu không áp dụng tình tiết "phạm tội nhiều lần" đối với Tâm và các đồng phạm trong vụ án này thì sẽ hoàn toàn bất hợp lý và không công bằng đối với những người phạm tội khác.

Ví dụ 2: Bản án số 27/2013/HSST ngày 10/7/2013 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước xét xử các bị cáo Nguyễn Văn Đại cùng với 4 đồng phạm khác bàn bạc, phân công nhau sử dụng một súng ngắn K54, một búa sắt, gậy gõ không chế và cướp xe taxi của anh Nguyễn Quốc Hân trên tuyến Quốc lộ 13 (TPHCM - Bình Phước), bọn chúng vừa thực hiện hành vi cướp tài sản thì bị lực lượng Cảnh sát mật phục phối hợp với Cảnh sát giao thông phát hiện truy đuổi và bắt giữ. Hành vi phạm

tội của Đại và các đồng phạm bị truy tố, xét xử về tội “cướp tài sản” theo các điểm a, d khoản 2 Điều 133 BLHS.

Qua hai ví dụ nêu trên, nếu hiểu như quan điểm thứ nhất tức là không áp dụng tình tiết tăng nặng "phạm tội nhiều lần" đối với Tâm và các đồng phạm, và như thế tình tiết "phạm tội nhiều lần" sẽ không còn ý nghĩa khi nó đứng độc lập trong các vụ án có đồng phạm; cụ thể là khi các bị cáo bị truy tố về một trong các tội phạm có tình tiết định tội hay tình tiết định khung tăng nặng “phạm tội có tổ chức”. Nếu như vậy, thì trong vụ án trên sẽ không có căn cứ để áp dụng hình phạt đối với Tâm và các đồng phạm nghiêm khắc hơn hình phạt áp dụng đối với Đại và các đồng phạm, mặc dù tính chất, số lần phạm tội, hậu quả của tội phạm trong hai vụ án trên là hoàn toàn khác nhau. Vì vậy, theo tác giả trường hợp của Tâm và các đồng phạm ngoài việc bị truy tố về tội “cướp tài sản” theo tình tiết định khung tăng nặng phạm tội có tổ chức thì Tâm và các đồng phạm còn phải bị áp dụng tình tiết tăng nặng “phạm tội nhiều lần” theo điểm g khoản 1 Điều 48 BLHS. Có như vậy, mới chính xác và đúng với hướng dẫn của Nghị quyết số 02/HĐTP ngày 16/11/1988 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

- Tình tiết tăng nặng “xâm phạm tài sản của Nhà nước” được quy định ở điểm i khoản 1 Điều 48 BLHS năm 1999 đang có nhiều cách hiểu và vận dụng khác nhau ở các Tòa án và các bản án.

Ví dụ 1: Bản án số 35/2015/HSST ngày 21/9/2015 xét xử bị cáo Thái Trọng sinh năm 1967 về tội tham ô tài sản theo khoản 1 Điều 278 BLHS.

Nội dung vụ án: Thái Trọng là Chủ nhiệm Hợp tác xã điều Phước Hưng, thị xã Đồng Xoài, Bình Phước. Trong quá trình điều hành hợp tác xã, Trọng đã lợi dụng chức vụ, quyền hạn lập chứng từ khống để tham ô số tiền 50 triệu đồng của các xã viên hợp tác xã đóng góp để sản xuất kinh doanh. Tòa án nhân dân thị xã Đồng Xoài đã tuyên bố bị cáo Trọng phạm tội “tham ô tài sản”, áp dụng khoản 1 Điều 278 và tình tiết tăng nặng “xâm phạm tài sản của Nhà nước” theo điểm i khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Khá 12 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 24 tháng.

Quan điểm thứ nhất cho rằng: Đối tượng tác động của “tội tham ô tài sản” là

tài sản, mà tài sản ở đây thì chỉ có thể là tài sản của Nhà nước. Tuy điều luật không quy định cụ thể nhưng chúng ta phải hiểu đây là tình tiết định tội của “tội tham ô tài sản” cho nên, đã là tình tiết định tội rồi thì không thể coi là tình tiết tăng nặng nữa. Do đó, trong mọi trường hợp không thể áp dụng tình tiết tăng nặng ở điểm i khoản 1 Điều 48 BLHS đối với người phạm tội tham ô tài sản ở Điều 278 BLHS năm 1999.

Quan điểm thứ hai và cũng là quan điểm của tác giả cho rằng: Không phải mọi trường hợp người phạm tội tham ô tài sản theo Điều 278 BLHS năm 1999 chỉ xâm phạm đến tài sản của Nhà nước. Đồng thời, không phải mọi trường hợp người phạm tội tham ô tài sản đều áp dụng hoặc không áp dụng tình tiết tăng nặng “xâm phạm tài sản của Nhà nước” theo điểm i khoản 1 Điều 48 BLHS, mà tùy từng trường hợp tình tiết tăng nặng “xâm phạm tài sản của Nhà nước” vẫn có thể được áp dụng hoặc không được áp dụng đối với người phạm tội tham ô tài sản.

Một người được coi là phạm tội tham ô tài sản theo quy định ở Điều 278 BLHS năm 1999 thì người đó phải là người có chức vụ, quyền hạn nhất định mà người có chức vụ, quyền hạn ở đây phải là người do bổ nhiệm, do bầu cử, do hợp đồng hoặc do một hình thức khác, có hưởng lương hoặc không hưởng lương được giao thực hiện một công vụ nhất định và có quyền hạn nhất định khi thực hiện công vụ. Tài sản mà người phạm tội tham ô chiếm đoạt phải là tài sản do họ có trách nhiệm quản lý.

Theo tác giả tài sản của Nhà nước, có thể hiểu dưới một số khía cạnh sau: Tài sản đó thuộc sở hữu Nhà nước; tài sản đó do Nhà nước trực tiếp quản lý; tài sản của Nhà nước được giao cho các cơ quan, tổ chức, cá nhân trực tiếp quản lý, khai thác, sử dụng vì lợi ích của Nhà nước, cơ quan, tổ chức và cá nhân đó. Đây là một điểm khác cơ bản của tội tham ô tài sản được quy định trong BLHS năm 1999 so với tội “tham ô tài sản xã hội chủ nghĩa” quy định ở Điều 133 BLHS năm 1985. Yếu tố cấu thành cơ bản của tội phạm ở Điều 278 BLHS năm 1999 đã khác so với tội phạm quy định ở Điều 133 BLHS năm 1985. Theo các dấu hiệu quy định ở mặt khách quan của tội tham ô tài sản ở Điều 278 đó là hành vi của người có chức vụ, quyền hạn đã lợi dụng chức vụ, quyền hạn đó để chiếm đoạt tài sản mà mình có trách nhiệm quản lý, sử dụng chức vụ, quyền hạn được giao như một phương tiện để biến tài sản của người khác như tài sản của Nhà nước, của cơ quan, tổ chức hoặc

của công dân do mình trực tiếp quản lý thành tài sản của mình hoặc của người khác. Tài sản là đối tượng tác động trong tội tham ô tài sản ở Điều 278 BLHS năm 1999 không còn bó hẹp như tài sản quy định ở Điều 133 BLHS năm 1985, tức là: Đối tượng tác động của tội phạm không chỉ là tài sản XHCN mà hiện nay tài sản ở Điều 278 BLHS năm 1999 còn có thể là tài sản của các cơ quan, các tổ chức khác, tài sản của tập thể hoặc tài sản thuộc sở hữu của công dân nhưng đang thuộc sự quản lý tạm thời hợp pháp (trực tiếp hoặc gián tiếp) của người có chức vụ, quyền hạn.

Mặt khác, khái niệm cơ quan, tổ chức quy định ở Điều 277 BLHS năm 1999, theo tác giả không chỉ bao gồm cơ quan Nhà nước, tổ chức xã hội như quy định ở Điều 219 BLHS năm 1985. Cơ quan, tổ chức theo Điều 277 BLHS năm 1999 bao gồm: Các cơ quan Nhà nước; tổ chức chính trị; tổ chức chính trị - xã hội; tổ chức xã hội; tổ chức xã hội - nghề nghiệp; một số loại hình của tổ chức kinh tế như: Doanh nghiệp Nhà nước; hợp tác xã; doanh nghiệp Nhà nước có góp vốn... Tài sản của các cơ quan, tổ chức trên tương ứng với một trong các hình thức sở hữu quy định ở trong Bộ luật Dân sự.

Do vậy, tùy từng trường hợp nếu người phạm tội “tham ô tài sản” mà tài sản đó được xác định là tài sản của Nhà nước thì họ phải chịu tình tiết tăng nặng “xâm phạm tài sản của Nhà nước”, còn trường hợp nếu họ cũng có hành vi tham ô tài sản nhưng tài sản đó lại không phải là tài sản của Nhà nước thì họ không bị áp dụng tình tiết tăng nặng này.

- Khi áp dụng tình tiết phạm tội đối với ông, bà, cha, mẹ, người nuôi dưỡng, thầy giáo, cô giáo của mình đối với các tội như “giết người”, “cố ý gây thương tích” còn chưa thống nhất.

Ví dụ: Bản án số 58/2012/HSST ngày 4/10/2012 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước xử phạt Phạm Vũ Linh sinh năm 1965 mức án tử hình,

Nội dung vụ án: Do mâu thuẫn với gia đình cha mẹ vợ về chuyện chia đất đai, khoảng 19 giờ ngày 11/9/2011, sau khi đi uống rượu về, Linh đã dùng dao bầu đâm chết vợ và mẹ vợ. Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước căn cứ điểm a, đ khoản 1 điều 93 BLHS xử phạt bị cáo Linh mức án tử hình.

Như vậy, ngoài tình tiết định khung tăng nặng giết nhiều người Phạm Vũ Linh

còn bị áp dụng tình tiết giết cha, mẹ của mình. Việc xử lý vụ án này, có 3 quan điểm khác nhau: Quan điểm thứ nhất cho rằng, giết ông nội, bà nội, ông ngoại, bà ngoại, cha đẻ, mẹ đẻ, cha nuôi, mẹ nuôi của mình hay của vợ hoặc của chồng đều bị áp dụng tình tiết định khung tăng nặng giết ông, bà, cha, mẹ của mình. Bởi lẽ, đã là ông, bà, cha, mẹ thì dù là ông nội, bà nội, ông ngoại, bà ngoại, cha đẻ, mẹ đẻ, cha nuôi, mẹ nuôi của mình hay của vợ hoặc của chồng cũng cần phải được kính trọng và biết ơn. Do đó, người nào giết ông nội, bà nội, ông ngoại, bà ngoại, cha đẻ, mẹ đẻ, cha nuôi, mẹ nuôi của mình hay của vợ hoặc của chồng đều phải bị trừng trị nghiêm khắc.

Quan điểm thứ hai cho rằng, chỉ áp dụng tình tiết định khung tăng nặng này trong trường hợp người phạm tội giết ông nội, bà nội, ông ngoại, bà ngoại, cha đẻ, mẹ đẻ, cha nuôi, mẹ nuôi của mình, còn giết ông nội, bà nội, ông ngoại, bà ngoại, cha đẻ, mẹ đẻ, cha nuôi, mẹ nuôi của vợ hay của chồng thì không bị áp dụng tình tiết giết ông, bà, cha, mẹ của mình.

Quan điểm thứ ba cho rằng, chỉ áp dụng tình tiết định khung tăng nặng giết ông, bà, cha, mẹ của mình trong trường hợp người phạm tội giết ông nội, bà nội, ông ngoại, bà ngoại, cha đẻ, mẹ đẻ của mình, còn giết cha nuôi, mẹ nuôi của mình cũng không bị áp dụng tình tiết định khung tăng nặng này.

Theo tác giả, trong trường hợp này có thể vận dụng điểm 7 Thông tư Liên tịch số 01/TTLT-BTP-BCA-TANDTC-VKSNDTC ngày 25/9/2001 hướng dẫn xử lý tội phạm ở Điều 151 BLHS tội “Ngược đãi, hành hạ cha, mẹ, vợ, chồng, con, cháu, người có công nuôi dưỡng mình”, bao gồm:

a) Ông, bà bao gồm: Ông, bà nội, ông bà ngoại;

b) Cha, mẹ bao gồm: Cha mẹ đẻ, cha mẹ nuôi, cha dượng, mẹ kế;

c) Người có công nuôi dưỡng mình là anh, chị, em, cô, dì, chú, bác, bà con thân thích hoặc những người khác đã hoặc đang nuôi dưỡng người thực hiện hành vi ngược đãi hành hạ....

- Về tình tiết “phạm tội đối với trẻ em”.

Quy định khung hình phạt và mức hình phạt trường hợp phạm tội đối với trẻ em và người chưa thành niên ở một số tội phạm chưa hợp lý, chưa phản ánh được khung hình phạt, mức hình phạt tương ứng với tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã

hội của hành vi phạm tội. Điển hình là hai tội danh sau đây mà thực tiễn tại Bình Phước áp dụng tình tiết này còn có những bất cập nhất định:

Xem xét Điều 111 Tội hiếp dâm, ta có thể thấy khoản 4 là tăng nặng so với khoản 1 (cấu thành cơ bản). Có nghĩa rằng người phạm tội hiếp dâm một người đã thành niên (không có các tình tiết quy định tại khoản 2 và khoản 3) thì bị xử phạt theo khoản 1; còn người phạm tội hiếp dâm một người chưa thành niên từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi (không có các tình tiết quy định tại khoản 2, khoản 3), thì sẽ bị xử lý theo đoạn 1 khoản 4 có mức hình phạt nghiêm khắc hơn. Nhưng vấn đề luận văn đề cập ở đây là đoạn 2 khoản 4.

Theo tinh thần của đoạn 2 khoản 4 (phạm tội thuộc một trong các trường hợp qui định tại khoản 2 hoặc khoản 3 của Điều 111 thì bị xử phạt theo mức hình phạt tại các khoản đó), thì người phạm tội thực hiện hành vi hiếp dâm người chưa thành niên từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi, đồng thời có các tình tiết khác quy định tại khoản 2 (như đối với nhiều người, có tổ chức, làm nạn nhân có thai...) thì bị xử lý theo khoản 2 có mức hình phạt từ bảy năm đến mười lăm năm. Việc quy định dẫn chiếu khung hình phạt và mức hình phạt trong trường hợp phạm tội đối với người chưa thành niên (có những tình tiết quy định tại khoản 2) là không hợp lý, chưa bảo vệ triệt để quyền của người chưa thành niên. Sở dĩ nói như vậy là vì quy định tại đoạn 2 khoản 4 sẽ dẫn đến hệ quả là việc xử lý người phạm tội hiếp dâm người đã thành niên và người chưa thành niên giống nhau (trong một khung hình phạt và có mức hình phạt giống nhau). So sánh qua hai ví dụ sau để thấy rõ điều đó:

Ví dụ 1: Bản án số 35/2013/HSST, ngày 8/8/2013 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước xử phạt Lê Văn Bình, sinh năm 1987 và Lê Văn Ba, sinh năm 1986 về tội hiếp dâm theo điểm c, d, đ khoản 2 Điều 111 BLHS.

Nội dung vụ án: Khoảng 21h ngày 16/02/2013, sau khi dự đám cưới ra về. Bình, Ba đi xe máy có cho Lê Thị Cẩm Ly, Trần Thị Lý, đều sinh năm 1987 là người cùng xã đi nhờ. Khi về đến quãng đường vắng, Bình và Ba đã có hành vi hiếp dâm chị Ly, chị Lý. Bình và Ba, mỗi bị cáo giao cấu 01 lần với các nạn nhân. Sau đó bọn chúng bỏ trốn, đến ngày 19/02/2013 ra tự thú và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như đã nêu trên. Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước áp dụng điểm c, d, đ khoản 2 Điều 111,



điểm o, p khoản 1 Điều 46, xử phạt bị cáo Bình 9 năm 6 tháng tù và Ba 8 năm tù.

Ví dụ 2: Bản án số 53/2012/HSST ngày 27/9/2012 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước xử phạt Nguyễn Văn Hưng, Trần Văn Nam, Đinh Văn Hà về tội hiếp dâm theo điểm c, d, đ, g khoản 2 Điều 111 tội “Hiếp dâm”.

Nội dung vụ án: Nguyễn Văn Hưng, Trần Văn Nam, Đinh Văn Hà là đối tượng bỏ học, thường xuyên lang thang tại các quán chơi điện tử (quán internet). Ngày 15/6/2012, bọn chúng lên mạng và rủ các cháu Hồ Thị Bảo Châu, Nguyễn Thị Sen đều là học sinh lớp 10 (Châu 16 tuổi 4 tháng và Sen 16 tuổi 8 tháng) trốn nhà đi chơi. Trong khi rủ nhau đi ăn uống, các bị cáo đã chủ động ép Châu và Sen uống rượu say rồi đưa vào nhà nghỉ để thực hiện hành vi hiếp dâm tập thể, dẫn đến hậu quả Châu có thai. Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước đã áp dụng c, d, đ, g khoản 2 điều 111 xử phạt bị cáo Hưng 10 năm 9 tháng tù, bị cáo Nam 10 năm tù và bị cáo Hà 9 năm 6 tháng tù.

So sánh hai trường hợp phạm tội qua hai ví dụ trên, chúng ta thấy trường hợp phạm tội ở ví dụ 2 là nghiêm trọng hơn, tính chất nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội cao hơn ở ví dụ 1. Mặc dù Bình và Ba thực hiện hành vi hiếp dâm nhiều người đã thành niên còn Hưng, Nam, Hà thực hiện hành vi hiếp dâm nhiều người chưa thành niên và làm nạn nhân có thai, nhưng cả 5 đều bị truy cứu TNHS theo khoản 2 Điều 111. Như vậy là không hợp lý.

- Về việc áp dụng các tình tiết tăng nặng TNHS trong các tội phạm về ma túy.

+ Bản án số 35/2014/HSST ngày 15/8/2014 của Tòa án nhân dân huyện Đồng Phú xét xử các bị cáo: Nguyễn Ngọc Hải sinh năm 1967, Trần Văn Dũng sinh năm 1985, Nguyễn Trường Giang sinh năm 1987. Nội dung vụ án: Khoảng 20 giờ ngày 12/01/2014, Hải và Dũng gặp và rủ nhau đi mua hêrôin về sử dụng, mỗi người bỏ ra 100.000 đồng, sau đó Hải dùng xe máy đèo Dũng đi mua hêrôin, Dũng gọi điện thoại cho Giang hỏi mua một gói hêrôin giá 200.000 đồng. Giang đồng ý bán, sau khi mua xong hêrôin, Hải và Dũng về nhà Hải để sử dụng ma túy thì bị Công an kiểm tra thu giữ một gói hêrôin. Theo kết quả giám định gói hêrôin trên có trọng lượng 0,471 gam. Ngoài ra, Giang còn thừa nhận ngoài lần này còn bán hêrôin cho Hải 2 lần khác, một lần 150.000 đồng, một lần 100.000 đồng. Tòa án quyết định tuyên bố bị cáo Giang phạm tội mua bán trái phép chất ma túy. Áp dụng điểm b

khoản 2 Điều 194; điểm p khoản 1 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48 BLHS năm 1999, xử phạt bị cáo Giang 9 năm tù. Các bị cáo Hải, Dũng phạm tội tàng trữ trái phép chất ma túy. Áp dụng khoản 1 Điều 194; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 BLHS. Xử phạt bị cáo Hải 36 tháng tù, bị cáo Dũng 24 tháng tù.

Như vậy, vụ án trên đã áp dụng tình tiết tăng nặng TNHS định khung (phạm tội nhiều lần) và tình tiết tăng nặng chung (tái phạm) cho bị cáo Giang với mức án 9 năm tù là phù hợp.

+ Bản án số 32/2015/HSST ngày 18/9/2015 của Tòa án nhân dân thị xã Đồng Xoài xét xử các bị cáo Trần Quý Trung, sinh năm 1972, Trần Quý Bình sinh ngày 15/7/1999 (con trai Trung). Nội dung vụ án: Khoảng 22 giờ ngày 17/12/2014, Công an thị xã Đồng Xoài nhận được tin báo của quần chúng nhân dân đã tổ chức bắt quả tang Trần Quý Bình đang bán 02 gói nhỏ hêrôin có trọng lượng 0,259 gam cho đối tượng nghiện là Nguyễn Văn Hà với giá là 400.000 đồng tại khu vực vòng xoay trung tâm. Cơ quan điều tra đã tiến hành khám xét khẩn cấp nơi ở của Bình và thu tiếp 03 gói nhỏ hêrôin có trọng lượng 0,316 gam giấu dưới gối trong phòng ngủ của Trần Quý Trung. Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra, Trung khai nhận đã sử dụng con trai của mình là Bình để đi bán hêrôin cho các đối tượng nghiện 03 lần trước đó, đến ngày 17/12/2014 thì bị bắt quả tang như đã nêu trên.

Tòa án quyết định tuyên các bị cáo Trung, Bình phạm tội mua bán trái phép chất ma túy. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 194 BLHS, điểm p khoản 1 Điều 46 BLHS xử phạt Trung 7 năm 6 tháng tù. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 194, điểm p khoản 1 Điều 46 BLHS, Điều 69 BLHS xử phạt Bình 36 tháng tù. Bản án trên nhận định: Trung là kẻ chủ mưu cầm đầu cần có hình phạt thích đáng, Bình là đối tượng chưa thành niên, tuy chưa đủ 16 tuổi nhưng phạm tội nhiều lần thuộc trường hợp rất nghiêm trọng, theo quy định của khoản 2 Điều 12 BLHS thì phải chịu TNHS với vai trò là đồng phạm.

Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước đã kháng nghị bản án nói trên với căn cứ: Tại Thông tư Liên tịch số 02/1998-TTLLT-TANDTC-VKSNDTC-BCA ngày 5/8/1998. Điểm 8 Mục C quy định: “Phải áp dụng tình tiết định khung hình phạt “phạm tội nhiều lần” quy định tại điểm b khoản 2 Điều 185đ BLHS trong các trường hợp sau đây: “Mua trái phép chất ma túy từ 2 lần trở lên nhằm bán trái phép

cho người khác, không phân biệt bán một lần hay nhiều lần; mua trái phép chất ma túy một lần và bán lại trái phép chất ma túy đó từ 2 lần trở lên cho người khác, không phân biệt bán lại từ 2 lần trở lên cho một người hoặc cho nhiều người; mua trái phép chất ma túy một lần và bán lại trái phép số lượng chất ma túy đó trong cùng một lúc cho 2 người trở lên”.

Tại Thông tư Liên tịch số 01/1998/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BNV ngày 02/01/1998 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Nội vụ (nay là Bộ Công an), tại điểm B.II. 3: “Về một số tình tiết là yếu tố định tội hoặc định khung hình phạt” quy định: “b. Tình tiết “phạm tội nhiều lần” quy định tại... khoản 2 Điều 185đ... được hiểu là đã có tất cả từ 2 lần phạm tội trở lên (hai lần sản xuất trái phép chất ma túy trở lên, hai lần tàng trữ trái phép chất ma túy trở lên...) mà mỗi lần phạm tội có đầy đủ yếu tố cấu thành quy định tại khoản 1 điều luật tương ứng, trong số các lần phạm tội đó chưa có lần nào bị truy cứu TNHS. Trong trường hợp này người phạm tội phải chịu TNHS về tổng số lượng chất ma túy của các lần cộng lại, nếu điều luật có quy định về số lượng chất ma túy để định khung hình phạt...”.

Như vậy, Bình khi phạm tội ở tuổi dưới 16, có hành vi bán hêrôin cho nhiều người. Nếu cho rằng Bình phạm tội nhiều lần thì Bình có thể phải chịu TNHS theo điểm b khoản 2 Điều 194 BLHS năm 1999. Viện Kiểm sát tỉnh Bình Phước có quan điểm cho rằng Bình không thoả mãn yếu tố chủ thể. Nếu kết luận Bình phạm tội nhiều lần đối với nhiều người thì không đúng quy định của BLHS vì từng lần bán ma túy của Bình chỉ có dấu hiệu phạm vào khoản 1 Điều 194 BLHS là tội phạm nghiêm trọng, căn cứ Điều 12 BLHS thì Bình chỉ phải chịu TNHS về tội rất nghiêm trọng do cố ý hoặc tội đặc biệt nghiêm trọng. Do đó hành vi của Bình không cấu thành tội phạm.

Mặt khác, Tòa án cấp sơ thẩm đã bỏ qua tình tiết tăng nặng TNHS định khung tại điểm e khoản 2 Điều 194 BLHS là “Sử dụng trẻ em vào việc phạm tội” nên đã không đánh giá đúng tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội của bị cáo Trung, nên đã đưa ra mức án chưa thoả đáng. Tại bản án số 18/2015/HSPT ngày 25/12/2015, Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước đã chấp nhận kháng nghị của Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước, tuyên bố bị cáo Bình không phạm tội mua bán trái phép các chất ma túy vì hành vi không cấu thành tội phạm, đồng thời sửa án sơ thẩm,

tuyên phạt bị cáo Trung 9 năm tù theo điểm b, điểm e khoản 2 Điều 194 BLHS 1999.

+ Bản án số 19/2015/HSST ngày 24/6/2015 của Tòa án nhân thị xã Đồng Xoài xét xử bị cáo Lãnh Văn Đức sinh năm 1984 về tội tàng trữ trái phép chất ma túy. Nội dung vụ án: Khoảng 20 giờ ngày 15/01/2015, Tổ công tác đội Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy, Công an thị xã Đồng Xoài phát hiện bắt quả tang tại khu vực chợ Đồng Xoài, Đức là đối tượng nghiện ma túy lâu năm, đã có hành vi tàng trữ trái phép 06 gói bột màu trắng (theo kết luận giám định là hêrôin có trọng lượng 0,435 gam). Bị cáo Đức đã có một tiền án (3 năm tù về tội trộm cắp tài sản) chưa được xoá án tích. Tòa án nhân dân thị xã Đồng Xoài quyết định công bố Đức phạm tội tàng trữ trái phép chất ma túy. Áp dụng khoản 1 Điều 194; điểm p khoản 1 Điều 46; điểm g (tái phạm) khoản 1 Điều 48 BLHS, xử phạt 42 tháng tù.

Như vậy, bản án trên đã áp dụng tình tiết tăng nặng chung (tái phạm) cho bị cáo, nên bị cáo Đức bị xử phạt 42 tháng tù là phù hợp.

- Các tình tiết tăng nặng TNHS được áp dụng đối với các tội chiếm đoạt tài sản rất phong phú, nhưng chưa có sự thống nhất.

Trong những năm qua, có một số Tòa án huyện, thị xã thuộc tỉnh Bình Phước áp dụng các tình tiết tăng nặng TNHS vào thực tế còn bị sai, áp dụng không đúng hoặc bỏ sót không áp dụng... Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước đã có những đợt kiểm tra kịp thời và rút kinh nghiệm chung.

+ Bản án số 50/2011/HSST ngày 9/11/2011 của Tòa án nhân dân huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước, xét xử bị cáo Nguyễn Hữu Trí (không có tiền án tiền sự) về tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản và tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản theo khoản 1 Điều 139 và điểm a khoản 1 Điều 140 BLHS.

Nội dung: Bị cáo đã thực hiện 2 hành vi phạm tội. Hành vi thứ nhất: Ngày 8/4/2011, Trí được anh Hoàng Văn Ban rủ đi uống bia, sau khi uống được khoảng 30 phút, Trí nói là phải đi đón con ngay nên mượn xe của anh Ban. Anh Ban đồng ý, Trí nổ máy đưa xe thẳng lên thị xã Đồng Xoài cầm lấy 6 triệu đồng ăn tiêu. Hành vi thứ 2: Ngày 23/6/2011, Trí đi trông người nhà bị ốm tại Bệnh viện huyện Chơn Thành và nhặt được 1 vé gửi xe của ai đánh rơi, Trí nảy ra ý định lừa đảo. Bị cáo đã đưa vé lấy xe. Khi lấy được xe, Trí lại mang đi cầm được 4 triệu đồng và ăn tiêu

hết. Bản án sơ thẩm phạt bị cáo 18 tháng tù về “tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và 15 tháng tù về “tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

Trong vụ án trên, bị cáo bị truy tố xét xử 2 hành vi với 2 tội độc lập khác nhau. Do đó, việc áp dụng tình tiết tăng nặng “phạm tội nhiều lần” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 BLHS là không đúng.

+ Bản án 91/2012/HSST ngày 9/8/2012 của Tòa án nhân dân huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước, xét xử các bị cáo Đỗ Văn Hiệp và Nguyễn Quốc Dũng về “tội cưỡng đoạt tài sản” theo khoản 1 Điều 135 BLHS.

Nội dung vụ án: Theo lời khai nhận của các bị cáo trong khoảng thời gian từ tháng 12/2010 đến tháng 10/2011, Hiệp và Dũng buộc các chủ xe công nông vào chở cát khi đi qua đoạn đường thuộc xã Đa Kia phải nộp tiền “lệ phí”, mỗi xe 20.000 đồng đến 25.000 đồng/ngày, nếu chủ xe không nộp thì sẽ bị đánh hoặc bị đuổi không cho đi qua. Tổng số tiền các bị cáo đã chiếm đoạt được là 8.920.000 đồng. Trong vụ án này các bị cáo đã nhiều lần thực hiện hành vi phạm tội đối với nhiều người. Nhưng án sơ thẩm đã không áp dụng tình tiết tăng nặng "phạm tội nhiều lần" quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 BLHS là còn thiếu sót.

+ Bản án số 85/2012/HSST ngày 11/9/2012 của Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, xét xử bị cáo Bùi Thùy Dương sinh năm 1993 (không có tiền án, tiền sự), Nguyễn Văn Nam sinh ngày 10/7/1994, Nguyễn Quang Nhất sinh năm 1992 (có 01 tiền sự, ngày 3/3/2011 bị Công an xã Minh Hưng xử phạt vi phạm hành chính về hành vi công nhiên chiếm đoạt tài sản) về tội cưỡng đoạt tài sản” theo khoản 1 Điều 135 BLHS.

Nội dung: Khoảng 17 giờ ngày 9/4/2012, Bùi Thùy Dương tổ chức đầy tháng cho con tại nhà có mời 2 đối tượng nêu trên và Nguyễn Văn Lượng (sinh ngày 5/10/1997), Bùi Kim Nhã (sinh ngày 15/8/1996). Đến khoảng 20 giờ cùng ngày, Dương rủ Nam, Nhất, Nhã, Lượng đến thị trấn Đức Phong, huyện Bù Đăng chơi. Các đối tượng Dương, Nam, Nhất đã cầm theo mỗi người 01 con dao thái lan. Trên đường đi, tại gần cây xăng Mỹ Hoa, Quốc lộ 14, Dương nói “giờ tụi mình chặn xe để xin tiền đổ xăng, uống cà phê”, cả nhóm đồng ý. Dương bảo mọi người tụ tập lại thành đám đông để chặn xe. Các đối tượng đã chặn 4 xe uy hiếp tài xế để xin tiền với số tiền chiếm đoạt được là 180.000 đồng. Nhận tin báo của quần chúng nhân dân, Công

an huyện Bù Đăng đã tiến hành truy đuổi, bắt quả tang các đối tượng trên. Công an huyện Bù Đăng đã xử phạt vi phạm hành chính đối với Lượng, Nhã do tại thời điểm thực hiện hành vi phạm tội, hai đối tượng chưa đủ 16 tuổi. Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng đã áp dụng khoản 1 Điều 135, Điều 33, điểm p, g, h khoản 1, 2 Điều 46, điểm g khoản 1 Điều 48, Điều 45, 53, 69, 74 BLHS, tuyên các đối tượng phạm tội cưỡng đoạt tài sản, xử phạt Dương 24 tháng tù, Nhất 12 tháng tù, Nam 10 tháng tù.

Trong vụ án này các bị cáo đã nhiều lần thực hiện hành vi phạm tội nên việc án sơ thẩm áp dụng điểm g khoản 1 Điều 48 làm tình tiết tăng nặng là hoàn toàn chính xác. Tuy nhiên, án sơ thẩm lại không áp dụng tình tiết tăng nặng “xúi giục người chưa thành niên phạm tội” theo điểm n khoản 1 Điều 48 BLHS đối với Dương là thiếu sót và áp dụng tình tiết phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng quy định tại điểm h khoản 1 Điều 46 để giảm nhẹ cho các bị cáo là không phù hợp.

+ Bản án số 69/2014/HSST ngày 7/7/2014 của Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước, xét xử bị cáo Lưu Văn Đại về tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản theo khoản 1 Điều 139 BLHS 1999. Bị cáo còn khai nhận: Ngày 5/2/2014, do không có tiền tiêu xài nên đã mượn 01 xe máy Sirius của anh Nguyễn Văn Nam là bạn của Đại. Sau đó, Đại đã đem xe máy đi cầm được 5 triệu đồng và tiêu xài hết.

Nội dung vụ án: Trưa 12/5/2014, Đại đến chơi với anh Tùng tại cửa hàng sửa xe máy của anh Tùng ở thị trấn Đức Trung, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước. Khoảng 14h00, khi anh Tùng ngủ say, Đại lấy chìa khóa xe máy của anh Tùng để trên mặt tủ để lấy xe Honda Wave RS của anh Tùng dựng trước cửa thì anh Minh là thợ sửa xe hỏi Đại đi đâu, Đại nói là “đi ra đây một tí” rồi mở khóa xe của anh Tùng đi bán cho một người không quen biết được 8.000.000 đồng ăn tiêu hết. Anh Tùng yêu cầu Đại bồi thường trị giá xe 13.000.000 đồng (mười ba triệu đồng). Bản án xử phạt Đại 12 tháng tù về tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Buộc Đại bồi thường cho anh Tùng trị giá xe máy là 13.000.000 đồng.

Bị cáo lợi dụng lúc anh Tùng ngủ để chiếm đoạt xe máy của anh Tùng thể hiện sự lén lút của bị cáo đối với chủ sở hữu (anh Tùng). Đây là dấu hiệu đặc trưng của tội trộm cắp tài sản. Do đó, việc truy tố, xét xử bị cáo Nam về tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản là không đúng. Bản án áp dụng tình tiết tái phạm theo điểm g khoản 1 Điều 48 BLHS đối

với bị cáo là sai vì hành vi phạm tội trước của bị cáo vào ngày 5/2/2014, đến thời điểm bị cáo phạm tội lần này chưa bị đưa ra xét xử, do đó không thể coi là tái phạm.

+ Bản án số 53/2015/HSST ngày 15/7/2015 của Tòa án nhân dân huyện Bù Đốp, tỉnh Bình Phước, xét xử đối với bị cáo Mai Văn Trường, sinh năm 1975, tiền án: ngày 12/6/2013, bị phạt 12 tháng tù về tội trộm cắp tài sản nhưng cho hưởng án treo, thời hạn thử thách là 24 tháng; bị xét xử về “tội cố ý gây thương tích” theo khoản 2 Điều 104 BLHS. Nội dung vụ án: Mai Văn Trường cho rằng trước đó anh Đinh Văn Cơ đã đánh mình, nên khoảng 19 giờ ngày 15/11/2014, Mai Văn Trường mang theo dao đến tìm Cơ và chém anh Cơ nhiều nhát gây thương tích, tỷ lệ thương tật là 26%. Anh Cơ yêu cầu Trường phải bồi thường 20 triệu đồng. Ngày 02/02/2015, gia đình bị cáo Trường đã bồi thường cho anh Cơ 8 triệu đồng.

Bản án sơ thẩm áp dụng điểm a, i khoản 1 Điều 104 ; điểm b, p khoản 1 Điều 46; Điều 51 BLHS; phạt bị cáo 30 tháng tù tổng hợp với 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo của bản án số 02/HSST, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của 2 bản án là 42 tháng tù giam. Về dân sự: buộc bị cáo Trường phải bồi thường tiếp cho anh Cơ 10.500.000 đồng.

Bị cáo phạm tội “cố ý gây thương tích” lần này nằm trong thời gian thử thách. Như vậy, phạm tội lần này là trường hợp tái phạm phải áp dụng điểm g khoản 1 Điều 48 BLHS để quyết định hình phạt đối với bị cáo. Tòa án nhân dân huyện Bù Đốp không áp dụng điểm g khoản 1 Điều 48 BLHS là bỏ sót tình tiết tăng nặng TNHS đối với bị cáo. Gia đình bị cáo tự nguyện nộp 8 triệu đồng để khắc phục hậu quả là tình tiết giảm nhẹ TNHS đối với bị cáo, nhưng là tình tiết giảm nhẹ theo khoản 2 Điều 46 như hướng dẫn tại mục 5 Nghị quyết 01/2000/NQ-HĐTP ngày 4/8/2000 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao. Tòa án nhân dân huyện Bù Đốp áp dụng điểm b khoản 1 Điều 46 đối với bị cáo là không đúng.

+ Bản án số 51/2015/HSST ngày 20/5/2015 của Tòa án nhân dân huyện Bù Gia Mập xét xử bị cáo Bùi Văn Anh, sinh năm 1971 về tội “huỷ hoại tài sản” theo khoản 1 điều 143 BLHS (tiền án, tiền sự: Không).

Nội dung vụ án: Do có mâu thuẫn từ trước trong sinh hoạt hàng ngày, Bùi Văn Anh đã tìm cơ hội để trả thù anh Trần Hữu Tân là hàng xóm. Ngày 10/01/2015,

Bùi Văn Anh mua 01 ống thuốc chuột loại do Trung Quốc sản xuất về tẩm vào cá khô. Đến 23h30 cùng ngày, lợi dụng khi cả nhà anh Tân đang ngủ say, Bùi Văn Anh lén lút mang cá có tẩm thuốc chuột sang chuồng lợn nhà anh Tân ném vào trong để cho lợn ăn. Sáng hôm sau, phát hiện 06 con lợn bị chết, anh Tân đã trình báo Công an. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bù Gia Mập đã sử dụng các biện pháp nghiệp vụ điều tra và xác định thủ phạm là Bùi Văn Anh. Tổng giá trị tài sản thiệt hại được giám định trị giá 5.300.000đ. Tòa án nhân dân huyện Bù Gia Mập đã tuyên bố bị cáo Bùi Văn Anh phạm tội huỷ hoại tài sản của người khác, áp dụng khoản 1 điều 143, điểm b, h khoản 1 điều 46 BLHS xử phạt bị cáo Bùi Văn Anh 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo.

Hành vi của bị cáo Bùi Văn Anh là dùng hóa chất cực độc (bả chuột do Trung Quốc sản xuất), để đầu độc đàn lợn nhà anh Tân là hành vi thực hiện tội phạm với thủ đoạn nguy hiểm, do đó Tòa án nhân dân huyện Bù Gia Mập đã không áp dụng tình tiết tăng nặng TNHS định khung là “dùng chất nổ, chất cháy hoặc thủ đoạn nguy hiểm khác” quy định tại điểm b khoản 2 điều 143 BLHS với mức án từ 2 năm đến 7 năm là sai lầm nghiêm trọng trong việc áp dụng BLHS. Việc Tòa án nhân dân huyện Bù Gia Mập chỉ xử phạt bị cáo Thúc 09 tháng tù cho hưởng án treo trong trường hợp này là quá nhẹ.

*2.2.2.3. Những hạn chế khi áp dụng các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự và nguyên nhân*

- Những hạn chế khi áp dụng các tình tiết tăng nặng TNHS trong xét xử vụ án hình sự của Tòa án các cấp trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

+ Áp dụng chưa chính xác tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Hủy án và sửa án do áp dụng chưa chính xác tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là một trong những biểu hiện phổ biến của việc áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự chưa chính xác trong công tác xét xử vụ án hình sự của Tòa án nhân dân trên địa bàn tỉnh Bình Phước. Sai sót này năm nào cũng xảy ra. Đó là các trường hợp không áp dụng hoặc áp dụng không đúng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự trong vụ án cụ thể.

\* Áp dụng chưa đầy đủ tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.



Ở hạn chế này, các Tòa án nhân dân trên địa bàn tỉnh Bình Phước đã có thiếu sót trong việc xác định thiếu tình tiết tăng nặng TNHS. Điển hình như: Bản án hình sự sơ thẩm 85/2012/HSST ngày 11/9/2012 của Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng tuyên Bùi Thùy Dương sinh năm 1993 phạm tội cưỡng đoạt tài sản, áp dụng tình tiết tăng nặng “phạm tội nhiều lần” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 là chính xác, tuy nhiên, bản án sơ thẩm lại không áp dụng tình tiết tăng nặng “xúi giục người chưa thành niên phạm tội” theo điểm n khoản 1 Điều 48 BLHS đối với Dương là thiếu sót nên xử mức án nhẹ.

\* Đánh giá chưa chính xác tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của tình tiết tăng nặng TNHS.

Hạn chế này xảy ra phổ biến tại các cấp Tòa án trên địa bàn tỉnh Bình Phước. Đối với các hạn chế này, tính chất chung là việc đánh giá chưa chính xác tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của tội phạm, bao gồm cả tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự định khung và tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự chung. Trong năm 2013, cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm về phân hình phạt, chuyển hình phạt tù nhưng cho hưởng án treo, cải tạo không giam giữ sang hình phạt tù đối với 16 bị cáo...

- Nguyên nhân của những hạn chế trên.

+ Hệ thống pháp luật và hướng dẫn áp dụng pháp luật nói chung, pháp luật hình sự nói riêng còn chưa đáp ứng được yêu cầu như đã phân tích.

+ Về phía địa phương, các VAHS mà Tòa án nhân dân hai cấp trên địa bàn tỉnh Bình Phước phải giải quyết ngày càng phức tạp, nhiều loại tội phạm mới phát sinh, kinh nghiệm điều tra, truy tố, xét xử của các cơ quan tiến hành tố tụng còn hạn chế.

+ Đội ngũ cán bộ, công chức tuy đã được tăng cường nhưng còn thiếu so với khối lượng công việc phải giải quyết. Cơ sở vật chất, điều kiện làm việc vẫn còn nhiều khó khăn cũng làm ảnh hưởng nhất định tới tiến độ, hiệu quả công tác. Công tác phối hợp của một số cơ quan, ngành liên quan có lúc chưa kịp thời chặt chẽ cũng gây nhiều khó khăn, việc giải quyết vụ án phải kéo dài.

+ Trình độ chuyên môn nghiệp vụ, tinh thần trách nhiệm, ý thức tổ chức kỷ luật của một số ít cán bộ, Thẩm phán còn hạn chế, chưa đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình hiện nay. Một số ít cán bộ, công chức thiếu ý thức cầu thị,

phần đầu tự học tập, rèn luyện tư cách, phẩm chất đạo đức, kỷ luật công vụ nên hiệu quả, chất lượng công tác chưa cao. Một số chủ thể có trách nhiệm được giao nghiên cứu hồ sơ vụ án, có trách nhiệm điều tra, truy tố chưa làm tròn trách nhiệm của mình, chưa thực sự tâm huyết và có trách nhiệm với công việc, làm việc còn lơ là, tắc trách, thiếu cẩn thận đối với công việc và trách nhiệm được giao.

## **Kết luận Chương 2**

Các tình tiết tăng nặng TNHS định tội, tình tiết tăng nặng TNHS định khung và tình tiết tăng nặng TNHS chung đều được thể hiện trong pháp luật hình sự Việt Nam từ năm 1945 đến nay, đặc biệt được thể hiện tập trung tại BLHS năm 1985 và BLHS năm 1999. Việc thể hiện các quy định này trong pháp luật hình sự Việt Nam mặc dù còn một số bất cập, hạn chế nhưng về cơ bản đã thể hiện đầy đủ, đúng với tính chất tăng nặng TNHS tương ứng với sự tăng lên của tính chất nguy hiểm cho xã hội của tội phạm.

Trong công tác xét xử hình sự, Tòa án nhân dân các cấp của tỉnh Bình Phước cùng với các cơ quan hữu quan liên quan đã làm tốt chức năng xét xử các VAHS, về cơ bản đã áp dụng đúng và đầy đủ các tình tiết tăng nặng TNHS để phân hóa tội phạm và cá thể hóa hình phạt. Bên cạnh đó, vẫn còn một số hạn chế trong công tác áp dụng tình tiết tăng nặng TNHS như áp dụng chưa chính xác tình tiết tăng nặng TNHS, áp dụng chưa đầy đủ tình tiết tăng nặng TNHS, đánh giá chưa chính xác tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của tình tiết tăng nặng TNHS. Điều này xuất phát từ cả nguyên nhân khách quan và nguyên nhân chủ quan như sự chưa hoàn thiện của hệ thống pháp luật, công tác hướng dẫn pháp luật chưa đầy đủ, trình độ chuyên môn của người tiến hành tố tụng chưa cao, tranh tụng chưa hiệu quả... Đây cũng là thực trạng chung của công tác áp dụng tình tiết tăng nặng TNHS trong giải quyết VAHS tại các địa phương khác. Kết quả nghiên cứu ở Chương 2 của luận văn là cơ sở quan trọng để đề xuất các giải pháp hoàn thiện pháp luật hình sự về các tình tiết tăng nặng TNHS và nâng cao hiệu quả áp dụng tại tỉnh Bình Phước.

**Chương 3**  
**CÁC GIẢI PHÁP BẢO ĐẢM ÁP DỤNG ĐÚNG QUY ĐỊNH**  
**CỦA PHÁP LUẬT HÌNH SỰ VỀ CÁC TÌNH TIẾT TĂNG NẶNG**  
**TRÁCH NHIỆM HÌNH SỰ**

**3.1. Hoàn thiện quy định của pháp luật hình sự Việt Nam về các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự**

***3.1.1. Sự cần thiết của việc tiếp tục hoàn thiện pháp luật hình sự về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự***

Việc hoàn thiện pháp luật hình sự về tình tiết tăng nặng TNHS xuất phát từ chính sự hạn chế, bất cập của các quy định về tình tiết tăng nặng TNHS. Qua những phân tích trên cho thấy, các quy định của BLHS năm 1999 về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự vẫn còn những bất cập và những điểm chưa hợp lý, cụ thể:

*Thứ nhất*, các quy định về tình tiết tăng nặng TNHS trong BLHS năm 1999 phản ánh chưa đầy đủ, chưa đúng bản chất, ý nghĩa pháp lý, dẫn đến các quy định của BLHS năm 1999 về tình tiết tăng nặng TNHS chưa đầy đủ, chưa thể hiện được hết tính nguy hiểm cho xã hội của tội phạm, có những tình tiết lại có thể trùng nhau, dẫn đến một tình tiết có thể coi là được áp dụng hai lần như phạm tội có tính chất chuyên nghiệp và phạm tội nhiều lần...

*Thứ hai*, nhiều tình tiết tăng nặng TNHS trong BLHS năm 1999 được quy định theo hướng tùy nghi, dẫn đến sự tùy tiện trong áp dụng, gây khó khăn cho việc đánh giá đúng tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của tội phạm để quyết định TNHS, cũng như sẽ gây bất công bằng trong áp dụng pháp luật hình sự.

*Thứ ba*, một số tình tiết tăng nặng TNHS có tính phổ biến nhưng lại chưa được quy định rõ trong BLHS năm 1999 như phạm tội có tổ chức, phạm tội có tính chất chuyên nghiệp, phạm tội có tính chất côn đồ...

*Thứ tư*, ý nghĩa pháp lý của mỗi tình tiết tăng nặng TNHS chưa được lượng hóa cụ thể gây khó khăn cho người áp dụng và việc quyết định hình phạt nhiều trường hợp chưa tương xứng với tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của tội phạm.

*Thứ năm*, một số tình tiết trong thực tế cũng có ý nghĩa làm tăng tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của tội phạm nhưng không được ghi nhận là tình tiết tăng nặng TNHS, đặc biệt là tình tiết tăng nặng TNHS chung như lợi dụng danh nghĩa của cơ quan, tổ chức để phạm tội; xúi giục người có nhược điểm về tinh thần phạm tội...

*Thứ sáu*, kỹ thuật xây dựng một số khung hình phạt tăng nặng trách nhiệm hình sự sử dụng tình tiết tăng nặng TNHS còn chưa khoa học, dẫn đến khó áp dụng như các Khoản 2, 3, 3 Điều 111, 112 BLHS năm 1999...

Đối với công tác hướng dẫn áp dụng các tình tiết tăng nặng TNHS cũng còn nhiều bất cập, phần lớn các tình tiết tăng nặng TNHS chưa được hướng dẫn đầy đủ, một số tình tiết tăng nặng TNHS đã được hướng dẫn nhưng một số điểm chưa phù hợp, chưa thể hiện đúng bản chất nội dung của nó. Điều này dẫn đến tình trạng phần lớn tình tiết tăng nặng TNHS được áp dụng phụ thuộc vào khả năng nhận thức theo quan điểm của người áp dụng. Ngoài ra, về nhận thức, cần phải thống nhất về các tình tiết tăng nặng TNHS để làm cơ sở lý luận tiếp tục hoàn thiện pháp luật hình sự.

Theo tác giả, cần thống nhất cách hiểu về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, theo đó, tình tiết tăng nặng TNHS phải bao gồm ba loại: tình tiết tăng nặng TNHS định tội (là dấu hiệu định tội nhưng trong tội phạm cùng loại nặng hơn), tình tiết tăng nặng TNHS định khung (hay còn gọi là tình tiết định khung ở cấu thành tội phạm tăng nặng) và tình tiết tăng nặng TNHS chung. Cách hiểu như vậy là cần thiết và có cơ sở vững chắc như đã phân tích. Đồng thời, một số khái niệm cần thiết liên quan như: Tình tiết giảm nhẹ TNHS, tính tiết định tội, tình tiết định khung cần được thống nhất thành các thuật ngữ pháp lý quy định trong BLHS để hoàn thiện hơn các quy định của BLHS hiện hành, tạo điều kiện thuận lợi cho các cơ quan áp dụng pháp luật hình sự trong thực tiễn được chính xác.

### ***3.1.2. Các kiến nghị cụ thể hoàn thiện quy định pháp luật hình sự về các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự***

- Hoàn thiện quy định về tình tiết tăng nặng TNHS định tội.

Việc quy định tình tiết tăng nặng TNHS định tội là một trong những biểu hiện đúng tính chất nguy hiểm cho xã hội của tội phạm. BLHS năm 1999 đã quy định một số tình tiết tăng nặng TNHS định tội trong một số tội phạm tăng nặng. Tuy

nhiên, theo tác giả, cần bổ sung thêm một số tội phạm tăng nặng bên cạnh các tội phạm hiện nay đã được quy định, cụ thể:

+ Cần bổ sung thêm tội cưỡng bức, lôi kéo người dưới 18 tuổi sử dụng trái phép chất ma túy trên cơ sở tách từ tội cưỡng bức, lôi kéo người khác sử dụng trái phép chất ma túy quy định tại Điều 200 BLHS năm 1999. Người dưới 18 tuổi là đối tượng cần được bảo vệ đặc biệt và việc người dưới 18 tuổi vướng vào các tệ nạn xã hội gây hậu quả rất nghiêm trọng đối với xã hội, ảnh hưởng đến thể chất, nhân cách của họ, cũng như ảnh hưởng đến sự ổn định và phát triển của xã hội.

+ Tách tội chứa mại dâm quy định tại Điều 254 BLHS thành tội chứa mại dâm và tội chứa người chưa thành niên hoạt động mại dâm.

+ Tương tự như trên, cũng cần thiết tách tội môi giới mại dâm quy định tại Điều 255 BLHS thành tội môi giới mại dâm và tội môi giới người chưa thành niên hoạt động mại dâm.

- Hoàn thiện quy định về tình tiết tăng nặng TNHS định khung.

+ Đối với các tội phạm khó xác định các lần phạm tội hoặc việc phạm tội nhiều lần là phổ biến và là cách thức thực hiện tội phạm thì nên quy định tình tiết tăng nặng TNHS định khung phạm tội nhiều lần như tội sản xuất trái phép chất ma túy (Điều 193 BLHS), tội tàng trữ, vận chuyển, mua bán hoặc chiếm đoạt chất ma túy (Điều 194 BLHS), tội tham ô tài sản (Điều 278 BLHS), tội buôn lậu (Điều 153 BLHS)... là tình tiết tăng nặng TNHS chung.

+ Bổ sung tình tiết tăng nặng TNHS định khung tái phạm đối với tất cả các tội phạm chưa được quy định như cố ý gây thương tích (Điều 104), tội hiếp dâm (Điều 111), tội cưỡng dâm (Điều 113), tội giao cấu với trẻ em (Điều 115),

+ Bổ sung tình tiết tăng nặng TNHS định khung lợi dụng chức vụ, quyền hạn đối với một số tội phạm mà người phạm tội có thể sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội như tội cưỡng đoạt tài sản (Điều 135), tội kinh doanh trái phép (Điều 159), tội trốn thuế (Điều 161)... Tương tự, cần bổ sung tình tiết tăng nặng TNHS định khung lợi dụng danh nghĩa cơ quan, tổ chức, cá nhân để phạm tội vào các tội phạm này, đặc biệt là các tội có dấu hiệu thu lợi hoặc chiếm đoạt tài sản.

+ Không quy định tình tiết tăng nặng TNHS định khung phạm tội đối với người chưa thành niên từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi đối với tội chứa mại dâm (Điều 254) và tội môi giới mại dâm (Điều 255) nếu tách những tội phạm này như đề xuất ở phần trên.

+ Không quy định tình tiết tăng nặng TNHS định khung “biết mình bị nhiễm HIV mà vẫn phạm tội” được quy định ở Khoản 3 Điều 111, Điều 112; Điều 113, Điều 114, Điều 115, Điều 256. Với những đối tượng như này thì phạt tù nặng không phải là biện pháp hữu hiệu mà tình tiết này chủ yếu mang tính răn đe hành vi phạm tội. Chính vì vậy, khi phạm tội mà lây truyền HIV cho người khác nên xét xử thêm tội lây truyền HIV cho người khác (Điều 117) hoặc tội cố ý lây truyền HIV cho người khác (Điều 118).

+ Để khắc phục bất hợp lý trong việc xử lý tội phạm hiếp dâm, chúng tôi đề nghị khoản 4 Điều 111 cần sửa đổi, quy định 3 đoạn, trong đó: Đoạn 1 giữ nguyên, đoạn 2 và đoạn 3 bổ sung như sau:

“4. Phạm tội hiếp dâm người chưa thành niên từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi thì bị phạt tù từ năm năm đến mười năm.

Phạm tội thuộc một trong các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này thì bị xử phạt tù từ mười hai năm đến hai mươi năm.

Phạm tội thuộc một trong các trường hợp qui định tại khoản 3 Điều này thì bị xử phạt theo mức hình phạt quy định tại khoản đó”.

+ Bỏ tình tiết tăng nặng TNHS định khung “tái phạm” ở tội xâm phạm bí mật hoặc an toàn thư tín, điện thoại, điện tín của người khác (điểm đ khoản 2 Điều 125 BLHS) vì tình tiết này không làm tăng tính nguy hiểm cho xã hội của tội phạm này một cách đáng kể.

- Hoàn thiện quy định về tình tiết tăng nặng TNHS chung.

+ Bổ sung thêm tình tiết tăng nặng TNHS chung: *lợi dụng danh nghĩa cơ quan, tổ chức, cá nhân để phạm tội*. Đối tượng phạm tội hiện nay thường sử dụng hoặc núp bóng cơ quan, tổ chức để thực hiện hành vi phạm tội của mình, gây hậu quả cho xã hội cao hơn và việc truy cứu TNHS với đối tượng này còn gặp nhiều

khó khăn. Chính vì vậy, so với trường hợp thông thường, trường hợp này cần được xử lý ở mức TNHS cao hơn để vừa răn đe, vừa cải tạo, giáo dục người phạm tội.

+ Bổ sung thêm tình tiết tăng nặng TNHS chung: *phạm tội có tính chất mạnh động, liều lĩnh*. Hiện nay, một số đối tượng thực hiện tội phạm mang tính mạnh động, liều lĩnh diễn ra khá nhiều như sẵn sàng chống trả người truy đuổi, dùng súng để vận chuyển, mua bán trái phép chất ma túy... Các trường hợp này có khả năng hoặc đe dọa gây ra hậu quả lớn đối với người xung quanh, thể hiện sự coi thường pháp luật nên cần phải xử lý nghiêm.

+ Bổ sung thêm tình tiết tăng nặng TNHS chung: *phạm tội đối với người có nhược điểm về tâm thần hoặc thể chất; xúi giục người có nhược điểm về thể chất hoặc tinh thần phạm tội*.

+ Bổ sung thêm tình tiết tăng nặng TNHS chung: Phạm tội đối với ông, bà, cha, mẹ, thầy giáo, cô giáo, người chăm sóc, giáo dục mình.

+ Bổ sung thêm tình tiết tăng nặng TNHS chung: người phạm tội là người chủ mưu, cầm đầu, chỉ huy.

+ Cần bổ sung vào khoản 2 Điều 48 quy định sau: Các tình đã là yếu tố định tội hoặc định khung, kể cả định khung tăng nặng thì không coi là tình tiết tăng nặng TNHS. Ngoài ra, cần xây dựng thêm khoản 3 của Điều 48 BLHS theo hướng: những tình tiết tăng nặng TNHS không phải là tình tiết tăng nặng TNHS của khung hình phạt áp dụng, không phải là tình tiết định tội nhưng ở cùng một loại tội và ở khung hình phạt trước của khung hình phạt áp dụng, cũng được xác định là tình tiết tăng nặng TNHS chung.

+ Tình tiết phạm tội đối với người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi ở các tội hiếp dâm và tội cưỡng dâm nên quy định là tình tiết tăng nặng TNHS chung vừa phản ánh đúng mức độ tăng tính nguy hiểm cho xã hội của nó, vừa thuận tiện cho việc áp dụng.

- Hoàn thiện về kỹ thuật lập pháp.

Các tình tiết tăng nặng và những khái niệm liên quan trong BLHS cần được quy định rõ ràng, thống nhất nhằm đảm bảo nhận thức và áp dụng thống nhất, hạn chế đến mức thấp nhất những quy định tùy nghi. Một số tình tiết phổ biến như: Phạm tội có tổ chức, phạm tội có tính chất côn đồ... cần được quy định rõ nội dung trong BLHS.

Mặt khác, cần cải tiến kỹ thuật xác định các khung hình phạt tăng nặng, đặc biệt là những tội có 2 đến 3 khung tăng nặng, định lượng hậu quả là một trong những tình tiết định khung. Mức hình phạt ở khung hình phạt đó phải tương xứng với tính nguy hiểm cho xã hội của tội phạm, đảm bảo công bằng khi cá thể hóa hình phạt.

### **3.2. Tổng kết thực tiễn và hướng dẫn áp dụng các quy định của pháp luật hình sự về các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự**

#### ***3.2.1. Tổ chức tổng kết thực tiễn áp dụng các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự***

- Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước cần hướng dẫn Tòa án cấp huyện trong toàn tỉnh tiến hành tổng kết thực tiễn áp dụng pháp luật hình sự nói chung, áp dụng các tình tiết tăng nặng TNHS nói riêng trong xét xử VAHS đối với các tình tiết tăng nặng TNHS định tội, tình tiết tăng nặng TNHS định khung và tình tiết tăng nặng TNHS chung, gắn liền với từng loại tội, từng nhóm tội danh theo quy định của BLHS để làm cơ sở cho việc thống nhất áp dụng trên địa bàn tỉnh hoặc kiến nghị Tòa án nhân dân tối cao có hướng dẫn cụ thể để thống nhất thực hiện.

- Việc tiến hành tổng kết thực tiễn áp dụng các tình tiết tăng nặng TNHS cần được tiến hành theo từng năm hoặc theo giai đoạn hoặc thông qua công tác giám đốc thẩm của Tòa án cấp trên, cũng như thông qua hoạt động xét xử phúc thẩm các bản án hình sự sơ thẩm bị kháng cáo, kháng nghị liên quan đến việc áp dụng các tình tiết tăng nặng TNHS.

- Tổng kết thực tiễn áp dụng các tình tiết tăng nặng TNHS cần phải có văn bản thông báo, đánh giá cụ thể từng đối với từng vụ án, bản án để rút kinh nghiệm trong ngành Tòa án nhân dân trên địa bàn tỉnh, là cơ sở để kiến nghị cấp có thẩm quyền ban hành hướng dẫn thống nhất xét xử trong ngành Tòa án trong cả nước để tránh áp dụng tùy tiện, khác nhau, không chính xác.

- Tổ chức các hội nghị, hội thảo để tiến hành tổng kết, đánh giá thực tiễn áp dụng các tình tiết tăng nặng TNHS trong xét xử vụ án hình sự của Tòa án các cấp trên địa bàn tỉnh Bình Phước.



### ***3.2.2. Hoàn thiện quy định của pháp luật để hướng dẫn áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự***

Đối với việc áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, cần phải sửa đổi nguyên tắc áp dụng tại Khoản 2 Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 1999. Theo đó, quy định này cần phải được sửa đổi một cách rõ ràng và dễ hiểu như sau: Nếu tình tiết tăng nặng TNHS chung quy định tại Khoản 1 Điều này đã được áp dụng là tình tiết định tội hoặc tình tiết tăng nặng TNHS định khung hình phạt thì không áp dụng làm tình tiết tăng nặng TNHS chung. Tuy nhiên, cần cân nhắc về tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của tình tiết đó để áp dụng hình phạt.

Về cơ bản, hiện nay cần có một số hướng dẫn sau:

*Thứ nhất*, đối với những tội phạm mà cộng dồn hậu quả như tội cố ý gây thương tích... và hậu quả đó đã cùng khung hình phạt với tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự định khung phạm tội nhiều lần thì chỉ áp dụng tình tiết tăng nặng TNHS về hậu quả, loại trừ tình tiết phạm tội nhiều lần.

Trường hợp nếu tình tiết đã bị kết án, chưa được xoá án tích đã được áp dụng là yếu tố định tội (trong một số tội) thì không được áp dụng làm tình tiết tăng nặng (tái phạm, tái phạm nguy hiểm) nữa.

*Thứ hai*, trong một vụ án xét xử, nếu có nhiều tội danh và nhiều bị cáo, tình tiết tăng nặng TNHS của tội phạm nào của người nào thì được áp dụng cho tội phạm đó và người đó. Trường hợp một người phạm hai tội và cùng một tình tiết có thể áp dụng cho cả hai tội như tái phạm, tái phạm nguy hiểm... thì áp dụng đối với mỗi loại tội, không loại trừ.

*Thứ ba*, tăng cường hướng dẫn cụ thể tình tiết phạm tội nào được áp dụng đối với tội phạm nào, như: Ở các tội chiếm đoạt tài sản như: Cướp tài sản, cưỡng đoạt tài sản nếu người bị hại là trẻ em, người già thì cũng cần áp dụng tình tiết tăng nặng phạm tội đối với trẻ em, người già; trường hợp hiếp dâm người chưa đủ 13 tuổi nhưng có một trong các tình tiết tại khoản 3 Điều 112 thì cần áp dụng khoản 3 Điều 112 để xét xử.

Để khắc phục bất hợp lý trong quy định của BLHS năm 1999 về tình tiết định khung tăng nặng “giết người bằng phương pháp có khả năng làm chết nhiều

người” cần sửa đổi và ban hành văn bản hướng dẫn áp dụng tình tiết “giết nhiều người” và “giết người bằng phương pháp có khả năng làm chết nhiều người” theo hướng: 1) Sửa tình tiết định khung tăng nặng “giết người bằng phương pháp có khả năng làm chết nhiều người” thành “giết người bằng công cụ, phương tiện hoặc phương pháp, thủ đoạn có tính nguy hiểm cao” và hướng dẫn áp dụng tình tiết này theo hướng “giết người bằng công cụ, phương tiện hoặc phương pháp, thủ đoạn có tính nguy hiểm cao” như: Ném lựu đạn vào chỗ đông người; cho thuốc độc vào bể nước công cộng. Khi áp dụng tình tiết định khung tăng nặng “giết người bằng công cụ, phương tiện hoặc phương pháp, thủ đoạn có tính nguy hiểm cao” không đòi hỏi dấu hiệu có khả năng làm chết nhiều người; 2) Ban hành văn bản hướng dẫn áp dụng tình tiết “giết nhiều người” và “giết người bằng công cụ, phương tiện hoặc phương pháp, thủ đoạn có tính nguy hiểm cao” theo hướng:

- Chỉ áp dụng tình tiết định khung tăng nặng “giết nhiều người” khi người phạm tội cố ý (trực tiếp hoặc gián tiếp) gây ra cái chết cho nhiều người và đã có từ hai người chết trở lên nhưng không sử dụng công cụ, phương tiện hoặc phương pháp, thủ đoạn phạm tội có tính nguy hiểm cao.

- Chỉ áp dụng tình tiết định khung tăng nặng “giết người bằng công cụ, phương tiện hoặc phương pháp, thủ đoạn có tính nguy hiểm cao” khi người phạm tội (vì) cố ý (trực tiếp hoặc gián tiếp) gây ra cái chết cho một hoặc nhiều người (nên) đã sử dụng công cụ, phương tiện hoặc phương pháp, thủ đoạn phạm tội có tính nguy hiểm cao nhưng hành vi đó chưa gây ra hậu quả chết nhiều người.

- Phải áp dụng cả hai tình tiết định khung tăng nặng “giết nhiều người” và “giết người bằng công cụ, phương tiện hoặc phương pháp, thủ đoạn có tính nguy hiểm cao” khi người phạm tội (vì) cố ý (trực tiếp hoặc gián tiếp) gây ra cái chết cho nhiều người (nên) đã sử dụng công cụ, phương tiện hoặc phương pháp, thủ đoạn phạm tội có tính nguy hiểm cao và việc sử dụng công cụ, phương tiện hoặc phương pháp, thủ đoạn phạm tội đó đã gây ra hậu quả chết nhiều người.

*Thứ tư*, đối với tình tiết tăng nặng TNHS định khung đối với trẻ em quy định tại tội bắt cóc nhằm chiếm đoạt tài sản quy định tại Điều 134, tình tiết này cần được hướng dẫn là đối tượng bị bắt cóc là trẻ em (người dưới 16 tuổi).

*Thứ năm*, trong các trường hợp cụ thể, cần có sự lượng hóa một số tình tiết tăng nặng TNHS, chẳng hạn như đối với việc lợi dụng chức vụ, quyền hạn nếu là tình tiết tăng nặng TNHS chung thì cần phải tăng thêm 1/10 hình phạt so với trường hợp phạm tội thông thường nhưng không được vượt quá mức cao nhất của khung hình phạt.

### **3.3. Nâng cao năng lực của cán bộ Tòa án nhân dân các cấp tỉnh Bình Phước trong hoạt động xét xử vụ án hình sự**

- Xây dựng đội ngũ cán bộ của Tòa án nhân dân các cấp tỉnh Bình Phước với phẩm chất đạo đức trong sạch, năng lực chuyên môn cao có khả năng đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong mọi tình huống.

Nghị quyết số 49-NQ/TW ngày 02/06/2005 của Bộ Chính trị về chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020 đã xác định phương hướng cải cách tư pháp như sau: “Xây dựng đội ngũ cán bộ tư pháp, bổ trợ tư pháp, nhất là cán bộ có chức danh tư pháp, theo hướng đề cao quyền hạn, trách nhiệm pháp lý, nâng cao và cụ thể hóa tiêu chuẩn về chính trị, phẩm chất, đạo đức, chuyên môn nghiệp vụ và kinh nghiệm, kiến thức xã hội đối với từng loại cán bộ; tiến tới thực hiện chế độ thi tuyển đối với một số chức danh”. Nghị quyết cũng xác định nhiệm vụ của cải cách tư pháp: “Tiếp tục đổi mới nội dung, phương pháp đào tạo cử nhân luật, đào tạo cán bộ nguồn của các chức danh tư pháp, bổ trợ tư pháp; bồi dưỡng cán bộ tư pháp, bổ trợ tư pháp theo hướng cập nhật các kiến thức mới về chính trị, pháp luật, kinh tế, xã hội, có kỹ năng nghề nghiệp và kiến thức thực tiễn, có phẩm chất, đạo đức trong sạch, dũng cảm đấu tranh vì công lý, bảo vệ pháp chế xã hội chủ nghĩa...”

Có cơ chế thu hút, tuyển chọn những người có tâm huyết, đủ đức, đủ tài vào làm việc ở các cơ quan tư pháp. Mở rộng nguồn để bổ nhiệm vào các chức danh tư pháp, không chỉ là cán bộ trong các cơ quan tư pháp, mà còn là các Luật sư. Nghiên cứu thực hiện cơ chế thi tuyển để chọn người bổ nhiệm vào các chức danh tư pháp. Tăng thời hạn bổ nhiệm chức danh tư pháp hoặc thực hiện chế độ bổ nhiệm không có kỳ hạn. Có chế độ, chính sách tiền lương, khen thưởng phù hợp với lao động của cán bộ tư pháp. Tăng cường kiểm tra, thanh tra và có cơ chế thanh tra, kiểm tra từ bên ngoài đối với hoạt động của các chức danh tư pháp.”

Như vậy, xây dựng đội ngũ cán bộ Tòa án nhân dân với phẩm chất đạo đức trong sạch, năng lực chuyên môn cao phải trên tinh thần về phương hướng, nhiệm vụ cải cách tư pháp mà Nghị quyết số 49-NQ/TW của Bộ Chính trị đề ra. Để làm được điều đó, phải giải quyết được những nội dung sau:

+ Tòa án nhân dân các cấp của tỉnh Bình Phước phải thực hiện nghiêm quy định về tiêu chuẩn của Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký Tòa án để chuẩn hóa chức danh, bổ nhiệm đúng tiêu chuẩn và phải xuất phát từ yêu cầu nhiệm vụ đặt ra, tránh tình trạng đề đáp ứng về số lượng mà không quan tâm đến hiệu quả lâu dài. Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký Tòa án phải là những người có bản lĩnh chính trị, lập trường tư tưởng vững vàng, có tinh thần trách nhiệm với công việc, phải có kiến thức về pháp luật, nghiệp vụ sâu rộng.

+ Hàng năm, cử cán bộ đi tập huấn nâng cao trình độ tại Học viện Tòa án, cũng tham gia các lớp tập huấn, bồi dưỡng về pháp luật hình sự, tố tụng hình sự, nghiệp vụ xét xử do Tòa án nhân dân tối cao tổ chức. Đồng thời, có kế hoạch, cử cán bộ học tập nâng cao trình độ chuyên môn, học Thạc sĩ Luật tại các trường đào tạo về luật như: Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh, Học viện Khoa học xã hội...

+ Lãnh đạo Tòa án nhân dân các cấp của tỉnh Bình Phước phải thường xuyên giáo dục chính trị tư tưởng, bồi dưỡng năng lực chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký Tòa án; thường xuyên nhắc nhở, chấn chỉnh các biểu hiện lệch lạc, sai phạm trong áp dụng pháp luật hình sự, trong đó có các tình tiết tăng nặng TNHS. Tòa án nhân dân tỉnh cần tổ chức các buổi tập huấn, trao đổi nghiệp vụ hay hội nghị chuyên đề khoa học về pháp luật hình sự nói chung và các tình tiết tăng nặng TNHS nói riêng. Qua đó chia sẻ thông tin, tổng kết kinh nghiệm trong việc áp dụng quy định pháp luật hình sự về các tình tiết tăng nặng TNHS, tạo cơ hội cho những người tiến hành tố tụng hình sự trao đổi rút ra kết luận những vấn đề khó khăn, nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động áp dụng quy định pháp luật hình sự về các tình tiết tăng nặng TNHS trên địa bàn tỉnh.

+ Phải chuyên môn hóa đối với Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân các cấp đối với Tòa hình sự. Đây chính là điều kiện để họ

nâng cao về trình độ chuyên môn, đảm bảo cho việc áp dụng quy định pháp luật hình sự về các tình tiết tăng nặng TNHS sự một cách chính xác.

- Đảm bảo đủ số lượng Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký Tòa án.

Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký Tòa án là những người được tuyển chọn và đào tạo từ những người có kiến thức pháp luật. Tuy nhiên, sau khi tuyển dụng thì họ cần phải có thời gian công tác, cần phải đào tạo về nghiệp vụ thì mới có thể bổ nhiệm chức danh tổ tụng. Đây là một quá trình lâu dài và cần có chiến lược, kế hoạch cụ thể.

Hiện nay, cần ưu tiên tuyển chọn, đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký Tòa án cho Tòa án các địa phương hàng năm xét xử số lượng VAHS lớn là: Thị xã Đồng Xoài, Phước Long, Bình Long, huyện Chơn Thành, Bù Đăng, Đồng Phú... Quá trình tuyển chọn phải tuân thủ đúng các quy định về tiêu chuẩn của ngành Tòa án. Tránh tình trạng tuyển dụng một cách tràn lan, tuyển dụng không phù hợp dẫn đến chỗ thì thừa, chỗ thì thiếu Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký Tòa án.

- Tòa án nhân dân các cấp của tỉnh Bình Phước cần xây dựng đề án phát triển đội ngũ cán bộ của ngành, gắn với đề xuất các chế độ chính sách, chế độ đãi ngộ đối với cán bộ để thu hút người giỏi, cũng như cán bộ yên tâm công tác, nỗ lực phấn đấu hoàn thành nhiệm vụ được giao.

- Nâng cao vai trò của các cơ quan tiến hành tố tụng các cấp của tỉnh Bình Phước, cũng như tăng cường mối quan hệ phối hợp giải các cơ quan này trong việc giải quyết VAHS.

Quá trình giải quyết VAHS và áp dụng các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự không phải chỉ do một cơ quan tiến hành mà là hệ thống các cơ quan tiến hành tố tụng hình sự cùng giải quyết. Chính vì vậy, cần phải nâng cao vai trò của các cơ quan tiến hành tố tụng hình sự.

Đối với Cơ quan điều tra: Đây là cơ quan tiến hành tố tụng hình sự đầu tiên áp dụng quy định pháp luật hình sự. Kết quả áp dụng pháp luật hình sự của cơ quan này ít nhiều cũng có ảnh hưởng đến các cơ quan tiến hành tố tụng hình sự sau đó. Cơ quan điều tra phải nâng cao vai trò của mình trong khi áp dụng quy định pháp

luật hình sự nói chung và quy định pháp luật hình sự về các tình tiết tăng nặng TNHS nói riêng. Phải xem xét đầy đủ mọi tình tiết của vụ án, phân tích đánh giá một cách kỹ lưỡng và toàn diện. Đối với những vụ án phức tạp cần phải có bàn bạc thảo luận trước khi đưa ra quyết định áp dụng quy định pháp luật hình sự nói chung và quy định pháp luật hình sự về các tình tiết tăng nặng TNHS nói riêng.

Đối với VKSND: VKSND các cấp cần phải nâng cao vai trò của mình, phát huy tính độc lập tự chủ khi thực hiện chức năng của mình. Phải nghiên cứu kỹ mọi tình tiết của vụ án và phải có quan điểm riêng của mình khi áp dụng quy định pháp luật hình sự nói chung và quy định pháp luật hình sự về các tình tiết tăng nặng TNHS nói riêng.

Đối với TAND: TAND là chủ thể cuối cùng áp dụng quy định pháp luật hình sự để giải quyết VAHS. Tòa án cần phải xem xét hồ sơ vụ án một cách thận trọng, nếu như trước khi mở phiên tòa thấy kết quả áp dụng quy định pháp luật hình sự nói chung và quy định pháp luật hình sự về các tình tiết tăng nặng TNHS nói riêng của CQĐT và VKSND chưa đúng thì cần phải xem xét để trả hồ sơ yêu cầu điều tra bổ sung theo quy định của pháp luật.

Bên cạnh việc nâng cao vai trò thì các cơ quan tiến hành tố tụng hình sự các cấp trên địa bàn tỉnh cần phải có mối quan hệ phối hợp chặt chẽ với nhau. Đối với các VAHS, các tình tiết tăng nặng TNHS trên thực tế không phải lúc nào cũng giải quyết được một cách đơn giản. Có những vụ án xảy ra rất phức tạp có nhiều quan điểm khác nhau. Trong những trường hợp này, CQĐT, VKSND, TAND cần phải bàn bạc thảo luận, thống nhất. Có như vậy thì mới phát huy được ý chí tổng hợp của các cơ quan tiến hành tố tụng hình sự. Qua đó nhằm mục đích áp dụng quy định pháp luật hình sự nói chung và quy định pháp luật hình sự về các tình tiết tăng nặng TNHS nói riêng một cách chính xác.

Cùng với đó, cần tăng cường tính chịu trách nhiệm đối với công việc của các chủ thể tiến hành tố tụng. Theo đó, cần xử lý nghiêm đối với các trường hợp thực hiện sai nghiệp vụ dẫn đến sai sót trong áp dụng pháp luật nói chung, áp dụng tình tiết tăng nặng TNHS nói riêng. Các chủ thể tiến hành tố tụng cần phải dành thời gian nghiên cứu vụ án, phát hiện và đánh giá đúng tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của tội phạm và tình tiết tăng nặng TNHS. Các cơ quan tiến hành tố tụng cần có những biện

pháp phòng chống các tiêu cực, phòng chống tham nhũng trong hoạt động tổ tụng của mình.

### **3.4. Các giải pháp khác**

- Tuyên truyền nâng cao nhận thức của cộng đồng xã hội về tình tiết tăng nặng TNHS.

Trong thời gian tới, các cơ quan tiến hành tố tụng phải tăng cường tập huấn cho cán bộ, công chức làm công tác tố tụng về các nội dung liên quan đến tình tiết tăng nặng TNHS. Đặc biệt, TAND tối cao và TAND tỉnh Bình Phước phải tăng cường tập huấn cho đội ngũ thẩm phán, hội thẩm trong phạm vi toàn tỉnh. VKSND tối cao, VKSND tỉnh thực hiện hoạt động tập huấn cho đội ngũ kiểm sát viên, kiểm tra viên làm công tác kiểm sát các vụ án hình sự.

Bên cạnh đó, cần có biện pháp tuyên truyền cho nhân dân hiểu về pháp luật hình sự, trong đó, có các tình tiết tăng nặng TNHS thông qua hoạt động xét xử lưu động, các hoạt động phổ biến, giáo dục pháp luật khác theo quy định của Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật.

- Nâng cao năng lực hành nghề của đội ngũ luật sư và trợ giúp viên pháp lý tham gia VAHS.

Hiện nay, đội ngũ Luật sư ở Việt Nam nói chung, trên địa bàn tỉnh nói riêng vừa thiếu về số lượng vừa không đảm bảo về chất lượng. Do đó, về số lượng, trong thời gian tới cần mở rộng quy mô đào tạo Luật sư. Về chất lượng cần phải nâng cao chất lượng đào tạo cả về kiến thức chuyên môn cả về kỹ năng nghề nghiệp. Các cơ quan tiến hành tố tụng, trong đó, TAND các cấp trên địa bàn tỉnh Bình Phước cần tạo mọi điều kiện cho đội ngũ Luật sư tham gia vào hoạt động bào chữa nhằm nâng cao chất lượng áp dụng pháp luật hình sự nói chung và các tình tiết tăng nặng TNHS nói riêng.

## **Kết luận Chương 3**

Như vậy, để nâng cao hiệu quả áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự trong giải quyết các vụ án hình sự cần những giải pháp đồng bộ về tư tưởng, chính trị - pháp lý, hoàn thiện pháp luật và lập pháp, và nâng cao năng lực của tổ

chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động áp dụng tình tiết tăng nặng TNHS trong việc giải quyết các vụ án hình sự.

Đầu tiên, cần phải thống nhất nhận thức về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Ngoài ra, về mặt lập pháp, cần phải hoàn thiện các quy định của pháp luật về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, có thể bổ sung thêm một số tình tiết mới. Thêm vào đó, công tác hướng dẫn áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự cũng phải được tiến hành kịp thời để đảm bảo cách hiểu và áp dụng thống nhất các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Kỹ thuật lập pháp cũng phải được thay đổi, đặc biệt là trong việc lượng hóa mức độ tăng lên của mỗi loại tình tiết tăng nặng TNHS.

Đối với thực tiễn, phải nâng cao năng lực của người tiến hành tố tụng, cơ quan tiến hành tố tụng để giải quyết tốt vụ án hình sự, áp dụng chính xác tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; cần phải tăng cường tuyên truyền nâng cao nhận thức của cộng đồng xã hội về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Và cũng cần nâng cao năng lực của đội ngũ luật sư và trợ giúp viên pháp lý tham gia vụ án hình sự để giúp cho quá trình giải quyết vụ án hình sự áp dụng chính xác tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.



## KẾT LUẬN

Tình tiết tăng nặng TNHS là yếu tố, dấu hiệu mà nhà làm luật quy định mà theo đó, trong vụ án hình sự, xuất hiện các yếu tố, dấu hiệu này sẽ làm tăng tính nguy hiểm cho xã hội của tội phạm hoặc cần thiết để nâng mức độ TNHS đối với người phạm tội để cải tạo, giáo dục họ, thể hiện ở việc tội phạm bị xử lý theo tội danh nặng hơn so với tội danh cơ bản cùng loại, khung hình phạt nặng hơn so với khung hình phạt cơ bản của cùng tội danh hoặc mức hình phạt cao hơn so với trường hợp không có tình tiết tăng nặng TNHS trong cùng khung hình phạt. Hay nói một cách ngắn gọn, tình tiết tăng nặng TNHS là dấu hiệu, yếu tố làm cho TNHS của người phạm tội tăng lên so với trường hợp thông thường ở trong cùng một loại tội.

Các tình tiết tăng nặng TNHS định tội, tình tiết tăng nặng TNHS định khung và tình tiết tăng nặng TNHS chung đều được thể hiện trong pháp luật hình sự Việt Nam từ năm 1945 đến nay, đặc biệt được thể hiện tập trung tại BLHS năm 1985, BLHS năm 1999, sửa đổi bổ sung 2009. Việc thể hiện các quy định này mặc dù còn một số bất cập, hạn chế nhưng về cơ bản đã thể hiện đầy đủ, đúng với tính chất tăng nặng TNHS tương ứng với sự tăng lên của tính chất nguy hiểm cho xã hội của tội phạm.

Tỉnh Bình Phước là một tỉnh có kinh tế - xã hội đang phát triển ở mức độ cao, trình độ dân trí không đồng đều và là địa bàn phức tạp về chính trị - xã hội. Trong công tác xét xử VAHS, TAND các cấp trên địa bàn tỉnh cùng với các cơ quan hữu quan liên quan đã làm tốt chức năng xét xử các vụ án hình sự, về cơ bản đã áp dụng đúng và đầy đủ các tình tiết tăng nặng TNHS để phân hóa tội phạm và cá thể hóa hình phạt, tỷ lệ án bị sửa, bị hủy do lỗi chủ quan của Thẩm phán đều giảm qua từng năm... Bên cạnh đó, vẫn còn một số hạn chế trong công tác áp dụng tình tiết tăng nặng TNHS như áp dụng chưa chính xác tình tiết tăng nặng TNHS, áp dụng chưa đầy đủ tình tiết tăng nặng TNHS, đánh giá chưa chính xác tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của tình tiết tăng nặng TNHS nên áp dụng hình phạt chưa tương xứng... Điều này xuất phát từ cả nguyên nhân khách quan và nguyên nhân chủ quan như sự chưa hoàn thiện của hệ thống pháp luật, công tác hướng dẫn

pháp luật chưa đầy đủ, trình độ chuyên môn của người tiến hành tố tụng chưa cao, tranh tụng chưa hiệu quả... Đây cũng là thực trạng chung của công tác áp dụng tình tiết tăng nặng TNHS trong giải quyết VAHS tại các địa phương khác.

Để nâng cao hiệu quả áp dụng các tình tiết tăng nặng TNHS trong giải quyết các vụ án hình sự tại tỉnh Bình Phước cần những giải pháp đồng bộ về tư tưởng, chính trị - pháp lý, đề xuất hoàn thiện pháp luật, tăng cường hoạt động hướng dẫn áp dụng thống nhất các quy định về tình tiết tăng nặng TNHS của cơ quan có thẩm quyền và thường xuyên bồi dưỡng, đào tạo nâng cao trình độ của người tiến hành tố tụng trong các cơ quan tiến hành tố tụng tỉnh Bình Phước, đặc biệt là Tòa án nhân dân các cấp./.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Ban chỉ đạo tập huấn chuyên sâu Bộ luật hình sự - Bộ Tư Pháp (2000), *Tài liệu tập huấn chuyên sâu Bộ luật hình sự 1999 - (Tài liệu dùng cho báo cáo viên)*, Hà Nội.
2. Bộ Chính trị (2002), *Nghị quyết của Bộ Chính trị số 08-NQ/TW ngày 02/01/2002 về một số nhiệm vụ trọng tâm công tác tư pháp trong thời gian tới*, Hà Nội.
3. Bộ Chính trị (2005), *Nghị quyết của Bộ Chính trị số 48-NQ/TW ngày 24/05/2005 về chiến lược xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam đến năm 2010, định hướng đến năm 2020*, Hà Nội.
4. Bộ Chính trị (2005), *Nghị quyết của Bộ Chính trị số 49-NQ/TW ngày 2/6/2005 về chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020*, Hà Nội.
5. Bộ Tư Pháp (1998), *Chuyên đề về Luật hình sự của một số nước trên thế giới*, NXB Tư Pháp, Hà Nội.
6. Lê Cẩm (2001), *Nhân thân người phạm tội - Một số vấn đề lý luận cơ bản*, Tạp chí Tòa án nhân dân, (số 11), tr. 23-27.
7. Lê Cẩm (2002), *Nhân thân người phạm tội - Một số vấn đề lý luận cơ bản (tiếp)*, Tạp chí Tòa án nhân dân, (số 01), tr. 30-33.
8. Đặng Xuân Đào (2000), *Một số nội dung mới của các quy định về các tình tiết giảm nhẹ tăng nặng trách nhiệm hình sự trong Bộ luật hình sự Việt Nam*, Tạp chí Tòa án nhân dân, (số 5), tr. 37- 40.
9. Phạm Hồng Hải (2001), *Một vài ý kiến về chế định tái phạm, tái phạm nguy hiểm theo quy định của Bộ luật hình sự năm 1999*, Tạp chí Tòa án nhân dân, (số 12), tr. 34-37.
10. Nguyễn Ngọc Hòa (1991), *Tội phạm trong Luật hình sự Việt Nam*, NXB Công an nhân dân, Hà Nội.
11. Phạm Mạnh Hùng (2002), *Khái niệm trách nhiệm hình sự*, Tạp chí Luật học, (số 10), tr. 16-21.

12. Phạm Quốc Hưng (2009), *Các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự trong Luật Hình sự Việt Nam - Những vấn đề lý luận và thực tiễn*, Luận văn Thạc sĩ Luật học, Trường Đại học Luật Hà Nội, Hà Nội.
13. Bùi Văn Lam (2002), *Các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự trong Luật Hình sự Việt Nam*, Luận văn Thạc sĩ Luật học, Đại học Luật Hà Nội, Hà Nội.
14. Ưông Chu Lư (2001), *Bình luận khoa học Bộ luật hình sự năm 1999 (Tập I – Phần chung)*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
15. Lê Văn Minh (1998), *Những tình tiết là yếu tố định khung hình phạt trong Bộ luật hình sự*, Tạp chí Tòa án nhân dân, (số 7), tr. 15-18.
16. Đặng Thanh Nga (1998), *Hành vi phạm tội từ góc độ tâm lý học*, Tạp chí Luật học, (số 1), tr. 17-20.
17. Nguyễn Nông (2001), *Về tình tiết tái phạm và tái phạm nguy hiểm trong Bộ luật hình sự 1999*, Tạp chí Kiểm sát, (số 4), tr. 33-36.
18. Đỗ Ngọc Quang (1997), *Phân biệt phạm tội có tổ chức và tội phạm có tổ chức*, Tạp chí Kiểm sát, (số 6), tr. 29-32.
19. Đinh Văn Quế (1995), *Các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
20. Đinh Văn Quế (2000), *Bình luận khoa học Bộ luật hình sự năm 1999 (phần chung)*, NXB Thành phố Hồ Chí Minh, TP Hồ Chí Minh.
21. Quốc hội Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (1985), *Bộ luật hình sự*, NXB chính trị quốc gia, Hà Nội.
22. Quốc hội Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (1999), *Bộ luật hình sự*, NXB chính trị quốc gia, Hà Nội.
23. Quốc hội Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2009), *Bộ luật hình sự sửa đổi, bổ sung*, NXB chính trị quốc gia, Hà Nội.
24. Quốc hội Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2013), *Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam*, NXB chính trị quốc gia, Hà Nội.
25. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2016), *Luật Trẻ em*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.

26. Trần Văn Sơn (1996), *Áp dụng các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự để quyết định hình phạt*, Tạp chí Tòa án nhân dân, (số 3), tr. 22-25.
27. Trần Văn Sơn (1997), *Nhân thân người phạm tội – Một căn cứ để quyết định hình phạt*, Tạp chí tòa án nhân dân, (số 6), tr. 12-14.
28. Phạm Văn Tinh (2001), *Bàn về tái phạm, tái phạm nguy hiểm*, Tạp chí Tòa án, (số 4), tr. 13–14.
29. Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước (2012 - 2016), *Báo cáo tổng kết công tác năm*, Bình Phước.
30. Tòa án nhân dân tối cao (2001), *Cơ sở lý luận và thực tiễn của việc áp dụng Phần chung của Bộ Luật hình năm 1999*, Đề tài nghiên cứu khoa học cấp Bộ, số 2000/98/040/ĐT, Hà Nội.
31. Tòa án nhân dân tối cao (1976), *Hệ thống hóa luật lệ về hình sự*, NXB Giáo dục, Hà Nội.
32. Tòa án nhân dân tối cao, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Tư pháp, Bộ Công an (2001), *Thông tư hướng dẫn áp dụng một số quy định tại chương “Các tội xâm phạm sở hữu” của Bộ Luật hình sự 1999*, Hà Nội.
33. Đoàn Minh Tuấn (1995), *Vận dụng tình tiết tăng nặng “phạm tội nhiều lần” như thế nào?*, Tạp chí Tòa án nhân dân, (số 3), tr. 41-44.
34. Trường Đại học Luật Hà Nội (2010), *Giáo trình Luật hình sự Việt Nam*, NXB Công an nhân dân, Hà Nội.
35. Trường Đại học Luật Hà Nội (1997), *Luật hình sự Việt Nam – Những vấn đề lý luận và thực tiễn*, NXB Công an nhân dân, Hà Nội.
36. Đào Trí Úc (2000), *Luật Hình sự Việt Nam (quyển 1) - Những vấn đề chung*, NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội.
37. Đào Trí Úc (1993), *Mô hình lý luận về Bộ luật hình sự Việt Nam (Phần chung)*, Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội.
38. Đào Trí Úc (1994), *Những vấn đề lý luận của việc đổi mới pháp luật hình sự trong giai đoạn hiện nay*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.
39. Đào Trí Úc (1994), *Tội phạm học, Luật Hình sự và Luật Tố tụng hình sự*,

NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

40. Trần Hữu Ứng (2000), *Về khái niệm phạm tội có tổ chức*, Tạp chí Tòa án nhân dân, (số 9), tr. 23-25.

41. Viện nghiên cứu Nhà nước và Pháp luật (1995), *Tội phạm học, Luật hình sự và Luật tố tụng hình sự Việt Nam*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

42. Trịnh Tiên Việt (2004), *Về các tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự trong Bộ luật hình sự 1999 và một số kiến nghị*, Tạp chí Tòa án nhân dân, (số 13), tr. 8-10.

43. Võ Khánh Vinh (2001), *Giáo trình Luật hình sự Việt Nam, phần chung*, NXB Giáo dục, Hà Nội.

44. Võ Khánh Vinh (1994), *Nguyên tắc công bằng trong Luật hình sự Việt Nam*, NXB Công an nhân dân, Hà Nội.

## PHỤ LỤC

**Bảng 2.1: Kết quả thụ lý vụ án hình sự của Tòa án nhân dân các cấp tỉnh  
Bình Phước từ năm 2012 đến năm 2016**

Năm	Tổng số vụ án thụ lý	Cấp tỉnh		Cấp huyện		Tổng số bị cáo	Cấp tỉnh		Cấp huyện	
		Số vụ	Tỷ lệ %	Số vụ	Tỷ lệ %		Số bị cáo	Tỷ lệ %	Số bị cáo	Tỷ lệ %
2012	1607	349	21.7	1258	78.3	3454	587	17.0	2867	83.0
2013	1571	328	20.9	1243	79.1	3326	536	16.1	2790	83.9
2014	1549	318	20.5	1231	79.5	3213	536	16.7	2677	83.3
2015	1522	307	20.2	1215	79.8	2931	533	18.2	2398	81.8
2016	1411	280	19.8	1131	80.2	2563	450	17.6	2113	82.4
<b>Tổng</b>	<b>7660</b>	<b>1582</b>	<b>20.7</b>	<b>6078</b>	<b>79.3</b>	<b>15487</b>	<b>2642</b>	<b>17.1</b>	<b>12845</b>	<b>82.9</b>

*Nguồn: Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước*

**Bảng 2.2: Kết quả giải quyết các vụ án hình sự của Tòa án nhân dân các cấp  
tỉnh Bình Phước từ năm 2012 đến năm 2016**

Năm	Tổng số vụ án thụ lý	Số vụ án đã giải quyết						Xét xử	
		Toàn tỉnh		Cấp tỉnh		Cấp huyện		Số vụ	Tỷ lệ %
		Số vụ	Tỷ lệ %	Số vụ	Tỷ lệ %	Số vụ	Tỷ lệ %		
2012	1607	1505	93.7	330	21.9	1175	78.1	1117	74.2
2013	1571	1448	92.2	314	21.7	1134	78.3	1106	76.4
2014	1549	1497	96.6	306	20.4	1191	79.6	1131	75.6
2015	1522	1480	97.2	298	20.1	1182	79.9	1119	75.6
2016	1411	1368	97	271	19.8	1097	80.2	994	72.7
<b>Tổng</b>	<b>7660</b>	<b>7298</b>	<b>95.3</b>	<b>1519</b>	<b>20.8</b>	<b>5779</b>	<b>79.2</b>	<b>5467</b>	<b>74.9</b>

*Nguồn: Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước*

**Bảng 2.3: Số bị cáo trong các vụ án hình sự đã được giải quyết của Tòa án nhân dân các cấp tỉnh Bình Phước từ năm 2012 đến năm 2016**

Năm	Tổng số bị cáo thụ lý	Số bị cáo trong các vụ án hình sự được giải quyết						Xét xử	
		Toàn tỉnh		Cấp tỉnh		Cấp huyện		Số bị cáo	Tỷ lệ %
		Số bị cáo	Tỷ lệ %	Số bị cáo	Tỷ lệ %	Số bị cáo	Tỷ lệ %		
2012	3454	3263	94.5	538	16.5	2725	83.5	2164	66.3
2013	3326	3149	94.7	510	16.2	2639	83.8	2332	74.1
2014	3213	3045	94.8	515	16.9	2530	83.1	2453	80.6
2015	2931	2819	96.2	496	17.6	2323	82.4	2198	78.0
2016	2563	2380	92.9	430	18.1	1950	81.9	1760	73.9
<b>Tổng</b>	<b>15487</b>	<b>14656</b>	<b>94.6</b>	<b>2489</b>	<b>17.0</b>	<b>12167</b>	<b>83.0</b>	<b>10907</b>	<b>74.4</b>

*Nguồn: Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước*

**Bảng 2.4: Thống kê số vụ án bị sửa, hủy của Tòa án nhân dân các cấp tỉnh Bình Phước từ năm 2012 đến năm 2016**

Năm	Tổng số vụ án hình sự bị hủy	Tổng số vụ án hình sự bị sửa	Án bị sửa do lỗi chủ quan của Thẩm phán	Tỷ lệ so với án hình sự đã giải quyết	Tòa án cấp cao sửa	Tòa án cấp tỉnh sửa	Án bị hủy do lỗi chủ quan của Thẩm phán	Tỷ lệ so với án hình sự đã giải quyết
2012	24	110	49	3.3	7	103	23	1.5
2013	17	72	49	3.4	7	65	19	1.3
2014	19	65	43	2.9	6	59	18	1.2
2015	25	83	38	2.6	8	75	25	1.7
2016	20	60	41	3.0	6	54	20	1.5
<b>Tổng</b>	<b>105</b>	<b>390</b>	<b>220</b>	<b>3.0</b>	<b>34</b>	<b>356</b>	<b>105</b>	<b>1.4</b>

*Nguồn: Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước*